

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
1	1	DH45ISB01	31191020256	Nguyễn Thành	Đạt	10		9.5		9.3	7	
2	1	DH45ISB01	31191022361	Lê Bá Thành	Đạt	9		9.5		8	7.5	
3	1	DH45ISB01	31191027198	Lê Hoàng	Dương	KH		KH		kh	kh	
4	1	DH45ISB01	31191020743	Nguyễn Đình	Duy	8.5		9.5		8	7.8	
5	1	DH45ISB01	31191026590	Nguyễn Duy	Hiếu	KH		KH		kh	kh	
6	1	DH45ISB01	31191027058	Lê Đức	Hòa	8.5		6		7.8	6.8	
7	1	DH45ISB01	31191020143	Nguyễn Minh	Kha	10		7.5		8.3	9	
8	1	DH45ISB01	31191020435	Lê	Long	8		9.5		7.3	6.5	
9	1	DH45ISB01	31191023626	Vòng Sĩ	Nghiệp	9		9.5		8.3	5.8	
10	1	DH45ISB01	31191025442	Phạm Trần Hồng	Phát	10		10		9	8.5	
11	1	DH45ISB01	31191025611	Cao Quốc	Phú	8.5		8.5		8.3	8	
12	1	DH45ISB01	31191025786	Huỳnh Tấn	Thành	10		7.5		8	7.8	
13	1	DH45ISB01	31191020069	Nguyễn Gia	Tường	10		9.5		8	7.3	
14	1	DH45ISB02	31181024212	Đỗ Mai Đức	Anh	KH		KH		kh	kh	
15	1	DH45ISB02	31191026380	Trần Lê	Duy	8.5		8.5		7.8	8.3	
16	1	DH45ISB02	31191026428	Nguyễn Ngọc	Duy	10		10		8.3	8	
17	1	DH45ISB02	31191026941	Lê Vĩnh	Hào	7.5		3.5	7.5	6	6.5	
18	1	DH45ISB02	31191024699	Trần Bá Nguyên	Hoàng	8		10		7.3	8.3	
19	1	DH45ISB02	31191023426	Trương Anh	Khoa	9		4	8	5.5	7	
20	1	DH45ISB02	31191024706	Lê Nguyễn Minh	Khôi	9		4.5	8	6	5.8	
21	1	DH45ISB02	31191020403	Nguyễn Hoàng	Long	7.5		7		7	7.8	
22	1	DH45ISB02	31191020282	Nguyễn Lê Hoàng	Phúc	9		8.5		6.8	6.8	
23	1	DH45ISB02	31191022322	Nguyễn Lê Tiến	Sang	KH		KH		kh	kh	
24	1	DH45ISB02	31191020269	Phạm Văn	Tài	8		10		7.8	7	
25	1	DH45ISB02	31191022414	Trần Minh	Thuận	9		7		8.3	7.5	
26	1	DH45ISB02	31191024131	Lê Minh	Triết	9.5		8.5		6.8	7.5	
27	1	DH47KNC03	31211024833	Trần Phú	Đạt	9.5		9.5		8.5	7.5	
28	1	DH47KNC03	31211022878	Nguyễn Tiến	Dũng	8		8.5		7.5	8.3	
29	1	DH47KNC03	31211023862	Nguyễn Trần Tiến	Dũng	9.5		8		8	7	
30	1	DH47KNC03	31211021788	Đặng Huy	Hoàng	9.5		9		8.5	7	
31	1	DH47KNC03	31211021790	Nguyễn Minh	Hoàng	7.5		8.5		8.8	7.5	
32	1	DH47KNC03	31211024295	Lâm Dương Khải	Khải	9.5		9.5		7.8	7.3	
33	1	DH47KNC03	31211023562	Lê Ngọc Thành	Long	9		10		7.8	8.3	
34	1	DH47KNC03	31211025079	Phan Trọng	Nhân	10		10		9	8.5	
35	1	DH47KNC03	31211021943	Mai Tấn	Quân	9		9.5		8.5	8.5	
36	1	DH47KNC03	31211021963	Trần Thanh	Son	10		10		8.8	9.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
37	1	DH47KNC03	31211025855	Đỗ Gia	Tú	8.5		8.5		9	7.8	
38	1	DH47KNC03	31211026461	Trương Quang	Vũ	9.5		9		7.8	7.8	
39	1	DH45ISB01	31191020051	Trần Đình Việt	An	10		9.5		7.8	7.5	
40	1	DH45ISB01	31191023009	Ta Thụy	An	9		7.5		6.5	7.3	
41	1	DH45ISB01	31191025335	Bùi Thu	An	9.5		10		7.8	6.5	
42	1	DH45ISB01	31191020576	Huỳnh Linh	Chi	10		10		6.8	7.8	
43	1	DH45ISB01	31191025543	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	9		10		7.5	7.5	
44	1	DH45ISB01	31191023367	Bùi Diễm Lan	Hương	10		10		8.5	7.8	
45	1	DH45ISB01	31191020218	Nguyễn Phương	Linh	8		8		6.5	7.3	
46	1	DH45ISB01	31191021148	Nguyễn Huỳnh Khán Linh		9		7.5		6.3	7.8	
47	1	DH45ISB01	31191023499	Trịnh Yến	Linh	9		10		7.5	7.3	
48	1	DH45ISB01	31191021071	Đinh Nguyễn Kim	Ngân	KH		KH		kh	kh	
49	1	DH45ISB01	31191021664	Nguyễn Ngô Bảo	Ngân	9.5		4	10	7.3	8	
50	1	DH45ISB01	31191023606	Nguyễn Thụy Anh	Ngân	9.5		10		7.3	7.8	
51	1	DH45ISB01	31191024447	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	6.5		6.5		5.3	5.5	
52	1	DH45ISB01	31171021327	Lê Trần Hoàng	Phương	KH		KH		kh	kh	
53	1	DH45ISB01	31191022065	Phan Lê My	Sa	6.5		10		7.3	7.3	
54	1	DH45ISB01	31191020779	Trần Quế	San	9.5		10		8.3	7.5	
55	1	DH45ISB01	31191020181	Lê Thanh	Thảo	9.5		9.5		7.8	8.5	
56	1	DH45ISB01	31191027411	Hoàng Hương	Thảo	9.5		10		8	7.8	
57	1	DH45ISB01	31191021007	Nguyễn Hoàng Minh Thư		9		9.5		8	7.5	
58	1	DH45ISB01	31191025643	Đỗ Ngọc Như	Trâm	7.5		4	9	6.3	7.3	
59	1	DH45ISB01	31191020463	Phan Thị Hoàng	Trang	9		9		7.8	8	
60	1	DH45ISB01	31191024082	Mai Việt Thanh	Trang	7		6		7.3	6.8	
61	1	DH45ISB01	31191022000	Phan Minh Hạnh	Uyên	10		8		8.5	8.3	
62	1	DH45ISB01	31191025224	Nguyễn Hải Phương	Vy	8		10		8	7.3	
63	1	DH45ISB01	31191024329	Đinh Ngọc	Yến	9.5		10		8.8	8	
64	1	DH45ISB02	31191020276	Lê Hoàng Việt	An	9.5		10		9.5	9.5	
65	1	DH45ISB02	31191023008	Phạm Thị Thanh	An	KH		KH		kh	kh	
66	1	DH45ISB02	31191020265	Nguyễn Phương	Anh	KH		KH		kh	kh	
67	1	DH45ISB02	31191024965	Vũ Đình Ngọc	Diệp	8		7.5		9	8.5	
68	1	DH45ISB02	31191020052	Trần Ngọc Thùy	Dương	9.5		9.5		8.3	8.5	
69	1	DH45ISB02	31191026127	Đào Khánh	Duyên	9		9.5		8	7.3	
70	1	DH45ISB02	31191020315	Nguyễn Thị Thu	Hường	9.5		9.5		8.3	8.5	
71	1	DH45ISB02	31191024421	Vũ Bùi Hà	Linh	9.5		6.5		8.5	8	
72	1	DH45ISB02	31191020133	Nguyễn Minh	Ngân	8		5.5		9.3	9	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
73	1	DH45ISB02	31191023612	Trần Nguyễn Thúy	Ngân	10		10		7.8	8	
74	1	DH45ISB02	31191027375	Trần Kim	Ngân	9.5		7.5		7.8	7.8	
75	1	DH45ISB02	31191023629	Dương Nguyễn Ánh	Ngọc	5.5		3.5	7.5	6.8	6.8	
76	1	DH45ISB02	31191023672	Vô Thị Thảo	Nguyên	KH		KH		kh	kh	
77	1	DH45ISB02	31191023706	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	KH		KH		kh	kh	
78	1	DH45ISB02	31191023746	Nguyễn Quỳnh	Như	9.5		9.5		8.5	7	
79	1	DH45ISB02	31191022116	Nguyễn Khánh	Nhung	8		8.5		7.8	7.8	
80	1	DH45ISB02	31191025618	Trần Thị Trúc	Phương	9		7.5		7	7.3	
81	1	DH45ISB02	31191020173	Phan Châu	Thanh	9.5		10		7.8	7.5	
82	1	DH45ISB02	31191022307	Nguyễn Minh	Thảo	9		9.5		8.8	7.5	
83	1	DH45ISB02	31191023963	Nguyễn Phương	Thảo	6.5		9.5		6	6.8	
84	1	DH45ISB02	31191023966	Nguyễn Thị Phương	Thảo	5.5		5.5		8.3	7.3	
85	1	DH45ISB02	31191024152	Lê Thị Thanh	Trúc	9.5		7.5		7.5	7.8	
86	1	DH45ISB02	31191025326	Đào Minh Thảo	Vy	7.5		9		7	6.8	
87	1	DH45ISB02	31191025507	Hà Thảo	Vy	8.5		9		6.8	7.8	
88	1	DH45ISB02	31191024335	Phạm Hoàng Minh	Yến	10		10		7.8	6.8	
89	1	DH47KNC03	31211021693	Bùi Ngọc	Anh	10		10		8.5	7.8	
90	1	DH47KNC03	31211023783	Nguyễn Thị Thúy	Anh	9		9		8.5	7	
91	1	DH47KNC03	31211021733	Nguyễn Lê Ngọc	Diễm	8		5		8.5	7.5	
92	1	DH47KNC03	31211021737	Phạm Thị Xuân	Diệu	8		5.5		5.3	8.3	
93	1	DH47KNC03	31211025164	Vũ Trần Nhã	Đoan	8.5		9		7.8	7	
94	1	DH47KNC03	31211024116	Nguyễn Thành Mỹ	Duyên	9		9		9.5	9.3	
95	1	DH47KNC03	31211024608	Nguyễn Trần Mỹ	Duyên	6.5		10		7.3	7.8	
96	1	DH47KNC03	31211026050	Nguyễn Thanh	Giang	10		8.5		8	6.5	
97	1	DH47KNC03	31211025847	Trần Thị Thu	Hiền	9.5		10		8	7	
98	1	DH47KNC03	31211024927	Châu Tuyết	Hoa	7		9		7.5	7.3	
99	1	DH47KNC03	31211024250	Nguyễn Khánh	Huyền	9.5		9.5		7	6.5	
100	1	DH47KNC03	31211026230	Nguyễn Phạm Như	Huỳnh	8.5		8.5		7.3	6.8	
101	1	DH47KNC03	31211020609	Phan Hoàng Vân	Khánh	7		9		6.5	7	
102	1	DH47KNC03	31211025404	Lê Bảo Thiên	Kim	9.5		9.5		8.3	7.5	
103	1	DH47KNC03	31211023006	Hồ Thị Ngọc	Nga	8.5		10		6.8	8	
104	1	DH47KNC03	31211021884	Dương Kim	Ngân	8.5		10		8.8	5.5	
105	1	DH47KNC03	31211026929	Nguyễn Minh	Nguyệt	10		10		9	9	
106	1	DH47KNC03	31211020576	Gíp Tâm	Nhi	9.5		10		8.3	7.3	
107	1	DH47KNC03	31211021914	Tạ Thị Yến	Nhi	10		10		8.5	8.3	
108	1	DH47KNC03	31211021915	Vũ Ngọc Khánh	Nhi	9		10		7.8	7.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
109	1	DH47KNC03	31211021925	Mai Thục	Như	10		10		8.5	6.8	
110	1	DH47KNC03	31211023048	Hoàng Kim	Oanh	9.5		9		8.3	8.3	
111	1	DH47KNC03	31211021939	Nguyễn Phạm Thanh	Phương	10		9		7.8	8.8	
112	1	DH47KNC03	31211023049	Lê Thị Kim	Quý	7.5		5.5		7.5	7	
113	1	DH47KNC03	31211022547	Trần Thị Như	Quỳnh	10		10		7.8	7.8	
114	1	DH47KNC03	31211023908	Lê Thị Phương	Thảo	10		9.5		8.3	7.8	
115	1	DH47KNC03	31211023577	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9.5		9.5		7	8.3	
116	1	DH47KNC03	31211021044	Võ Gia Việt	Thảo	KH		KH		kh	kh	
117	1	DH47KNC03	31211021990	Trần Thị Anh	Thư	9		10		8.3	7.5	
118	1	DH47KNC03	31211023152	Nguyễn Thanh	Thúy	10		10		7.5	7	
119	1	DH47KNC03	31211024776	Trương Nguyễn Phúc	Thy	9		9		8	7.5	
120	1	DH47KNC03	31211022008	Hà Ngọc Bích	Trâm	7.5		9		8.5	6.5	
121	1	DH47KNC03	31211026066	Ngô Thị Thanh	Trúc	8.5		9.5		8.3	7.5	
122	1	DH47KNC03	31211026852	Dương Bích	Tuyền	9.5		9.5		7.5	8.3	
123	1	DH47KNC03	31211020383	Huỳnh Ngọc Thanh	Tuyền	8		7.5		7.3	6	
124	1	DH47KNC03	31211024865	Nguyễn Lê Phương	Uyên	8.5		9		8	7.3	
125	1	DH47KNC03	31211027191	Bùi Thị Thanh	Vân	10		10		8.5	9.8	
126	1	DH47KNC03	31211022043	Đoàn Thị Thanh	Vân	8		9		8.5	7.3	
127	1	DH47KNC03	31211020080	Đồng Thị Khánh	Vy	8		8.5		8.5	6.3	
128	1	DH47KNC03	31211026068	Nguyễn Ngọc Như	Ý	8.5		10		8	8	
1	2	DH45ISB03	31191020044	Trịnh Khắc	Dũng	6.5		9		7	7	
2	2	DH45ISB03	31191020567	Nguyễn Hoàng	Duy	8		9.5		7.3	7.5	
3	2	DH45ISB03	31191020244	Phạm Duy	Hoàng	9		10		7.8	8.5	
4	2	DH45ISB03	31191020604	Phùng Minh	Huy	KH		KH		kh	kh	
5	2	DH45ISB03	31191021690	Lý Trần Anh	Khôi	9		9		8.3	8.3	
6	2	DH45ISB03	31191025990	Nguyễn Trung	Kiên	8.5		9		6	7.3	
7	2	DH45ISB03	31191020175	Phạm Hải	Long	10		10		6.8	6.8	
8	2	DH45ISB03	31191021863	Trần Minh Khôi	Nguyên	10		10		7.3	9.3	
9	2	DH45ISB03	31191020336	Hồ Hao	Nhiên	10		10		6.3	7.3	
10	2	DH45ISB03	31191023772	Trần Minh	Phi	9		9.5		8	7.8	
11	2	DH45ISB03	31191020874	Phạm Trường	Thịnh	8		8.5		8.3	8.8	
12	2	DH45ISB03	31191025648	Lê Nguyễn Minh	Tuấn	8		7		7.3	9.5	
13	2	DH45ISB03	31191024514	Nguyễn Trần Thanh	Tùng	10		8.5		6.5	7.5	
14	2	DH45ISB04	31191023202	Hà Hải	Đăng	7		7.5		6.5	7	
15	2	DH45ISB04	31191024970	Nguyễn Đức	Duy	5		9.5		6	7.5	
16	2	DH45ISB04	31191026037	Giang Đức	Hạo	KH		KH		kh	kh	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
17	2	DH45ISB04	31191022108	Nguyễn Xuân	Hiệp	10		10		7.3	6.5	
18	2	DH45ISB04	31191026141	Đỗ Lê	Khoa	9		7		8	7	
19	2	DH45ISB04	31191022139	Võ Phan Hồng	Kiệt	7.5		4.5	9.5	7.3	8	
20	2	DH45ISB04	31191022301	Lê	Minh	9		10		7.3	5.8	
21	2	DH45ISB04	31191027080	Ngô Quang	Nguyên	9.5		9.5		6	8	
22	2	DH45ISB04	31191023829	Lê Phúc	Quang	5		7		5.8	6.8	
23	2	DH45ISB04	31191024764	Nguyễn Minh	Thắng	10		9.5		8.3	10	
24	2	DH45ISB04	31191024059	Bùi Minh	Tiến	9.5		8.5		7.8	9.3	
25	2	DH45ISB04	31191025848	Dương Khánh	Trung	KH		KH		kh	kh	
26	2	DH47KNC05	31211021730	Lương Sĩ	Chương	7.5		10		6.3	6.8	
27	2	DH47KNC05	31211026631	Trần Minh	Cường	7.5		8.5		5.5	8	
28	2	DH47KNC05	31211020896	Thái Nguyên	Hào	6.5		5		6	6	
29	2	DH47KNC05	31211023636	Đặng Lê	Hiếu	8.5		6		7.8	8	
30	2	DH47KNC05	31211023791	Hoàng Đức	Hòa	9.5		10		8.3	9.3	
31	2	DH47KNC05	31211021816	Nguyễn Quang	Khải	7.5		7.5		6	8.3	
32	2	DH47KNC05	31211023833	Trần Quang	Minh	9		8.5		5.8	7.5	
33	2	DH47KNC05	31211024175	Phan Sỹ	Nguyên	8.5		8.5		7.8	7.5	
34	2	DH47KNC05	31211024152	Trương Ngọc	Sáng	8.5		9.5		7.5	7.5	
35	2	DH47KNC05	31211022393	Trần Hoàng	Thái	10		10		7.5	8.3	
36	2	DH47KNC05	31211026832	Huỳnh Thanh	Thiệu	8		7		7.3	7.3	
37	2	DH47KNC05	31211021533	Mai Đức	Trọng	8.5		10		9.3	9	
38	2	DH45ISB03	31191020003	Phạm Mai Minh	Anh	KH		KH		kh	kh	
39	2	DH45ISB03	31191024670	Huỳnh Quế	Anh	8.5		8		6.5	7.8	
40	2	DH45ISB03	31191025132	Ngô Vân	Anh	8		5		7.5	7.3	
41	2	DH45ISB03	31191025519	Lê Ngọc Nhi	Bình	9.5		9		6.3	8.5	
42	2	DH45ISB03	31191027318	Nguyễn Hoàng Nhật	Duyên	9.5		10		7	5.8	
43	2	DH45ISB03	31191025545	Dương Ngọc	Hân	9.5		10		7.5	7.3	
44	2	DH45ISB03	31191020448	Nguyễn Như	Hào	10		9.5		9	8	
45	2	DH45ISB03	31191026779	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	9.5		10		6.3	8.5	
46	2	DH45ISB03	31191023543	Võ Châu Trà	Mi	8		6		7.3	7.8	
47	2	DH45ISB03	31191023639	Lê Quốc Khánh	Ngọc	9		10		8	8	
48	2	DH45ISB03	31191021032	Lê Hoàng Thảo	Nguyên	9.5		9.5		8	7.5	
49	2	DH45ISB03	31191023696	Huỳnh Tuyết	Nhi	10		9.5		7	8.8	
50	2	DH45ISB03	31191020778	Võ Ngọc Hoàng	Phương	7.5		5.5		5.5	6.5	
51	2	DH45ISB03	31191020880	Lê Vân Mai	Phương	8		5.5		7.5	9.3	
52	2	DH45ISB03	31191023821	Trần Thị Thu	Phương	9.5		10		7.3	7.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
53	2	DH45ISB03	31191023854	Lê Nguyễn Mỹ	Quyên	8.5		8.5		6	9	
54	2	DH45ISB03	31191021862	Phan Bảo	Tâm	9		8.5		8.3	8	
55	2	DH45ISB03	31191026184	Phan Bình Phương	Thảo	10		10		8.3	7.8	
56	2	DH45ISB03	31191020057	Nguyễn Ngọc	Thi	9.5		10		7.8	8.8	
57	2	DH45ISB03	31191024042	Trần Minh	Thư	KH		KH		kh	kh	
58	2	DH45ISB03	31191022137	Trần Xuân Hồng	Thủy	10		8.5		8.5	7.3	
59	2	DH45ISB03	31191024106	Nguyễn Hồng Minh	Trâm	8.5		9.5		7.3	8	
60	2	DH45ISB03	31191024156	Phạm Thanh	Trúc	10		10		7.8	8	
61	2	DH45ISB03	31191020053	Nguyễn Lê Phương	Vy	10		9		7.5	7.8	
62	2	DH45ISB03	31191020623	Lê Huỳnh Phương	Vy	10		9		6.5	7.5	
63	2	DH45ISB04	31191020382	Thái Hoàng	Anh	9.5		9		7	8.3	
64	2	DH45ISB04	31191020893	Vũ Trần Minh	Anh	KH		KH		kh	kh	
65	2	DH45ISB04	31191023068	Tô Nguyễn Minh	Anh	9		9.5		7.5	9.3	
66	2	DH45ISB04	31191026724	Phạm Ngọc Phương	Anh	9		8.5		6.8	6.5	
67	2	DH45ISB04	31191027052	Hồ Hào	Duyên	7.5		6.5		5.8	6	
68	2	DH45ISB04	31191025240	Đặng Vũ Ngọc	Hà	10		9.5		6.8	7.8	
69	2	DH45ISB04	31191023401	Nguyễn Minh	Khanh	7		3.5	7	6.5	6.8	
70	2	DH45ISB04	31191021041	Nguyễn Tôn Vành	Khuyên	8.5		8.5		7	6.8	
71	2	DH45ISB04	31191020087	Lý Tuyết	Mẫn	8		10		8	6.5	
72	2	DH45ISB04	31191025426	Phạm Thảo	Nguyên	8		5		7	9.3	
73	2	DH45ISB04	31191023726	Vũ Long	Nhi	9.5		9		8.3	8.3	
74	2	DH45ISB04	31191023739	Lê Thanh	Như	9		10		7.3	8	
75	2	DH45ISB04	31191025286	Lê Thảo	Như	10		9.5		9.5	9.5	
76	2	DH45ISB04	31191024455	Huỳnh Thị Thanh	Phước	10		10		6.8	6.8	
77	2	DH45ISB04	31191021591	Nguyễn Hoàng Hải	Quế	KH		KH		kh	kh	
78	2	DH45ISB04	31191023869	Khổng Mai	Quỳnh	9.5		8.5		7.5	7	
79	2	DH45ISB04	31191023887	Vũ Phương	Quỳnh	8.5		7.5		7.3	7.3	
80	2	DH45ISB04	31191024926	Nguyễn Thị Anh	Thi	8.5		7.5		7.5	8	
81	2	DH45ISB04	31191020020	Phan Nguyễn Anh	Thư	9		9.5		8.5	9.3	
82	2	DH45ISB04	31191024860	Nguyễn Minh	Thư	9.5		9		8	9	
83	2	DH45ISB04	31191020978	Lê Hoàng Thu	Trang	KH		KH		kh	kh	
84	2	DH45ISB04	31191020697	Hồ Lưu Nhã	Trúc	KH		KH		kh	kh	
85	2	DH45ISB04	31191025218	Lê Nhã	Uyên	9		10		8.3	7.8	
86	2	DH45ISB04	31191021002	Phạm Ngọc Thảo	Vy	10		9.5		7.3	7.8	
87	2	DH45ISB04	31191024291	Nguyễn Hoàng Lan	Vy	9		8.5		6.5	9	
88	2	DH47KNC05	31211021236	Tô Trần Quỳnh	Anh	8.5		10		7.5	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
89	2	DH47KNC05	31211027225	Vũ Thị Ngọc	Ánh	9		8		7.5	7.5	
90	2	DH47KNC05	31211024361	Nguyễn Ngọc	Bích	7		9		6.5	7.8	
91	2	DH47KNC05	31211026311	Nguyễn Hồng	Diệp	7		9.5		6.8	8	
92	2	DH47KNC05	31211022991	Đặng Thị Phương	Duy	6.5		10		7.3	7.8	
93	2	DH47KNC05	31211021773	Từ Gia	Hân	9.5		9.5		7.5	6.8	
94	2	DH47KNC05	31211026271	Phạm Thị Phương	Hòa	7.5		6.5		6.5	7.8	
95	2	DH47KNC05	31211021793	Đặng Huỳnh	Huệ	8.5		4.5	7	7.8	9	
96	2	DH47KNC05	31211021812	Đồng Thị Thu	Hương	8.5		7		6.8	7	
97	2	DH47KNC05	31211021817	Nguyễn Hồ Mỹ	Khanh	7		7		6.5	7.3	
98	2	DH47KNC05	31211021834	Ngô Hương	Lan	9.5		7		7.5	8.3	
99	2	DH47KNC05	31211023838	Lê Diệp Phương	Linh	5		10		7.3	7.8	
100	2	DH47KNC05	31211026081	Nguyễn Trường Mỹ	Lợi	8		9		6.3	8.5	
101	2	DH47KNC05	31211023843	Nguyễn Hà	My	9		9.5		8	8	
102	2	DH47KNC05	31211022389	Nguyễn Phạm Thảo	My	9.5		10		8.3	8.8	
103	2	DH47KNC05	31211025181	Lê Thị Hằng	Nga	10		10		7.3	8.3	
104	2	DH47KNC05	31211023565	Hoàng Vũ Kim	Ngân	7.5		8.5		7	7.5	
105	2	DH47KNC05	31211020312	Phạm Thị Ánh	Ngân	10		10		8.3	8	
106	2	DH47KNC05	31211026699	Bùi Bảo	Ngọc	9.5		9.5		7.3	8.3	
107	2	DH47KNC05	31211025172	Nguyễn Hà Uyên	Nhi	9.5		9.5		7.5	7.5	
108	2	DH47KNC05	31211024566	Võ Ngọc Yến	Nhi	7		8		6.5	7	
109	2	DH47KNC05	31211025359	Phạm Nguyễn Quỳnh Như		8.5		10		5	8.3	
110	2	DH47KNC05	31211021932	Nguyễn Trương Hồng	Phúc	10		10		8.3	8.8	
111	2	DH47KNC05	31211021933	Trương Hồng	Phúc	9		9		7.3	6	
112	2	DH47KNC05	31211022391	Thái Thị Minh	Phương	7.5		10		7.8	8.3	
113	2	DH47KNC05	31211022979	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	9		7		6.8	8.3	
114	2	DH47KNC05	31211025511	Văn Nguyễn Như	Quỳnh	9.5		10		8	6	
115	2	DH47KNC05	31211021970	Nguyễn Phương	Thanh	10		10		6.3	8.5	
116	2	DH47KNC05	31211023575	Hà Trần Nhật	Thảo	6.5		8.5		8.5	8	
117	2	DH47KNC05	31211026169	Nguyễn Thị Minh	Thư	7.5		8.5		7.5	8.5	
118	2	DH47KNC05	31211023667	Võ Nguyễn Anh	Thư	8.5		8		7.5	8	
119	2	DH47KNC05	31211026241	Trần Thị	Thúy	8.5		8		5.8	7	
120	2	DH47KNC05	31211021291	Huỳnh Thủy	Tiên	9		10		8	5.8	
121	2	DH47KNC05	31211020479	Lý Cát	Tiên	10		10		8.3	8.5	
122	2	DH47KNC05	31211025070	Trần Lê Mỹ	Tiên	9		9.5		7.8	8.8	
123	2	DH47KNC05	31211023654	Lê Thị Bích	Trâm	KH		KH		kh	kh	
124	2	DH47KNC05	31211020399	Lê Thị Phương	Trâm	6.5		7		6.8	6.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
125	2	DH47KNC05	31211026471	Nguyễn Phương	Vy	8.5		10		7.3	8.5	
126	2	DH47KNC05	31211025831	Quách Thanh	Vy	9.5		7.5		8.5	8.3	
1	3	DH45ISB05	31191023203	Nguyễn Hải	Đăng	9.5		7.5		8	8	
2	3	DH45ISB05	31191023425	Tô Minh	Khoa	8.5		9.5		8	7.5	
3	3	DH45ISB05	31191025257	Trần Vĩnh	Khuong	10		9.5		8.3	7	
4	3	DH45ISB05	31191021729	Lê Cao	Minh	9.5		9.5		7.8	7.5	
5	3	DH45ISB05	31191023801	Võ Trần Hoàng	Phước	8		5.5		7	7.5	
6	3	DH45ISB05	31191023892	Lê Hoàng Thiên	Sinh	KH		KH		kh	kh	
7	3	DH45ISB05	31191027406	Trần Hoài	Son	KH		KH		kh	kh	
8	3	DH45ISB05	31191020471	Lê Huy	Tuấn	8.5		9.5		8.3	8.8	
9	3	DH45ISB06	31191027314	Nguyễn Hoàng Việt	Cường	9		6		8.5	8.8	
10	3	DH45ISB06	31191020739	Lý Tuấn	Hiền	KH		KH		kh	kh	
11	3	DH45ISB06	31191020088	Giang Đông	Hiền	10		10		9	7.5	
12	3	DH45ISB06	31191020101	Nguyễn Trinh Gia	Huy	8.5		5		7.3	7.3	
13	3	DH45ISB06	31191020692	Ngô Đắc	Huy	9.5		9		7.8	7.3	
14	3	DH45ISB06	31191024403	Lê Nguyên	Khoa	9.5		10		8.3	7.3	
15	3	DH45ISB06	31191020496	Vũ Thành	Nam	10		9.5		8	7.5	
16	3	DH45ISB06	31191021191	Nguyễn Võ Kỳ	Quan	9.5		10		8.3	7.5	
17	3	DH45ISB06	31191023940	Nguyễn Xuân	Thành	10		9.5		7.5	8	
18	3	DH45ISB06	31191020149	Đoàn Chánh	Thống	10		10		9	9.5	
19	3	DH45ISB06	31191024253	Thái Triệu	Vĩ	8		8.5		6.5	7	
20	3	DH47KM001	31211023513	Nguyễn Trung	Hiếu	9		5.5		8	6	
21	3	DH47KM001	31211023213	Phan Văn	Hiếu	8		7.5		7.3	7.3	
22	3	DH47KM001	31211026103	Nguyễn Hoàng	Huy	5		5.5		6.5	7	
23	3	DH47KM001	31211025566	Hồ Nguyễn Đăng	Khoa	7		6		7.3	7	
24	3	DH47KM001	31211026912	Phan Nguyễn Minh	Lâm	7.5		7		8.3	9	
25	3	DH47KM001	31211023891	Trương Nguyễn Quai Minh		9.5		7		7	8	
26	3	DH47KM001	31211023329	Tô Đoàn Minh	Thiện	8		6		7.5	8	
27	3	DH45ISB05	31191021000	Trần Minh	Anh	10		10		7.5	6.8	
28	3	DH45ISB05	31191021371	Thái Hồng	Anh	10		9.5		8.5	8	
29	3	DH45ISB05	31191023011	Bùi Lê Mai	Anh	KH		KH		kh	kh	
30	3	DH45ISB05	31191025346	Trần Thị Trâm	Anh	9.5		8		7.8	6.3	
31	3	DH45ISB05	31191023105	Trần Phước Ngọc	Bảo	9.5		9.5		8.5	8.3	
32	3	DH45ISB05	31191020705	Lê Ngọc	Diễm	10		10		9	8.5	
33	3	DH45ISB05	31191023182	Hồ Mỹ	Duyên	9		8.5		7.5	6.8	
34	3	DH45ISB05	31191025368	Trần Thị Thu	Hà	9		10		8.8	8.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
35	3	DH45ISB05	31191022032	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	10		9.5		8.5	7.8	
36	3	DH45ISB05	31191022371	Phạm Ngọc	Khanh	8		10		7.8	7.8	
37	3	DH45ISB05	31191024798	Nguyễn Phan Yến	Linh	9.5		9		7.8	8.5	
38	3	DH45ISB05	31191025391	Hoàng Mỹ	Linh	9.5		10		8.3	8	
39	3	DH45ISB05	31191025168	Trương Ngọc Trà	My	9.5		9.5		6	6.8	
40	3	DH45ISB05	31191023582	Lý Uyên	Nga	8.5		9		7.8	6.3	
41	3	DH45ISB05	31191024442	Trần Nguyễn Khánh	Nguyên	8.5		9.5		7.3	6.3	
42	3	DH45ISB05	31191020076	Hồ Thảo	Nhi	10		10		8.5	7.3	
43	3	DH45ISB05	31191026091	Lê Trần Thùy	Nhiên	9.5		9.5		8.3	7.5	
44	3	DH45ISB05	31191022102	Lê Phạm Thục	Oanh	9		7		6.3	7.3	
45	3	DH45ISB05	31191021052	Vũ Hoàng	Phương	8.5		7		7.3	7.3	
46	3	DH45ISB05	31191021859	Bào Ngọc Như	Quỳnh	6.5		8.5		5.8	7	
47	3	DH45ISB05	31191020738	Từ Hạnh	San	KH		KH		kh	kh	
48	3	DH45ISB05	31191020308	Nguyễn Thị Yến	Thanh	10		6.5		7.8	6.8	
49	3	DH45ISB05	31191020493	Tăng Hoàng Tổ	Thư	KH		KH		kh	kh	
50	3	DH45ISB05	31191024014	Lê Thị Phương	Thùy	10		9.5		8.5	8.8	
51	3	DH45ISB05	31191020781	Lê Ngọc	Trâm	8.5		9.5		8	8.5	
52	3	DH45ISB05	31191020212	Lê Ngọc Khánh	Trân	9.5		10		8.3	8.5	
53	3	DH45ISB05	31191025796	Nguyễn Bảo	Trân	9		10		8.8	7.8	
54	3	DH45ISB05	31191020252	Nguyễn Hồng Thục	Uyên	9.5		8.5		8.5	8.3	
55	3	DH45ISB05	31191024292	Nguyễn Hoàng Lan	Vy	9.5		7.5		7.8	8.5	
56	3	DH45ISB06	31191022185	Võ Trần Tuyết	Anh	8.5		8.5		7.8	8	
57	3	DH45ISB06	31191022415	Trần Khánh	Chi	KH		KH		kh	kh	
58	3	DH45ISB06	31191023151	Huỳnh Gia	Dinh	7		6.5		6.8	6.3	
59	3	DH45ISB06	31191020816	Lâm Nguyễn Hồng	Hân	KH		KH		kh	kh	
60	3	DH45ISB06	31191023284	Nguyễn Trần Thu	Hân	10		9		8.8	8.3	
61	3	DH45ISB06	31191023436	Trần Phú Hoàng	Khuê	7.5		10		7.5	7.5	
62	3	DH45ISB06	31191020640	Nguyễn Thị Thanh	Lan	10		10		9.5	8.5	
63	3	DH45ISB06	31191020307	Nguyễn Bá Khánh	Linh	10		9.5		8.8	8.3	
64	3	DH45ISB06	31191025398	Trần Khánh	Ly	KH		KH		kh	kh	
65	3	DH45ISB06	31191023589	Lê Quỳnh Minh	Ngân	8		10		9	8	
66	3	DH45ISB06	31191025269	Lê Trần Kim	Ngân	4.5		8		8.8	7.8	
67	3	DH45ISB06	31191020950	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	10		10		7.5	8.3	m:TH
68	3	DH45ISB06	31191026086	Đặng Thị Yến	Nhi	8		9.5		6.5	7.5	
69	3	DH45ISB06	31191023744	Nguyễn Ngọc Mai	Như	7.5		9		6.8	6.8	
70	3	DH45ISB06	31191022387	Lê Khánh	Quỳnh	9.5		9		9	8.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
71	3	DH45ISB06	31191023917	Ngô Huyền Đan	Thanh	10		10		9.3	9.3	
72	3	DH45ISB06	31191022071	Ao Thạch	Thảo	8.5		9		8.5	8	
73	3	DH45ISB06	31191024493	Võ Ngọc Thùy	Tiên	10		9.5		8.5	7.3	
74	3	DH45ISB06	31191024112	Trương Bích	Trâm	9		8		7	6.8	
75	3	DH45ISB06	31191024781	Vương Bửu	Trân	KH		KH		kh	kh	
76	3	DH45ISB06	31191022052	Mai Châu Thùy	Trang	10		10		8	8.5	
77	3	DH45ISB06	31191020703	Võ Thanh	Trúc	KH		KH		kh	kh	
78	3	DH45ISB06	31191024203	Trương Bích	Tuyền	10		8		7.8	7.8	
79	3	DH45ISB06	31191024294	Nguyễn Khánh	Vy	9.5		7.5		8	7	
80	3	DH45ISB06	31191024313	Thới Nguyễn Tường	Vy	7		4	8.5	7.3	6	
81	3	DH47KM001	31211025816	Lê Thị Minh	Châu	9		8		8.8	8.3	
82	3	DH47KM001	31211026423	Mai Ngọc	Châu	9		9		6.3	7.8	
83	3	DH47KM001	31211026551	Nguyễn Hoàng Quý	Châu	10		9.5		8	8.5	
84	3	DH47KM001	31211026962	Trương Thị Hải	Duyên	8.5		7.5		8.3	8	
85	3	DH47KM001	31211022825	Phan Thị Hương	Giang	8.5		9		6.5	7.3	
86	3	DH47KM001	31211023101	Nguyễn Lương Nhật	Hà	9.5		9		8.5	8	
87	3	DH47KM001	31211025611	Trần Khánh	Hạ	8.5		10		8.3	7.3	
88	3	DH47KM001	31211024344	Nguyễn Bảo	Hân	10		8.5		8.3	6.8	
89	3	DH47KM001	31211026148	Nguyễn Gia	Hân	8.5		9.5		6.8	7.3	
90	3	DH47KM001	31211023131	Hoàng Thị Thanh	Huyền	8.5		9.5		8.8	8.3	
91	3	DH47KM001	31211024069	Võ Thị Thanh	Huyền	10		10		9.5	8.8	
92	3	DH47KM001	31211026804	Hoàng Phương	Lam	7.5		7.5		7.3	7.3	
93	3	DH47KM001	31211026083	Huỳnh Nhật	Lam	8.5		9		7	7.5	
94	3	DH47KM001	31211023383	Nguyễn Thị Kim	Lan	7		7		8.3	6.8	
95	3	DH47KM001	31211025028	Nguyễn Quỳnh Huệ	Linh	8		9		7.5	7.3	
96	3	DH47KM001	31211024019	Trình Yên	Linh	10		10		9.5	9	
97	3	DH47KM001	31211021081	Vũ Trường Bảo	Ly	10		9		7.8	8.5	
98	3	DH47KM001	31211026163	Nguyễn Hồ Thúy	Mai	9.5		8		8.5	8.5	
99	3	DH47KM001	31211025895	Lê Thị Trà	My	9		9.5		8	8	
100	3	DH47KM001	31211026425	Trà Thảo	My	8.5		6		7	7.3	
101	3	DH47KM001	31211022363	Võ Thị Quỳnh	Ngân	8.5		8		8.3	8.3	
102	3	DH47KM001	31211024201	Đỗ Hồng	Ngọc	8.5		4	9.5	7.8	7.8	
103	3	DH47KM001	31211023540	Nguyễn Hồng	Ngọc	9		10		6.8	6.5	
104	3	DH47KM001	31211026853	Lưu Thị Hồng	Nhung	10		10		9	7.3	
105	3	DH47KM001	31211023181	Võ Thị Mỹ	Nhung	10		10		8.5	7.5	
106	3	DH47KM001	31211023351	Đỗ Thị Thu	Phương	10		9.5		8.5	8.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
107	3	DH47KM001	31211022663	Nguyễn Thu	Phuong	8		8		6.8	6.5	
108	3	DH47KM001	31211023364	Nguyễn Thị	Phượng	5.5		7.5		5.3	5.5	
109	3	DH47KM001	31211023680	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	9		7.5		6.3	7.5	
110	3	DH47KM001	31211023325	Vô Thị Thu	Quyên	8		9		6.8	7.3	
111	3	DH47KM001	31211022485	Đoàn Trúc	Quỳnh	8.5		6		5.8	6	
112	3	DH47KM001	31211023016	Trương Ngọc Quốc	Thanh	9.5		10		6	6.5	
113	3	DH47KM001	31211027121	Huỳnh Trần Mai	Thảo	7		6		6	6.5	
114	3	DH47KM001	31211024512	Lê Nguyễn Anh	Thư	9.5		9.5		8.5	6.8	
115	3	DH47KM001	31211020040	Nguyễn Thị	Thương	8.5		8		6.3	8.3	
116	3	DH47KM001	31211020254	Đặng Dương Nguyên Trân		9.5		10		7.5	8.3	
117	3	DH47KM001	31211026186	Đoàn Ngọc Huyền	Trân	7.5		9.5		8.8	8.3	
118	3	DH47KM001	31211023330	Nguyễn Đoàn Minh	Trang	9.5		10		8.5	7.5	
119	3	DH47KM001	31211021105	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	9		9.5		7.3	5.3	
120	3	DH47KM001	31211023720	Phạm Thị Thanh	Trúc	10		9.5		8.5	8	
121	3	DH47KM001	31211021112	Ngô Thanh	Tuyền	8.5		9.5		7.8	7.8	
122	3	DH47KM001	31211026469	Nguyễn Lê Thanh	Tuyền	9		10		8.5	8.3	
123	3	DH47KM001	31211027098	Lê Khả	Vy	10		10		8.5	9	
124	3	DH44ISB04	31181020526	Nguyễn Quốc	Khanh	kh		kh		kh	kh	
125	3	DH44ISB05	31181021820	Vô Hoàng Nam	Anh	9		9.5		ct	8	
126	3	DH44ISB05	31181024764	Phạm Phi	Long	kh		kh		kh	kh	
1	4	DH47ADC02	31211020404	Đinh Hoàng	Anh	9		9.5		7.5	9.3	
2	4	DH47ADC02	31211025908	Trương Đình Mạnh	Duy	8.5		8.5		6.3	8.3	
3	4	DH47ADC02	31211026406	Trần Nhật	Hoàng	9.5		10		8.5	9.5	
4	4	DH47ADC02	31211024440	Nguyễn Tuấn	Hưng	10		9.5		8	7.3	
5	4	DH47ADC02	31211025620	Nguyễn Trần Hữu	Huy	9		10		7.3	8.8	
6	4	DH47ADC02	31211025409	Vòng Đạt	Huy	9.5		10		7.3	8.8	
7	4	DH47ADC02	31211026544	Nguyễn Gia	Khang	9		8.5		7.8	8	
8	4	DH47ADC02	31211023459	Phan Tấn Anh	Khoa	10		10		7.8	7.8	
9	4	DH47ADC02	31211023461	Hồ Hoàng Hữu	Lộc	9.5		8.5		7.8	7.3	
10	4	DH47ADC02	31211020532	Nguyễn Văn Hoàng	Long	9		3.5	7.5	7	7	
11	4	DH47ADC02	31211026892	Đặng Huỳnh Thiện	Luân	8.5		9		8	7	
12	4	DH47ADC02	31211020616	Trương Thiện	Phú	9.5		10		7	7.3	
13	4	DH47ADC02	31211025770	Nguyễn Nam	Quân	9		8		8.3	7.8	
14	4	DH47ADC02	31211020660	Vày Phùng	Son	8		6.5		7	8	
15	4	DH47ADC02	31211026319	Lê Hữu	Thanh	10		9.5		9.5	8	
16	4	DH47ADC02	31211026409	Nguyễn Trần Bảo	Thiên	8.5		9.5		7	7.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
17	4	DH47ADC02	31211020654	Nguyễn Đức	Thịnh	10		8.5		7.5	7.5	
18	4	DH47ADC02	31211024308	Vũ Hoàng	Thử	10		9.5		8.5	8.8	
19	4	DH47ADC02	31211023001	Nguyễn Văn	Trung	8		9.5		6.5	8.3	
20	4	DH47KNC04	31211021698	Nguyễn Đức	Anh	8.5		7		8.3	7.8	
21	4	DH47KNC04	31211020243	Võ Huỳnh Duy	Bảo	8.5		8		7	8.3	
22	4	DH47KNC04	31211020481	Trang Sĩ	Chương	9.5		9.5		7	8	
23	4	DH47KNC04	31211024117	Tôn Thất Tiến	Đạt	8.5		9		7	7.8	
24	4	DH47KNC04	31211022388	Nguyễn Hoàng	Khánh	8.5		6		7.3	8.3	
25	4	DH47KNC04	31211025763	Trương Tấn	Khoa	9		10		8.3	9	
26	4	DH47KNC04	31211021978	Hiền Ngọc	Thịnh	8.5		8.5		7.8	8	
27	4	DH47TK001	31211020320	Nguyễn Văn	Đạt	10		10		8	8.8	
28	4	DH47TK001	31211023689	Nguyễn Thành	Du	9		10		8.3	8	
29	4	DH47TK001	31211023690	Bùi Vũ Minh	Hiếu	9.5		7.5		6.8	7.8	
30	4	DH47TK001	31211023691	Trương Minh	Hiếu	10		10		6.5	6.5	
31	4	DH47TK001	31211022732	Hoàng Đức	Hòa	9.5		9		7.3	7.5	
32	4	DH47TK001	31211020184	Đinh Nguyễn Phương	Nam	9.5		10		7.5	7.8	
33	4	DH47TK001	31211023434	Nguyễn Hữu Hoàng	Nghĩa	9		9.5		7	7.8	
34	4	DH47TK001	31211020326	Bùi Huy	Phú	9.5		9.5		7.3	8	
35	4	DH47TK001	31211025427	Nguyễn Hồng	Phúc	8		5		7.3	7.5	
36	4	DH47TK001	31211024420	Đỗ Anh	Quân	8		9.5		6.5	7.3	
37	4	DH47TK001	31211020329	Ngô Quang	Quyền	9.5		8		7.3	6.3	
38	4	DH47TK001	31211022922	Ngô Nguyễn Lực	Tân	10		9.5		8.3	6.8	
39	4	DH47TK001	31211025732	Trần Huỳnh	Vũ	8		9.5		7.8	6.5	
40	4	DH47ADC02	31211025401	Nguyễn Ngọc	Diệu	9		9		5.8	7	
41	4	DH47ADC02	31211025910	Lê Nguyễn Thúy	Đình	7.5		5		6.8	6.8	
42	4	DH47ADC02	31211023880	Đoàn Thị Ánh	Dương	8.5		7		7.3	7.5	
43	4	DH47ADC02	31211023998	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	8.5		8.5		8	7.5	
44	4	DH47ADC02	31211024284	Nguyễn Nữ Ánh	Dương	6.5		8		7.3	7.8	
45	4	DH47ADC02	31211026985	Trần Thị Quý	Hằng	10		8.5		8.8	8	
46	4	DH47ADC02	31211024632	Võ Thị Thảo	Hiền	9		9		8	7	
47	4	DH47ADC02	31211025148	Giang Thu	Hương	7.5		10		8.5	7.8	
48	4	DH47ADC02	31211020482	Trương Khánh	Huyền	10		10		7.3	7.5	
49	4	DH47ADC02	31211023703	Bùi Thị Ý	Lan	9.5		9		7.3	7.5	
50	4	DH47ADC02	31211024002	Phạm Hải	Lê	8		7		7.3	7	
51	4	DH47ADC02	31211027015	Phạm Nguyễn Xuân	Nga	10		9.5		8	7.3	
52	4	DH47ADC02	31211020562	Lê Thị Thanh	Ngân	9		9.5		8.5	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
53	4	DH47ADC02	31211024013	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	8		7		8	8.3	
54	4	DH47ADC02	31211024096	Đặng Quỳnh	Như	KH		KH		kh	kh	
55	4	DH47ADC02	31211022928	Kiều Hồng	Nhung	9.5		9.5		8	8.5	
56	4	DH47ADC02	31211025174	Nguyễn Thị Minh	Tâm	8.5		9.5		7.8	6.8	
57	4	DH47ADC02	31211023093	Nguyễn Ngọc Minh	Trâm	8		7.5		7.3	9.3	
58	4	DH47ADC02	31211024898	Nguyễn Ngọc	Tuyền	9.5		8		7.8	6.3	
59	4	DH47ADC02	31211026809	Nguyễn Lê	Vy	9		9		8.5	7	
60	4	DH47ADC02	31211025188	Tô Hòa Hải	Yến	9		10		9	7	
61	4	DH47KNC04	31211021402	Nguyễn Ngọc	Anh	8.5		8		7	7	
62	4	DH47KNC04	31211023785	Phạm Ngọc	Anh	10		9		8.5	8	
63	4	DH47KNC04	31211021756	Dương Nghệ	Đình	9.5		9.5		7.5	7.3	
64	4	DH47KNC04	31211021749	Đào Thị Thùy	Dương	7		7		7.3	6.8	
65	4	DH47KNC04	31211024601	Nguyễn Thùy	Dương	10		9		7.8	8	
66	4	DH47KNC04	31211025567	Lê Ngọc Thủy	Hằng	8		8.5		7	7	
67	4	DH47KNC04	31211025360	Trần Thị Tuyết	Hạnh	7		9		6.8	8.3	
68	4	DH47KNC04	31211026053	Nguyễn Thị	Hiền	9		9		9.3	8.8	
69	4	DH47KNC04	31211023944	Dương Thảo	Huỳnh	6.5		6.5		7	6.3	
70	4	DH47KNC04	31211020161	Lê Ngọc	Khanh	8		6.5		8	9.5	
71	4	DH47KNC04	31211022538	Nguyễn Thị Hồng	Khanh	7		8.5		8.5	6.5	
72	4	DH47KNC04	31211020996	Huỳnh Kim	Khánh	8.5		7		8.5	8.5	
73	4	DH47KNC04	31211020071	Mai Huỳnh Yến	Khoa	9		8		8	8.5	
74	4	DH47KNC04	31211025507	Mai Tuyết	Lê	7.5		10		7.8	8	
75	4	DH47KNC04	31211024854	Bùi Lê Ngọc	Linh	9.5		9.5		8	8	
76	4	DH47KNC04	31211025382	Nguyễn Thị Trúc	Ly	9.5		7.5		6.5	8	
77	4	DH47KNC04	31211021868	Nguyễn Thanh	Mai	6.5		7.5		7.8	7.5	
78	4	DH47KNC04	31211020177	Dương Tuyền	Mẫn	9		9		8.5	8.5	
79	4	DH47KNC04	31211025580	Nguyễn Phạm Ánh	Minh	8		6.5		6.8	8.3	
80	4	DH47KNC04	31211023036	Nguyễn Lâm	Ngọc	9		8		7.3	8.5	
81	4	DH47KNC04	31211021903	Trần Đình Bảo	Ngọc	8		9.5		7.5	6.3	
82	4	DH47KNC04	31211023419	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	9		8.5		6.3	7.3	
83	4	DH47KNC04	31211023867	Lê Thị Hoàng	Nhi	8.5		7.5		7.3	7.5	
84	4	DH47KNC04	31211020199	Lâm Tâm	Như	9.5		9.5		8	8	
85	4	DH47KNC04	31211023796	Lữ Thùy Tuyết	Như	8.5		7		8.3	8	
86	4	DH47KNC04	31211022546	Nguyễn Mai	Phương	9.5		8		7.3	6.8	
87	4	DH47KNC04	31211025850	Tiêu Lê	Quân	9.5		10		6.5	7.8	
88	4	DH47KNC04	31211025385	Phạm Thị Ngọc	Quyên	9.5		8.5		7	7.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
89	4	DH47KNC04	31211021959	Nguyễn Diễm	Quỳnh	10		9		7	7.5	
90	4	DH47KNC04	31211025851	Trình Lê Khánh	Quỳnh	9		9.5		7.5	8.8	
91	4	DH47KNC04	31211026582	Nguyễn Hoàng Hưon	Thanh	8.5		5.5		6.5	7.8	
92	4	DH47KNC04	31211020801	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	10		10		8	8.3	
93	4	DH47KNC04	31211022992	Nguyễn Hiền	Thảo	8.5		7		8.3	7.3	
94	4	DH47KNC04	31211025305	Trang Như	Thảo	8		6		7.5	7	
95	4	DH47KNC04	31211023895	Đặng Ngọc Minh	Thư	10		10		9	8	
96	4	DH47KNC04	31211025345	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8		6		7.5	6.8	
97	4	DH47KNC04	31211022019	Nguyễn Ngọc Phươn	Trình	6.5		7.5		7.5	6.8	
98	4	DH47KNC04	31211022027	Nguyễn Cẩm	Tú	9		10		7.8	7.8	
99	4	DH47KNC04	31211020871	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	9		10		8.5	7.3	
100	4	DH47KNC04	31211020154	Giang Ánh	Tuyền	8.5		8.5		7.8	7.8	
101	4	DH47KNC04	31211027022	Đinh Phương	Uyên	9		9.5		7.8	8.5	
102	4	DH47KNC04	31211020580	Lương Phụng	Vân	5		6		7.5	7	
103	4	DH47KNC04	31211020395	Ngô Thùy Trúc	Vy	7.5		9.5		7.5	6.5	
104	4	DH47KNC04	31211020081	Nguyễn Thuý	Vy	9		8.5		7.8	8	
105	4	DH47KNC04	31211022051	Trần Khánh	Vy	10		10		8.3	9.5	
106	4	DH47TK001	31211020731	Lê Hồng	Ân	8		9		6.5	7.3	
107	4	DH47TK001	31211026791	Trần Hoài	Anh	9.5		7		7.5	7	
108	4	DH47TK001	31211026101	Nguyễn Đình Khánh	Đoan	8.5		8.5		6.5	8	
109	4	DH47TK001	31211025197	Phan Ngọc Thuý	Dương	9.5		9		7.8	7.5	
110	4	DH47TK001	31211020318	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	9.5		10		8	8	
111	4	DH47TK001	31211020321	Hoàng Vũ Nhật	Hà	8.5		9		7.3	8.8	
112	4	DH47TK001	31211021097	Lê Thị Bích	Liên	8		9.5		8	6.8	
113	4	DH47TK001	31211020325	Vũ Thị Quỳnh	Nga	8.5		5.5		5.5	6	
114	4	DH47TK001	31211021423	Phan Phương	Nghi	9.5		10		6.5	8	
115	4	DH47TK001	31211025889	Đỗ Thị Thu	Phương	8		8.5		7.3	7.8	
116	4	DH47TK001	31211025123	Võ Thị	Thắng	8.5		9.5		8.3	8.3	
117	4	DH47TK001	31211023199	Bùi Dương Anh	Thơ	9.5		5		6.5	7.5	
118	4	DH47TK001	31211022674	Nguyễn Trần Anh	Thư	8		5		6.5	7.8	
119	4	DH47TK001	31211023708	Nguyễn Phúc Minh	Thùy	8		9.5		6.8	7.5	
120	4	DH47TK001	31211022673	Nguyễn Trương Phúc	Thủy	5.5		7		6.8	6.5	
121	4	DH47TK001	31211020331	Lê Hoàng Uyên	Thy	9		3.5	9.5	6.3	7.5	
122	4	DH47TK001	31211026404	Huỳnh Thanh	Trúc	10		10		9	9.5	
123	4	DH47TK001	31211022532	Đặng Thị Việt	Trung	9.5		9.5		7.8	8.3	
124	4	DH47TK001	31211025894	Vũ Hải	Yến	9.5		10		7.8	7.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
1	5	DH47ADC01	31211020774	Nguyễn Huy	Bảo	9		10		7.8	7.8	
2	5	DH47ADC01	31211023450	Nguyễn Xuân	Đạt	9.5		9.5		9.5	9	
3	5	DH47ADC01	31211021606	Nguyễn Đình	Độ	9		9.5		7.5	8	
4	5	DH47ADC01	31211024409	Nguyễn Bạch	Dương	9		9		8.3	7	
5	5	DH47ADC01	31211020256	Hồ Lê Anh	Duy	7.5		9		7.3	8	
6	5	DH47ADC01	31211023209	Lê Hồng Bảo	Duy	7.5		8.5		8.5	7.3	
7	5	DH47ADC01	31211026760	Nguyễn Như	Hậu	10		8.5		7.8	8	
8	5	DH47ADC01	31211025203	Trần Đình	Hòa	8.5		8		9	8	
9	5	DH47ADC01	31211023723	Phạm Đình Gia	Hoàng	9		9.5		7.5	7.8	
10	5	DH47ADC01	31211020470	Nguyễn Nhật	Hy	9.5		10		8.8	7.8	
11	5	DH47ADC01	31211024636	Từ Anh	Kiệt	9		9.5		8.8	8	
12	5	DH47ADC01	31211020530	Đoàn Ngọc	Long	9		8.5		7.5	7	
13	5	DH47ADC01	31211024271	Hà Quang	Minh	9		8		7.5	6.5	
14	5	DH47ADC01	31211021072	Trần Kim	Nguyên	9.5		10		8	7.3	
15	5	DH47ADC01	31211024810	Lê Võ Nhật	Quang	10		10		9	8.8	
16	5	DH47ADC01	31211023486	Nguyễn Thành Khanh	Thịnh	9.5		8.5		8.8	7	
17	5	DH47ADC01	31211022593	Lê Minh	Tuấn	10		9		8.3	8	
18	5	DH47ADC01	31211021146	Trương Danh	Tuấn	8		9.5		8.3	8.3	
19	5	DH47ADC01	31211025985	Hoàng Alihan	Turan	7.5		10		9	8.3	
20	5	DH47ADC01	31211024444	Nguyễn Phước Anh	Vũ	9.5		10		7	7.3	
21	5	DH47ADC03	31211021140	Đào Minh	Đức	9		10		8	8.8	
22	5	DH47ADC03	31211024887	Nguyễn Quốc	Hưng	9.5		9.5		8	6.8	
23	5	DH47ADC03	31211022468	Huỳnh Đăng Duy	Long	10		9.5		8.3	7.3	
24	5	DH47ADC03	31211023854	Nguyễn Đức	Minh	8		5.5		8	7.5	
25	5	DH47ADC03	31211021082	Phạm Thịnh	Phát	9		9		8.5	7	
26	5	DH47ADC03	31211023083	Nguyễn Minh	Phong	10		10		9.5	9	
27	5	DH47ADC03	31211022636	Nguyễn Tiến	Phước	10		8.5		7	7.3	
28	5	DH47ADC03	31211025560	Nguyễn Vũ Thanh	Quân	8.5		9		7.3	7.5	
29	5	DH47ADC03	31211027218	Trần Minh	Quân	7.5		9.5		7.3	6.5	
30	5	DH47ADC03	31211024940	Lê Tấn	Thành	9		10		7	7.8	
31	5	DH47ADC03	31211020513	Lương Trí	Toàn	9.5		10		6	7.5	
32	5	DH47ADC03	31211023270	Trần Minh	Trí	9		10		8	7.5	
33	5	DH47ADC03	31211024054	Phạm Gia	Vinh	9		10		7.8	7	
34	5	DH47ADC03	31211021573	Nguyễn Duy	Vũ	7.5		3.5	9	7.8	7.5	
35	5	DH47ADC03	31211020352	Đàm Mẫn	Xương	9.5		10		8	8.3	
36	5	DH47TK002	31211024419	Lê Tuấn	Anh	8		7.5		8.5	7.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
37	5	DH47TK002	31211020394	Nguyễn Hoàng	Anh	8		9.5		8.3	6.5	
38	5	DH47TK002	31211026279	Nguyễn Lê Trung	Hiếu	9		8		7	8.3	
39	5	DH47TK002	31211020324	Trần Gia	Lộc	7		5.5		6.5	7.3	
40	5	DH47TK002	31211023175	Dương Lê	Nghĩa	7		7.5		6.8	6.5	
41	5	DH47TK002	31211022976	Bùi Thanh	Nguyên	7		9.5		6	6.8	
42	5	DH47TK002	31211026387	Trần Hoàng	Nhân	7.5		6.5		7.3	7.5	
43	5	DH47TK002	31211026384	Võ Chí	Nhanh	9		9.5		7.3	8.5	
44	5	DH47TK002	31211025384	Lâm Vĩnh	Phát	9.5		7		7.8	7.5	
45	5	DH47TK002	31211025731	Trịnh Đình	Phú	6.5		10		6.3	6.8	
46	5	DH47TK002	31211026104	Mai Công	Quốc	8.5		7.5		6.3	5.5	
47	5	DH47TK002	31211024607	Nguyễn Đình	Văn	8		9.5		6.3	7.8	
48	5	DH47ADC01	31211025884	Võ Phương	Anh	10		8.5		7.8	7	
49	5	DH47ADC01	31211023169	Lê Minh	Châu	9		9		8	8	
50	5	DH47ADC01	31211022644	Mai Linh	Chi	8.5		10		7.5	8.3	
51	5	DH47ADC01	31211022662	Nguyễn Thị Minh	Giang	8.5		9.5		7.8	8.5	
52	5	DH47ADC01	31211020604	Nguyễn Vũ Minh	Hạnh	10		9		7.8	7.8	
53	5	DH47ADC01	31211023223	Trần Hải Khánh	Huyền	10		8.5		8.3	8.5	
54	5	DH47ADC01	31211020523	Lê Trần Khánh	Linh	9.5		9.5		8.3	8	
55	5	DH47ADC01	31211023090	Nguyễn Nữ Hải	Linh	10		8		7.3	6	
56	5	DH47ADC01	31211021655	Lâm Xuân	Mai	6		9.5		8	7.8	
57	5	DH47ADC01	31211025332	Lê Thị Ngọc	Mai	10		10		8.3	8	
58	5	DH47ADC01	31211026027	Đinh Bùi Thảo	Nguyên	10		10		9.5	8.8	
59	5	DH47ADC01	31211020169	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyên	9		10		7.5	8.5	
60	5	DH47ADC01	31211020496	Lê Thị Yên	Nhi	9.5		10		9.5	7.5	
61	5	DH47ADC01	31211020401	Nguyễn Trần Lam	Nhi	9.5		10		9.3	7	
62	5	DH47ADC01	31211024948	Bùi Nguyễn Quỳnh	Như	9.5		10		8.3	7.5	
63	5	DH47ADC01	31211023395	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	9.5		10		8	7	
64	5	DH47ADC01	31211026502	Huỳnh Thị Trúc	Thanh	9.5		8.5		8	8	
65	5	DH47ADC01	31211020608	Lê Trần Minh	Thư	9		9.5		7.5	8	
66	5	DH47ADC01	31211020692	Võ Thanh	Thương	10		10		9.5	9.3	
67	5	DH47ADC01	31211023695	Hàn Lê Yên	Thy	9.5		9.5		8.3	7.5	
68	5	DH47ADC01	31211020881	Nguyễn Thị Bích	Trâm	8.5		8.5		8.5	8	
69	5	DH47ADC01	31211025099	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân	9		9.5		8.5	7.8	
70	5	DH47ADC03	31211022424	Võ Vân	Anh	7.5		9		8.5	7	
71	5	DH47ADC03	31211026500	Trần Ngọc Linh	Đan	9.5		10		7.8	7.3	
72	5	DH47ADC03	31211020877	Liêng Bích	Diệu	8		10		8.8	8.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
73	5	DH47ADC03	31211020726	Đoàn Cao Mỹ	Duyên	10		10		7.5	6.8	
74	5	DH47ADC03	31211021138	Nguyễn Thiên	Duyên	8		10		7	9	
75	5	DH47ADC03	31211025016	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	7		9		7.5	7.8	
76	5	DH47ADC03	31211020447	Nguyễn Thanh	Hằng	8		6		8	8.3	
77	5	DH47ADC03	31211024518	Lâm Quế	Hoa	9.5		10		7.3	8.3	
78	5	DH47ADC03	31211022587	Le Thu	Huong	9.5		10		8	8.3	
79	5	DH47ADC03	31211026129	Nguyễn Khánh	Huyền	9.5		10		8	8.3	
80	5	DH47ADC03	31211026506	Đào Thị Mộng	Kha	9.5		10		8.5	7.8	
81	5	DH47ADC03	31211022685	Lê Thùy	Linh	9		7.5		8	7.5	
82	5	DH47ADC03	31211022994	Ngô Nữ Nhật	Linh	10		9		7.5	8	
83	5	DH47ADC03	31211020146	Lê Duy Khả	Mân	9.5		9.5		9	8	
84	5	DH47ADC03	31211023025	Nguyễn Mai Nhật	Minh	8.5		10		8	8.3	
85	5	DH47ADC03	31211025909	Nguyễn Ngọc	Ngân	9.5		9		7.3	6.5	
86	5	DH47ADC03	31211020573	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	8		8.5		8	8	
87	5	DH47ADC03	31211024100	Nguyễn Hoàng Thanh	Nhã	10		10		9.5	8.8	
88	5	DH47ADC03	31211022631	Trần Uyên	Nhi	9.5		9		6.8	7	
89	5	DH47ADC03	31211024044	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	6.5		7.5		8.3	7.3	
90	5	DH47ADC03	31211025995	Tô Nguyễn Mỹ	Phương	9.5		7.5		7.8	8.3	
91	5	DH47ADC03	31211025672	Nguyễn Ngọc Tú	Quỳnh	7		7		7	6.8	
92	5	DH47ADC03	31211021197	Võ Phương	Quỳnh	10		10		7.8	8.8	
93	5	DH47ADC03	31211027016	Nguyễn Thiên Kim	Thịnh	10		10		9.3	7.5	
94	5	DH47ADC03	31211020548	Bùi Thụy Minh	Thư	9.5		9		8	8.5	
95	5	DH47ADC03	31211023982	Đoàn Thị Ngọc	Trân	10		10		9.3	9	
96	5	DH47ADC03	31211026184	Đặng Thị Thu	Trang	7.5		7		8.8	7.3	
97	5	DH47ADC03	31211022607	Lưu Thị Thu	Trang	9		9.5		7.8	8	
98	5	DH47ADC03	31211023446	Nguyễn Thị Minh	Trang	9.5		9.5		9	7.8	
99	5	DH47ADC03	31211025636	Thái Thanh Thảo	Trang	10		10		9.3	9	
100	5	DH47ADC03	31211023471	Trần Hoàng	Trang	9		10		7.8	7.3	
101	5	DH47ADC03	31211021110	Đậu Hoàng An	Tường	kh		kh		kh	kh	
102	5	DH47ADC03	31211025443	Võ Thị Như	Ý	8		10		8.8	7.5	
103	5	DH47ADC03	31211025136	Đặng Châu Hoàng	Yến	8.5		9.5		7	7	
104	5	DH47TK002	31211026773	Huỳnh Mỹ	Anh	9.5		9.5		8	8.3	
105	5	DH47TK002	31211026534	Lê Thị Thùy	Dương	10		10		8	7	
106	5	DH47TK002	31211026522	Xiên Thị Lộc	Duyên	8		5		7.5	7	
107	5	DH47TK002	31211023840	Phạm Vũ Hương	Giang	8		7.5		8.3	7.8	
108	5	DH47TK002	31211026102	Trần Huỳnh Ngọc	Hân	10		8		7.5	7.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
109	5	DH47TK002	31211026481	Hoàng Lê Minh	Hiền	8		9		7.8	7.8	
110	5	DH47TK002	31211025730	Đinh Thị	Lan	6.5		8.5		7.3	7.8	
111	5	DH47TK002	31211025893	Tổng Khánh	Linh	9		5		8.3	9.5	
112	5	DH47TK002	31211025381	Lưu Gia	Mẫn	9		10		7.5	8.3	
113	5	DH47TK002	31211025121	Lê Thái Diệu	Ngân	10		8		6.8	7.8	
114	5	DH47TK002	31211023601	Phạm Thị Thu	Ngân	9.5		9.5		7.8	8.5	
115	5	DH47TK002	31211023692	Diệp Ý	Nhi	7		5		7	6.5	
116	5	DH47TK002	31211022672	Vương Trang	Như	8.5		8.5		7.3	6.5	
117	5	DH47TK002	31211021499	Phạm Thị Kim	Phương	5.5		8		6.5	6.5	
118	5	DH47TK002	31211026894	Từ Thị Anh	Thư	5		9		8.8	7.3	
119	5	DH47TK002	31211024764	Huỳnh Thị Thu	Thúy	7.5		8.5		8.3	7.5	
120	5	DH47TK002	31211020332	Nguyễn Lê Uyên	Thy	7.5		9.5		8	7	
121	5	DH47TK002	31211025437	Nguyễn Thị Như	Tuyền	7.5		10		7.3	7.8	
122	5	DH47TK002	31211020333	Nguyễn Như	Ý	9		9		8	7.3	
123	5	DH47TK002	31211022977	Nguyễn Thị Hải	Yến	9.5		9		8	7	
124	5	DH47ADC01	31211021420	Lê Quang	Nam	9.5		9.5		7.8	7.8	
1	6	DH47ADC04	31211024473	Lê Hoàng	Dũng	10		10		9	9.5	
2	6	DH47ADC04	31211025010	Nguyễn Phương Hùn	Dũng	9		9.5		8.3	8.3	
3	6	DH47ADC04	31211022760	Nguyễn Minh	Hiếu	9.5		10		7.8	7.5	
4	6	DH47ADC04	31211022609	Nguyễn Anh	Khoa	10		9.5		8.3	8.3	
5	6	DH47ADC04	31211025757	Đoàn Thanh	Lâm	9		8		7.5	7.5	
6	6	DH47ADC04	31211020516	Bùi Quốc	Lập	9.5		9		7.8	7.3	
7	6	DH47ADC04	31211020782	Ngô Chiêu	Phú	8.5		9.5		8.5	8	
8	6	DH47ADC04	31211023614	Lê Minh	Quân	9		9.5		7.5	7.5	
9	6	DH47ADC04	31211025165	Ngô Hoàng	Thiên	9		10		8.8	8.5	
10	6	DH47ADC04	31211020669	Đàm Thế	Tiến	9.5		8.5		8.8	8.5	
11	6	DH47ADC04	31211025439	Trần Anh	Tiến	9		9.5		6.5	7.5	
12	6	DH47ADC04	31211024022	Lê Nguyên	Toàn	6		5		7.8	7.5	
13	6	DH47ADC04	31211020702	Lê Lâm	Tùng	9.5		9.5		7.3	7.8	
14	6	DH47ADC04	31211025192	Trịnh Thanh	Tùng	7		9.5		5.8	7.8	
15	6	DH47IBC01	31211021363	Đặng Lê	Bình	6.5		7.5		8.8	9	
16	6	DH47IBC01	31211023517	Phạm Ngọc	Đạt	10		9.5		8.8	7.5	
17	6	DH47IBC01	31211025364	Lương Bảo	Duy	8.5		8		7.5	7.5	
18	6	DH47IBC01	31211026666	Nguyễn Hà	Duy	10		10		8	9	
19	6	DH47IBC01	31211024415	Bùi Trung	Hiếu	10		9		8.3	7	
20	6	DH47IBC01	31211023679	Phạm Đoàn Minh	Khang	9.5		8.5		7.3	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
21	6	DH47IBC01	31211023624	Trần Nam	Khánh	10		9.5		7	8.5	
22	6	DH47IBC01	31211020925	Võ Đức	Khiêm	9.5		9		7.3	6	
23	6	DH47IBC01	31211026733	Phạm Nguyễn Thiện	Minh	7.5		8.5		7.5	7.3	
24	6	DH47IBC01	31211023117	Nguyễn Văn Thảo	Nguyên	9.5		9.5		7	7.5	
25	6	DH47IBC01	31211023905	Nguyễn Minh	Phúc	9		9.5		7.8	6.8	
26	6	DH47IBC01	31211022458	Phạm Đình	Phúc	10		9		8	8.3	
27	6	DH47IBC01	31211026199	Lê Trần Minh	Triết	9.5		9		8	8	
28	6	DH47IBC01	31211024803	Võ Minh	Trọng	10		10		8.3	7.3	
29	6	DH47IBC01	31211025394	Đỗ Xuân	Vinh	KH		KH		kh	kh	
30	6	DH47LK002	31211027424	Lê Tuấn	Anh	9		10		7	8	
31	6	DH47LK002	31211027439	Nguyễn Thành	Đạt	6.5		9		7.5	7.5	
32	6	DH47LK002	31211027466	Vũ Thiện	Khiêm	9.5		9		7	6.5	
33	6	DH47LK002	31211027480	Phạm Đăng Tuệ	Minh	9.5		10		8.3	7.8	
34	6	DH47LK002	31211025606	Đoàn Minh	Quân	10		10		8.8	8.3	
35	6	DH47LK002	31211027535	Phan Trung	Thuận	10		9.5		7	6.3	
36	6	DH47LK002	31211027566	Nguyễn Đình	Ý	7.5		8.5		6.5	7.5	
37	6	DH47ADC04	31211024924	Nguyễn Thị Minh	Anh	9		7.5		7	7.8	
38	6	DH47ADC04	31211023993	Phạm Thị Minh	Anh	10		10		8.3	8	
39	6	DH47ADC04	31211026420	Huỳnh Nhật Trần	Châu	10		9		7.8	8	
40	6	DH47ADC04	31211020425	Nguyễn Tô	Châu	9		9.5		7.5	7.5	
41	6	DH47ADC04	31211024433	Mai Trà	Giang	9.5		9.5		8	7	
42	6	DH47ADC04	31211024929	Nguyễn Phương	Hà	10		9.5		8.5	6.5	
43	6	DH47ADC04	31211024287	Phạm Đăng Nguyên	Hào	10		9.5		8.3	7	
44	6	DH47ADC04	31211024008	Lê Thúy	Hiền	10		10		9	8.5	
45	6	DH47ADC04	31211024610	Bùi Lê Khánh	Linh	10		9.5		8.8	8.5	
46	6	DH47ADC04	31211022728	Nguyễn Thái Nhật	Mai	7		9		7.8	7.8	
47	6	DH47ADC04	31211024781	Trần Thị Ngọc	Mỹ	9.5		9		7.3	8.3	
48	6	DH47ADC04	31211020564	Nguyễn Ngọc Thảo	Ngân	7		10		6.8	7.8	
49	6	DH47ADC04	31211025424	Phạm Thảo	Nguyên	10		9		8.5	6.5	
50	6	DH47ADC04	31211026512	Trần Thị Thảo	Nguyên	9.5		8		7.8	7.8	
51	6	DH47ADC04	31211025167	Lê Nguyễn Hoàng	Nhi	9.5		8.5		8.5	7.8	
52	6	DH47ADC04	31211020595	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	9		7.5		5.8	6.5	
53	6	DH47ADC04	31211020602	Nguyễn Ngọc Ý	Như	10		9.5		8.5	8	
54	6	DH47ADC04	31211020603	Phan Huỳnh	Như	9.5		8.5		7.8	9	
55	6	DH47ADC04	31211026947	Phan Hạnh	Phương	10		9.5		6.8	6	
56	6	DH47ADC04	31211023469	Dương Thị Như	Quỳnh	8.5		9		7	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
57	6	DH47ADC04	31211023774	Phan Thị Thanh	Tâm	9.5		9.5		9	7.3	
58	6	DH47ADC04	31211025930	Đặng Thanh	Thanh	9.5		10		7.5	8	
59	6	DH47ADC04	31211020661	Nguyễn Ngọc Như	Thủy	10		9.5		9	7.8	
60	6	DH47ADC04	31211025440	Nguyễn Bảo	Trâm	9		9.5		8.3	7.5	
61	6	DH47ADC04	31211026323	Trần Lê Bội	Trân	9.5		8.5		8.5	6	
62	6	DH47ADC04	31211020682	Nguyễn Phương	Trang	10		8.5		8	7.8	
63	6	DH47ADC04	31211025182	Nguyễn Thị Thảo	Trang	9		7.5		7.5	6.3	
64	6	DH47ADC04	31211024024	Đặng Phương	Trúc	10		9.5		8.5	8	
65	6	DH47ADC04	31211025486	Lê Thị Thanh	Trúc	9		9		7.5	8	
66	6	DH47ADC04	31211026149	La Thị Cẩm	Tú	9.5		10		8	8.8	
67	6	DH47ADC04	31211026151	Phan Vũ Ngọc	Tuyền	7		9.5		7.3	7.5	
68	6	DH47ADC04	31211022445	Ngô Mỹ	Uyên	8		7.5		7	6.5	
69	6	DH47ADC04	31211025937	Võ Hồng Thu	Uyên	10		8.5		8.5	7.8	
70	6	DH47ADC04	31211022500	Nguyễn Hữu Tường	Vy	9.5		10		7.3	8.3	
71	6	DH47ADC04	31211020413	Trần Ngọc Yến	Vy	7.5		8		8.5	7.5	
72	6	DH47IBC01	31211021332	Tô Ngọc Minh	Anh	10		10		7	8	
73	6	DH47IBC01	31211023250	Lê Trương Ngân	Giang	10		9		8	6.8	
74	6	DH47IBC01	31211021099	Vũ Ngọc Bảo	Hân	8.5		9		8	6.5	
75	6	DH47IBC01	31211022412	Trần Hoàng Phương	Lê	8.5		9.5		7	7	
76	6	DH47IBC01	31211024522	Phan Nguyễn Thảo	My	9.5		9.5		7.8	6.8	
77	6	DH47IBC01	31211020435	Mai Thúy	Ngọc	10		8.5		7.8	7.8	
78	6	DH47IBC01	31211021421	Văn Phước Bảo	Ngọc	9.5		9.5		8.5	7.5	
79	6	DH47IBC01	31211023078	Bùi Thị Lâm	Nhi	9.5		9.5		8	7.3	
80	6	DH47IBC01	31211020607	Mai Nguyễn	Thị	10		10		8.5	8.5	
81	6	DH47IBC01	31211020543	Cao Thị Hoài	Thương	10		10		7.3	7.5	
82	6	DH47IBC01	31211023099	Nguyễn Hiền Ân	Thy	10		9.5		8	8	
83	6	DH47IBC01	31211021259	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	10		9.5		8.3	7.8	
84	6	DH47IBC01	31211022479	Lê Thục	Uyên	7		4	9	7.3	7.5	
85	6	DH47IBC01	31211024246	Trần Thị Mai	Vy	8.5		9		7	7.3	
86	6	DH47IBC01	31211021119	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	9		9.5		8.5	7.5	
87	6	DH47LK002	31211027419	Đỗ Thị Châu	Anh	8		9.5		6.3	7.8	
88	6	DH47LK002	31211027422	Hoàng Nguyễn Lan	Anh	8		6		7.3	7.5	
89	6	DH47LK002	31211027423	Hoàng Nguyễn Trâm	Anh	6.5		8.5		8	6.5	
90	6	DH47LK002	31211027429	Trần Ngọc Bảo	Châu	8.5		9.5		7.8	8	
91	6	DH47LK002	31211027433	Trần Mỹ	Dung	9		7.5		7.5	5.8	
92	6	DH47LK002	31211027437	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10		9.5		8	6.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
93	6	DH47LK002	31211027442	Phan Nguyễn Hương	Giang	9		9		8.5	7.3	
94	6	DH47LK002	31211027445	Nguyễn Thị	Hạ	9.5		10		7.8	8.3	
95	6	DH47LK002	31211027449	Nguyễn Bảo	Hân	10		9.5		7.8	6.5	
96	6	DH47LK002	31211027451	Trần Trương Gia	Hân	9		9.5		6.5	6.8	
97	6	DH47LK002	31211027446	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	10		10		9	8.5	
98	6	DH47LK002	31211027452	Đỗ Thị Thúy	Hiền	8.5		8		7.5	7.5	
99	6	DH47LK002	31211027459	Huỳnh Thị Thu	Hồng	6		9		6.5	7.3	
100	6	DH47LK002	31211027464	Phạm Ngọc	Huyền	9		9.5		7.3	9.3	
101	6	DH47LK002	31211023394	Bùi Thị Thanh	Kiều	10		10		8.3	9	
102	6	DH47LK002	31211027471	Lưu Tiểu	Linh	8.5		5.5		7.5	8.3	
103	6	DH47LK002	31211027476	Nguyễn Thị Phát	Lộc	8.5		7		8.3	7.3	
104	6	DH47LK002	31211027481	Phạm Vũ Hồng	Minh	10		9		7	8.5	
105	6	DH47LK002	31211027486	Đào Thị Huỳnh	Nga	8.5		6.5		6.8	7.3	
106	6	DH47LK002	31211027487	Nguyễn Thị Thúy	Nga	9.5		7.5		7.3	6.3	
107	6	DH47LK002	31211027489	Lê Thị Thanh	Ngân	10		10		8.3	8.3	
108	6	DH47LK002	31211027495	Phan Phương	Ngọc	10		10		9	7.5	
109	6	DH47LK002	31211024411	Ka Bích	Nguyễn	9		9		6.8	7.8	
110	6	DH47LK002	31211027498	Đỗ Hạnh Yên	Nhi	7.5		7.5		8.3	7.3	
111	6	DH47LK002	31211027500	Huỳnh Xuân	Nhi	9.5		9		8.3	8	
112	6	DH47LK002	31211027510	Nguyễn Thị Hồng	Phân	8.5		9.5		7.5	8.5	
113	6	DH47LK002	31211027514	Hoàng Thị Mai	Phương	8.5		9.5		8	7	
114	6	DH47LK002	31211027522	Nguyễn Mai Khánh	Quỳnh	9.5		9.5		8.5	7.3	
115	6	DH47LK002	31211027526	Lại Thanh	Tâm	9.5		9.5		6.5	7.5	
116	6	DH47LK002	31211027529	Nguyễn Hoàng Phươ	Thảo	KH		KH		kh	kh	
117	6	DH47LK002	31211027543	Hoàng Thị Kiều	Tiên	9		9.5		7.5	6.5	
118	6	DH47LK002	31211027549	Lê Ngọc	Trâm	10		10		7.8	7	
119	6	DH47LK002	31211022438	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10		10		9.3	8	
120	6	DH47LK002	31211027106	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyến	8		9		7.5	7.8	
121	6	DH47LK002	31211027556	Phan Thị Tổ	Uyên	8.5		8.5		7	6.5	
122	6	DH47LK002	31211027558	Tô Ngọc Phương	Uyên	9		9		6.3	7.3	
123	6	DH47LK002	31211027559	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	10		9.5		6.3	7.3	
124	6	DH47LK002	31211027561	Nguyễn Thị Ý	Vy	8.5		9.5		8	8	
125	6	DH47LK002	31211027564	Văn Thị Yên	Vy	8		8		7.8	7.3	
1	7	DH47ADC05	31211025741	Đinh Văn Hưng	Anh	8		7.5		7.8	7	
2	7	DH47ADC05	31211022753	Phan Hồng	Đức	KH		KH		kh	kh	
3	7	DH47ADC05	31211022624	Bùi Sơn	Hùng	8.5		9		8.3	8.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
4	7	DH47ADC05	31211025138	Tô Gia	Huy	9.5		10		8.5	7	
5	7	DH47ADC05	31211022763	Đặng Phương	Khanh	10		8		8.5	8.8	
6	7	DH47ADC05	31211021308	Nguyễn Thanh	Lâm	8.5		9		6.8	7	
7	7	DH47ADC05	31211026133	Trần Phi	Long	9.5		10		7.5	7.5	
8	7	DH47ADC05	31211024786	Lê Thanh	San	10		8.5		7.5	7	
9	7	DH47ADC05	31211023857	Phạm Anh	Thuận	9.5		10		7	7.3	
10	7	DH47ADC05	31211023925	Phạm Vương Thanh	Toàn	9		8		6.5	7.5	
11	7	DH47ADC05	31211023475	Cù Huy Hoàng	Vũ	8		6.5		7.3	6	
12	7	DH47EE002	31211025063	Vô Tấn	Duy	9.5		8		8.3	8.5	
13	7	DH47EE002	31211023753	Mai Đào Mạnh	Hùng	7.5		6.5		7.3	8.5	
14	7	DH47EE002	31211022367	Nguyễn Lê Nhật	Khang	9		8		7.3	7	
15	7	DH47EE002	31211021135	Nguyễn Tam Tuấn	Kiệt	9		9		7.8	7.5	
16	7	DH47EE002	31211021136	Trương Gia	Kiệt	8.5		10		8.5	8.3	
17	7	DH47EE002	31211023630	Trương Quý	Long	10		9.5		7.8	8	
18	7	DH47EE002	31211023337	Nguyễn Hoàng	Minh	10		10		8.8	9.5	
19	7	DH47EE002	31211023755	Nguyễn Thanh	Phong	8		10		8	8.8	
20	7	DH47EE002	31211021163	Nguyễn Minh	Phương	7		6		6	7.8	
21	7	DH47EE002	31211024671	Phạm Minh	Thành	10		7.5		7	7	
22	7	DH47EE002	31211023018	Nguyễn Phúc	Vinh	9		6.5		7.3	8	
23	7	DH47KNC01	31211027012	Lưu Quốc	Bình	9.5		9		6	6	
24	7	DH47KNC01	31211021088	Trần	Phát	9		9		6.8	8.8	
25	7	DH47KNC01	31211021942	Dương Hiền	Quang	8.5		9		7	7.8	
26	7	DH47KNC01	31211020376	Trình Xuân	Quý	9.5		9		6.5	6.8	
27	7	DH47ADC05	31211024161	Trần Thùy	An	10		10		7.8	8.5	
28	7	DH47ADC05	31211020418	Vũ Liên	Ân	8.5		8		7.5	7.5	
29	7	DH47ADC05	31211023847	Trần Ngọc Trân	Châu	6		5.5		5.5	5.3	
30	7	DH47ADC05	31211024303	Bạch Tùng	Chi	9		9.5		7	7.5	
31	7	DH47ADC05	31211020252	Trần Hoán	Chi	7.5		5.5		7.8	7.3	
32	7	DH47ADC05	31211023997	Lâm Thụy Thùy	Dương	KH		KH		kh	kh	
33	7	DH47ADC05	31211024431	Lê Thùy	Dương	8		6.5		6.8	8.5	
34	7	DH47ADC05	31211026899	Phạm Thị	Dương	8.5		7		7	7.3	
35	7	DH47ADC05	31211025638	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	8.5		9		6.8	7	
36	7	DH47ADC05	31211025141	Võ Thị Thu	Hiền	7.5		9		7.5	6	
37	7	DH47ADC05	31211025546	Hoàng Quỳnh	Hương	9.5		7.5		7	6.3	
38	7	DH47ADC05	31211026997	Phạm Thị Thùy	Hương	8		8		7.5	7	
39	7	DH47ADC05	31211022653	Lê Khánh	Huyền	7		8		7.8	6	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
40	7	DH47ADC05	31211023849	Nguyễn Phan Khánh	Huyền	7		6.5		6.5	7.8	
41	7	DH47ADC05	31211020509	Thái Thị Thanh	Lam	9.5		9.5		7.8	7.5	
42	7	DH47ADC05	31211022431	Nguyễn Thị Ý	Lan	6.5		9.5		6.8	7	
43	7	DH47ADC05	31211022499	Trương Nữ Tài	Linh	8.5		8		8.5	6.8	
44	7	DH47ADC05	31211022821	Lê Hải	My	10		9		8.8	7.5	
45	7	DH47ADC05	31211024299	Lương Quỳnh Trườn	Ngân	9		6		7.5	7	
46	7	DH47ADC05	31211024782	Nguyễn Thanh	Ngân	9.5		8		8	6.8	
47	7	DH47ADC05	31211023439	Nguyễn Thị Bích	Ngân	9		9.5		6.8	7.5	
48	7	DH47ADC05	31211025421	Phan Hồng	Ngân	9		9.5		7.3	7.5	
49	7	DH47ADC05	31211023080	Trần Văn	Nghi	9.5		9		8	8.8	
50	7	DH47ADC05	31211025767	Hoàng Đan	Nhi	KH		KH		kh	kh	
51	7	DH47ADC05	31211024015	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	8.5		7		6.5	6.3	
52	7	DH47ADC05	31211022775	Nguyễn Hạnh	Phúc	9.5		10		8	6.5	
53	7	DH47ADC05	31211020621	Đặng Hà	Phương	9		9		6.8	7.5	
54	7	DH47ADC05	31211024938	Nguyễn Như	Quỳnh	7.5		7		7	7.5	
55	7	DH47ADC05	31211026830	Huỳnh Tiểu	San	9.5		9.5		7.5	6.8	
56	7	DH47ADC05	31211020664	Trần Thị Anh	Thư	10		9.5		8.3	7.5	
57	7	DH47ADC05	31211026147	Lê Ngọc	Trâm	8		7.5		7	7.8	
58	7	DH47ADC05	31211025591	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	8.5		9		6.5	8.3	
59	7	DH47ADC05	31211022779	Võ Lê Diễm	Trang	10		10		7.5	8	
60	7	DH47ADC05	31211024637	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	8.5		9		8.5	8.5	
61	7	DH47ADC05	31211022357	Phạm Tố	Uyên	9.5		8		7	8	
62	7	DH47ADC05	31211024176	Trần Phương	Uyên	9.5		10		7	8.3	
63	7	DH47ADC05	31211023865	Trương Thị Hồng	Vân	9		8		7.8	7.3	
64	7	DH47EE002	31211024347	Lê Thị Phương	Anh	10		8.5		7.5	6.8	
65	7	DH47EE002	31211024076	Huỳnh Hoài	Hân	7		5.5		7	7.5	
66	7	DH47EE002	31211021125	Phan Thị Phụng	Hằng	9.5		9.5		8.5	8.3	
67	7	DH47EE002	31211023522	Phan Thị Hồng	Hạnh	8.5		7		7.5	8.3	
68	7	DH47EE002	31211021127	Nguyễn Quỳnh	Hiên	10		10		7	8	
69	7	DH47EE002	31211026556	Nguyễn Thị Bảo	Hiên	8.5		10		8	7.8	
70	7	DH47EE002	31211027208	Võ Thị Thu	Hương	10		9		7.8	7	
71	7	DH47EE002	31211021131	Dương Vân	Khánh	8.5		9		8	8	
72	7	DH47EE002	31211021133	Phùng Hồ Minh	Khuê	8		8.5		7.5	7.8	
73	7	DH47EE002	31211022595	Võ Thiên	Kim	8		10		8.3	7.5	
74	7	DH47EE002	31211023754	Nguyễn Huỳnh Hà	My	10		10		9	8	
75	7	DH47EE002	31211024349	Phạm Bùi Trà	My	10		10		8.8	8.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
76	7	DH47EE002	31211026750	Dương Nhu	Mỹ	8.5		10		7.5	8.3	
77	7	DH47EE002	31211024207	Lê Thị Hồng	Nga	9.5		9		8.5	7.5	
78	7	DH47EE002	31211021149	Huỳnh Thị Ái	Ngân	7.5		8.5		7	7.3	
79	7	DH47EE002	31211022943	Trần Thị Kim	Ngân	9		7		8	7.5	
80	7	DH47EE002	31211023761	Hà Thị Bích	Ngọc	9		9.5		5.8	8	
81	7	DH47EE002	31211025238	Lê Khánh	Ngọc	8.5		4	9.5	8.3	6.3	
82	7	DH47EE002	31211021150	Nguyễn Hoàng Như	Ngọc	10		9.5		8.3	8	
83	7	DH47EE002	31211022490	Bùi Thị Diệu	Nguyệt	10		9.5		8.8	7.8	
84	7	DH47EE002	31211026559	Đặng Thị Tuyết	Nhi	8.5		10		6.3	7.3	
85	7	DH47EE002	31211023343	Lâm Phương	Nhi	10		10		8	7	
86	7	DH47EE002	31211025239	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	10		10		8.5	8.5	
87	7	DH47EE002	31211021164	Phạm Thị Thu	Phương	9		9		6	7	
88	7	DH47EE002	31211024080	Trịnh Mai	Phương	9.5		9		7.8	7.5	
89	7	DH47EE002	31211021165	Trần Thu	Quyên	8.5		10		7.5	7.5	
90	7	DH47EE002	31211022491	Hoàng Nguyễn Phươ	Thanh	9		10		7.8	7.8	
91	7	DH47EE002	31211021169	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8		10		5.5	7	
92	7	DH47EE002	31211026191	Nguyễn Thị Phương	Thảo	6		10		7.3	7.3	
93	7	DH47EE002	31211021172	Nguyễn Thị Minh	Thư	9.5		9		7.3	8	
94	7	DH47EE002	31211026679	Phạm Thị Thanh	Thư	8.5		10		7.3	7.8	
95	7	DH47EE002	31211025240	Lâm Diệu	Thuần	7.5		7		7.8	7.3	
96	7	DH47EE002	31211027295	Trần Thị Thanh	Thúy	9		9.5		7	6.5	
97	7	DH47EE002	31211024673	Võ Nguyễn Anh	Thy	10		10		9.5	9.8	
98	7	DH47EE002	31211021177	Võ Huỳnh Huệ	Trâm	8		9		7.5	8	
99	7	DH47EE002	31211021176	Huỳnh Ngọc Thiên	Trang	8		7		7.5	7.5	
100	7	DH47EE002	31211025823	Trần Vũ Như	Uyên	8.5		9.5		7.3	8	
101	7	DH47EE002	31211027113	Đỗ Thúy	Vi	9		9		7	7.3	
102	7	DH47EE002	31211025477	Nguyễn Huỳnh Phươ	Vy	9.5		10		8	8.8	
103	7	DH47EE002	31211021179	Hoàng Ngọc Minh	Ý	10		10		7.5	7	
104	7	DH47EE002	31211026859	Long Ngọc	Yến	8.5		5.5		6.5	7.5	
105	7	DH47EE002	31211020044	Trần Thị Mỹ	Yến	7		10		8.3	7.5	
106	7	DH47KNC01	31211020810	Phạm Trần Hồng	Ân	10		9.5		8	7	
107	7	DH47KNC01	31211020443	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	7.5		9.5		7.5	6.8	
108	7	DH47KNC01	31211024436	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	10		6.5		8.8	7.8	
109	7	DH47KNC01	31211020947	Lê Thuy Thục	Đoan	9		9		8	7.5	
110	7	DH47KNC01	31211020458	Nguyễn Lưu Thái	Dung	8.5		7.5		8.5	8	
111	7	DH47KNC01	31211020019	Nguyễn Mỹ	Hạnh	9		9.5		8.5	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
112	7	DH47KNC01	31211021134	Trịnh Thị Thái	Hòa	9.5		10		9.3	8	
113	7	DH47KNC01	31211026232	Trần Thiên	Hương	10		9		8	6.8	
114	7	DH47KNC01	31211023180	Trần Ngọc	Minh	9.5		8		8.3	8.3	
115	7	DH47KNC01	31211026106	Phạm Hoàng Bảo	Ngọc	9.5		8.5		8.3	6.5	
116	7	DH47KNC01	31211021910	Huỳnh Mẫn	Nhi	9.5		9		8	8	
117	7	DH47KNC01	31211020261	Hà Tuyết	Như	8.5		7.5		9.3	8.8	
118	7	DH47KNC01	31211020386	Hồ Tuệ Đan	Thanh	7.5		8.5		8.8	6.8	
119	7	DH47KNC01	31211020839	Phạm Anh	Thư	8.5		8.5		7.5	6.5	
120	7	DH47KNC01	31211022346	Nguyễn Lê Quỳnh	Trang	9		8.5		6.8	5.8	
121	7	DH47KNC01	31211020680	Phạm Thị Mai	Trang	9		8.5		8	6.3	
122	7	DH47KNC01	31211024006	Trần Ngọc Huỳnh	Trang	10		10		9	7.8	
123	7	DH47KNC01	31211026298	Hà Thị Kiều	Trinh	8.5		9.5		7.8	7.3	
124	7	DH47KNC01	31211024899	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	9		7.5		7	5.8	
1	8	DH47ADC06	31211023260	Trần Quang	Anh	10		10		7.5	7.8	
2	8	DH47ADC06	31211024148	Lê Gia	Bảo	10		9		7.5	7.8	
3	8	DH47ADC06	31211020436	Trần Vinh	Cường	9		9		7.5	7.3	
4	8	DH47ADC06	31211026395	Trần Xuân Tấn	Đạt	9		9		8.3	8.3	
5	8	DH47ADC06	31211026119	Lý Vĩ	Diệu	10		8.5		9	6.8	
6	8	DH47ADC06	31211026641	Nguyễn Công	Hoàng	8		7		6.8	7.5	
7	8	DH47ADC06	31211025407	Khru Chấn	Huy	8.5		9		6.3	6.5	
8	8	DH47ADC06	31211025149	Huỳnh Quang	Khải	8		8.5		8	7	
9	8	DH47ADC06	31211025755	Nguyễn Đình Tuấn	Khải	7.5		8.5		7.5	7.8	
10	8	DH47ADC06	31211020502	Nguyễn Anh	Khôi	8.5		9.5		8.3	7.8	
11	8	DH47ADC06	31211025156	Nguyễn Hoàng	Lâm	9		8.5		8.5	7.5	
12	8	DH47ADC06	31211026305	Nguyễn Minh	Long	8		7.5		5.8	6.5	
13	8	DH47ADC06	31211022765	Lương Thành	Luân	9		8.5		9	7	
14	8	DH47ADC06	31211025160	Lưu Chí	Lương	8		8.5		7.5	8	
15	8	DH47ADC06	31211025425	Nguyễn Đoàn Trọng	Nhân	8		7		7.8	8	
16	8	DH47ADC06	31211026945	Trần Nguyễn Thê	Nhân	9		9		7.5	7.3	
17	8	DH47ADC06	31211025927	Huỳnh Trang Vạn	Phúc	8.5		7.5		7.8	7.3	
18	8	DH47ADC06	31211023716	Lê Trung	Tín	10		10		9.5	9	
19	8	DH47ADC06	31211023474	Nguyễn Minh	Trí	9		9		7.5	8.5	
20	8	DH47ADC06	31211022844	Trương Ngọc	Trung	10		9		8.8	8.5	
21	8	DH47ADC06	31211025184	Phạm Văn	Tùng	7.5		8.5		7.5	7.3	
22	8	DH47IN001	31211022861	Nguyễn Đức	Bắc	9.5		9		8	7.3	
23	8	DH47IN001	31211026220	Nguyễn Đình	Bách	9.5		8.5		7.3	6.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
24	8	DH47IN001	31211025747	Trần Nguyễn Hải	Đăng	7		6		6.8	6	
25	8	DH47IN001	31211021583	Nguyễn Hùng	Dũng	10		8.5		8.3	7.5	
26	8	DH47IN001	31211023929	Trần Thái	Dương	9.5		10		6	6.5	
27	8	DH47IN001	31211023224	Nguyễn Hoàng Bảo	Duy	8.5		8		7.8	8	
28	8	DH47IN001	31211023312	Lê Công Nhật	Hiếu	9.5		9.5		8	8.5	
29	8	DH47IN001	31211021588	Huỳnh Hai	Him	10		10		7.3	8.5	
30	8	DH47IN001	31211026221	Nguyễn Cảnh	Khánh	6		5.5		6.8	6.3	
31	8	DH47IN001	31211024113	Ngô Phi	Khương	8.5		10		6	7	
32	8	DH47IN001	31211026223	Lê Nguyễn Phúc	Ninh	7.5		9.5		8.3	5.3	
33	8	DH47IN001	31211021602	Tạ Văn	Trãi	8		7		6.8	6.5	
34	8	DH47IN001	31211024365	Cao Minh	Trí	7.5		8.5		7.5	6.8	
35	8	DH47IN001	31211021607	Hà Kiến	Trung	7.5		8.5		7.8	6.3	
36	8	DH47IN001	31211021608	Nguyễn Quang	Vinh	8.5		10		6.5	7	
37	8	DH47LK001	31211022853	Hồ Đăng	Đạt	8		6		7.5	8.8	
38	8	DH47LK001	31211027441	Nguyễn Huỳnh Trườn	Giang	9		7		7	6.8	
39	8	DH47LK001	31211027455	Nguyễn Minh	Hiếu	7.5		5.5		7	7.5	
40	8	DH47LK001	31211027456	Trần Trung	Hiếu	8		7.5		7.8	9	
41	8	DH47LK001	31211027457	Trương Phúc Quốc	Hiếu	9.5		10		7	7.8	
42	8	DH47LK001	31211022716	Nguyễn Đình Việt	Hưng	8.5		4	7	7.3	7.8	
43	8	DH47LK001	31211022694	Lê Văn	Khải	10		8		7.8	7.5	
44	8	DH47LK001	31211027470	Nguyễn Phúc	Lâm	10		9		7.8	8	
45	8	DH47LK001	31211027475	Đặng Quốc	Lộc	8		6		7	7	
46	8	DH47LK001	31211027077	Ngô Quang	Nhật	9		6.5		7.3	7.3	
47	8	DH47LK001	31211027511	Phạm Thanh	Phong	9.5		5.5		6	7	
48	8	DH47LK001	31211027519	Ngô Thanh	Quyền	7		5		6.3	6.8	
49	8	DH47LK001	31211027527	Nguyễn Đức	Tân	8.5		6.5		6.8	8	
50	8	DH47ADC06	31211023178	Nguyễn Hoài	Anh	10		10		10	9.3	
51	8	DH47ADC06	31211025152	Nguyễn Thị Phương	Dung	10		10		8.3	6.8	
52	8	DH47ADC06	31211022754	Nguyễn Thanh	Giang	9		7.5		7.8	7	
53	8	DH47ADC06	31211020459	Đỗ Thị Ngọc	Hân	9		8.5		8.5	7.5	
54	8	DH47ADC06	31211020457	Phan Thúy	Hằng	6.5		4.5	7.5	7.5	6.8	
55	8	DH47ADC06	31211024416	Dương Thị Thuý	Hiền	10		9.5		7.8	7.3	
56	8	DH47ADC06	31211025751	Nguyễn Vũ Diệu	Hiền	10		8.5		8	7.8	
57	8	DH47ADC06	31211020477	Huỳnh Thụy Minh	Huy	6		2.5	8	6.5	8.5	
58	8	DH47ADC06	31211023132	Lê Thị Diệu	Huyền	9		8.5		7.5	7	
59	8	DH47ADC06	31211025367	Nguyễn Trương Thar	Huyền	8.5		8		6.3	7.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
60	8	DH47ADC06	31211024635	Chu Thị Mai	Linh	9		9		7.8	8	
61	8	DH47ADC06	31211020529	Vũ Phương	Linh	9.5		10		7.3	7.3	
62	8	DH47ADC06	31211027186	Nguyễn Khánh	Ngân	8.5		9		7.3	8	
63	8	DH47ADC06	31211024157	Võ Ngọc Kim	Ngân	8.5		9		7.8	8	
64	8	DH47ADC06	31211024158	Nguyễn Vũ Phương	Nghi	9		9.5		7.5	7.8	
65	8	DH47ADC06	31211020571	Đào Như	Ngọc	10		10		8.3	7.5	
66	8	DH47ADC06	31211022769	Nguyễn Hoàng	Ngọc	10		10		8	7.8	
67	8	DH47ADC06	31211025022	Lý Bội	Nhiên	7.5		9.5		5	6	
68	8	DH47ADC06	31211020622	Lâm Bảo	Phương	10		9		7.8	7	
69	8	DH47ADC06	31211020630	Đặng Thúc	Quỳnh	7.5		8.5		7.8	7.5	
70	8	DH47ADC06	31211024305	Lê Thị	Thảo	9		7		7.8	7.3	
71	8	DH47ADC06	31211023088	Đặng Nguyễn Anh	Thư	9		9.5		7.8	7.5	
72	8	DH47ADC06	31211025665	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	9		6.5		6.3	7.3	
73	8	DH47ADC06	31211025933	Nguyễn Thị	Thúy	8.5		8.5		6.8	7.8	
74	8	DH47ADC06	31211026909	Nguyễn Thanh Kim	Tuệ	9		7.5		7.5	8.5	
75	8	DH47ADC06	31211026524	Nguyễn Hoàng Xuân Vy		7		5.5		5.5	7	
76	8	DH47ADC06	31211022681	Đặng Thị Bảo	Yến	9.5		6.5		7.8	5.3	
77	8	DH47IN001	31211024367	Hồ Ngọc Mai	Anh	9.5		10		9	8	
78	8	DH47IN001	31211026452	Nguyễn Thùy	Dung	7		8.5		7.8	6.5	
79	8	DH47IN001	31211020064	Hồ Thùy	Dương	9		9		7.8	7	
80	8	DH47IN001	31211025687	Nguyễn Vân	Khánh	10		9.5		8.5	9.5	
81	8	DH47IN001	31211021590	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	9.5		7.5		7	7.5	
82	8	DH47IN001	31211021591	Đồng Hạ	Lam	8.5		8		8.3	7.8	
83	8	DH47IN001	31211020151	Nguyễn Cao Tường	Minh	8		10		8.8	7.8	
84	8	DH47IN001	31211026594	Liễu Xuân	Nghi	8		8.5		6.5	6.3	
85	8	DH47IN001	31211026453	Mã Huỳnh Vĩnh	Nghi	9		10		7.5	8.5	
86	8	DH47IN001	31211026042	Trần Thị Kim	Phụng	9.5		9.5		5.5	6.3	
87	8	DH47IN001	31211024550	Lê Thị	Quỳnh	8.5		7.5		7.8	9	
88	8	DH47IN001	31211026331	Trần Thị Đông	Quỳnh	10		9.5		8.8	8.8	
89	8	DH47IN001	31211020594	Trần Võ Mai	Quỳnh	9		10		7.3	7.3	
90	8	DH47IN001	31211024920	Huỳnh Thị Phương	Thảo	10		10		9	7.8	
91	8	DH47IN001	31211025688	Ngô Thụy Bảo	Trâm	8.5		8.5		7	5.3	
92	8	DH47IN001	31211025689	Lê Huỳnh Bảo	Trân	10		9.5		7.5	8	
93	8	DH47IN001	31211020514	Lê Thị Quế	Trân	8		7		5.8	7.5	
94	8	DH47IN001	31211023549	Nguyễn Hoàng	Vy	8.5		10		7.8	6.8	
95	8	DH47IN001	31211023932	Nguyễn Ngọc Tường Vy		7.5		7		7	5.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
96	8	DH47LK001	31211027420	Đặng Lan	Anh	9.5		7		8.5	7.5	
97	8	DH47LK001	31211026933	Nguyễn Thị Trâm	Anh	8.5		10		8.3	8.3	
98	8	DH47LK001	31211027425	Phan Thị Trâm	Anh	10		10		7.3	7.3	
99	8	DH47LK001	31211027436	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	7.5		5.5		7.3	8	
100	8	DH47LK001	31211027438	Trần Phương	Duyên	8		10		7	6.8	
101	8	DH47LK001	31211027440	Lê Thị Hương	Giang	10		9		7.3	6.5	
102	8	DH47LK001	31211027450	Tôn Nữ Ngọc	Hân	9.5		10		8.8	8.3	
103	8	DH47LK001	31211027447	Trần Tâm	Hảo	9		9.5		8	8	
104	8	DH47LK001	31211027453	Lê Bùi Thanh	Hiền	9.5		9.5		9	7	
105	8	DH47LK001	31211027460	Lê Thị Linh	Huệ	9		8		7.5	8	
106	8	DH47LK001	31211022455	Nguyễn Trần Bảo	Khanh	10		10		8.5	7.5	
107	8	DH47LK001	31211027467	Hồ Thị Minh	Khuê	7.5		8.5		6.8	5.3	
108	8	DH47LK001	31211027468	Tăng Kiều Khắc	Kim	10		10		8.3	6.8	
109	8	DH47LK001	31211027469	Văn Nguyễn Hồng	Lam	9		4.5	6.5	8.3	7.3	
110	8	DH47LK001	31211027472	Trương Huỳnh Mai	Linh	8		5		7.5	7	
111	8	DH47LK001	31211027483	Nguyễn Thị Ái	My	7.5		9		7.3	5.5	
112	8	DH47LK001	31211027491	Lâm Vũ Từ	Nghi	9		7		6.5	6.8	
113	8	DH47LK001	31211027493	Đỗ Huỳnh Như	Ngọc	9		10		7	7.3	
114	8	DH47LK001	31211027497	Trương Vỹ	Nhân	9		10		8	9.5	
115	8	DH47LK001	31211027503	Phan Thị Lan	Nhi	10		10		7.8	6.5	
116	8	DH47LK001	31211027507	Ngô Hoàng Quỳnh	Như	9		10		7.5	7	
117	8	DH47LK001	31211027515	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	8.5		6		7.8	5.8	
118	8	DH47LK001	31211027521	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	9		9		7.3	7	
119	8	DH47LK001	31211024316	Hồ Anh	Thư	10		10		9.5	8.8	
120	8	DH47LK001	31211027537	Nguyễn Nhật Khánh	Thư	9		9.5		7	8	
121	8	DH47LK001	31211027546	Lê Phương	Trà	8.5		9		7.8	8.3	
122	8	DH47LK001	31211027548	Đặng Thị Ánh	Trâm	9		8		8	8	
123	8	DH47LK001	31211027552	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	10		9.5		8.5	8.3	
124	8	DH47LK001	31211026895	Lâm Ngọc	Uyên	8.5		9.5		8.5	6.8	
125	8	DH47LK001	31211027555	Nguyễn Thúy Nhã	Uyên	7.5		9		6.8	7.8	
126	8	DH47LK001	31211027565	Võ Tường	Vy	7.5		8		7.5	8	
1	9	DH47ADC07	31211020753	Vương Chí	Bình	10		9.5		8	7.3	
2	9	DH47ADC07	31211025568	Lê Ngọc Thành	Công	9		9.5		8.3	7	
3	9	DH47ADC07	31211020619	Trần Thành	Đạt	9		9		8.3	8.8	
4	9	DH47ADC07	31211026120	Lê Anh	Duy	8.5		9.5		6.5	6	
5	9	DH47ADC07	31211024669	Lê Đình	Hiệp	7		7		7.3	6.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
6	9	DH47ADC07	31211024341	Đinh Thái	Hoàng	9		9.5		8	7.8	
7	9	DH47ADC07	31211020500	Nguyễn Đăng	Khoa	9.5		8.5		6.8	8	
8	9	DH47ADC07	31211020503	Phạm Duy	Khôi	8.5		9.5		6.8	7.3	
9	9	DH47ADC07	31211022678	Nguyễn Hoàng	Nam	9		9		6.8	9	
10	9	DH47ADC07	31211023272	Trần Minh	Nghĩa	7		8		7.8	6.3	
11	9	DH47ADC07	31211020610	Đinh Kỳ	Phong	9		6		7	9	
12	9	DH47ADC07	31211023467	Mai Xuân Hữu	Phúc	7.5		9.5		8	8	
13	9	DH47ADC07	31211020618	Nguyễn Đỗ Ngọc	Phúc	8		8		7.3	9	
14	9	DH47ADC07	31211023987	Vô Nhất	Phương	8.5		8.5		6.5	6.3	
15	9	DH47ADC07	31211026398	Nguyễn Quang	Sáng	8.5		7		7.8	6.5	
16	9	DH47ADC07	31211023069	Trần Ngọc Thái	Son	9.5		10		7.5	8.5	
17	9	DH47ADC07	31211025194	Phan Hữu	Tài	9		9.5		7.3	7.5	
18	9	DH47ADC07	31211020649	Hoàng Việt	Thắng	9.5		8.5		7.3	8.3	
19	9	DH47ADC07	31211026475	Đỗ Ngọc	Thanh	9		10		8	6.5	
20	9	DH47ADC07	31211022355	Lai Quốc	Thành	8.5		6.5		7.3	7	
21	9	DH47ADC07	31211023856	Lê Đức	Thành	9		8.5		6.8	8	
22	9	DH47ADC07	31211025036	Lê Tuấn	Thịnh	8.5		7		6.5	7.5	
23	9	DH47ADC07	31211026123	Nguyễn Quốc	Toàn	10		10		9.5	8.5	
24	9	DH47ADC07	31211026287	Phạm Ngọc	Tú	9		9		7	7.5	
25	9	DH47ADC07	31211024457	Nguyễn Duy	Tuấn	8.5		9		7	7.8	
26	9	DH47FNC03	31201022007	Bùi Quang	Anh	9		9.5		7.5	6.8	
27	9	DH47FNC03	31211024093	Đoàn Ngọc	Anh	9.5		9		7.8	7.3	
28	9	DH47FNC03	31211024807	Lã Tiến	Đạt	10		9.5		7	8.8	
29	9	DH47FNC03	31211023903	Trần Đạt	Đạt	9		9.5		6.3	8.8	
30	9	DH47FNC03	31211026730	Chung Nhật	Duy	9.5		10		7.8	8.5	
31	9	DH47FNC03	31211024714	Nguyễn Quang	Duy	8		9		6.3	7.5	
32	9	DH47FNC03	31211025633	Nguyễn Văn	Hùng	8		6.5		7	8.5	
33	9	DH47FNC03	31211021289	Vũ Xuân Quang	Huy	9		9		8	8.3	
34	9	DH47FNC03	31211022569	Đinh Hoàng	Khôi	8.5		9		6	7.3	
35	9	DH47FNC03	31211021341	Trần Bảo	Minh	5.5		9		7.3	7	
36	9	DH47FNC03	31211022645	Lê Thành	Nhân	9		10		8.3	8.3	
37	9	DH47FNC03	31211024229	Đinh Văn Khánh	Quang	8.5		8.5		8.5	7.5	
38	9	DH47FNC03	31211025267	Lâm Quốc	Vinh	7.5		9		6.5	8.5	
39	9	DH47FNC03	31211025702	Lê Phúc	Vinh	9		8.5		5.5	7.5	
40	9	DH47MRC01	31211026156	Nguyễn Hoàng	Danh	8.5		9		7.5	7.8	
41	9	DH47MRC01	31211022956	Lại Đặng Thế	Duy	9.5		9.5		7.3	8.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: DH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
42	9	DH47MRC01	31211024417	Nguyễn Khắc An	Khang	9		6.5		5	5.8	
43	9	DH47MRC01	31211026367	Trần Quốc	Khang	10		9.5		7.5	8.3	
44	9	DH47MRC01	31211024321	Nguyễn Huy	Phát	9.5		9.5		6.3	7.3	
45	9	DH47MRC01	31211020988	Khua Thuận	Phong	10		9.5		8	8.5	
46	9	DH47MRC01	31211026361	Tăng Lý Minh	Quốc	9.5		8.5		8	8.8	
47	9	DH47MRC01	31211021148	Vũ Nhật	Tân	10		9.5		8.5	8.3	
48	9	DH47MRC01	31211023724	Hồ Nhật	Thành	9.5		9.5		8.5	7	
49	9	DH47MRC01	31211022437	Huỳnh Đức Quốc	Thịnh	10		10		8.5	7.3	
50	9	DH47MRC01	31211024774	Nguyễn Thế	Trọng	8.5		8		7	7.8	
51	9	DH47MRC01	31211022494	Phạm Phú	Trọng	6.5		9.5		8	7.5	
52	9	DH47ADC07	31211023769	Nguyễn Thúy	An	8.5		10		7.3	7.8	
53	9	DH47ADC07	31211027276	Văn Thiên	Ân	9.5		10		7.8	7	
54	9	DH47ADC07	31211026939	Nguyễn Thị Vân	Anh	9.5		10		7.5	8.5	
55	9	DH47ADC07	31211025105	Lê Loan	Dung	9		9.5		7.5	6.5	
56	9	DH47ADC07	31211027129	Đoàn Nguyễn Thuý	Dương	9		9.5		6.8	6.8	
57	9	DH47ADC07	31211023226	Trần Thị Thu	Hoài	9		9.5		8.3	7.3	
58	9	DH47ADC07	31211025410	Vầy Thị Kim	Hương	8.5		10		6.5	6.3	
59	9	DH47ADC07	31211026942	Đinh Phương	Lan	7		9		6.8	8.5	
60	9	DH47ADC07	31211022679	Nguyễn Ngọc	Ngân	8.5		9		6.8	7.5	
61	9	DH47ADC07	31211020579	Trần Thị Bảo	Ngọc	10		9.5		7.5	8.5	
62	9	DH47ADC07	31211026905	Trịnh Thái	Ngọc	9.5		9		6.8	6.3	
63	9	DH47ADC07	31211021123	Võ Thị	Nhân	8.5		10		7	7.5	
64	9	DH47ADC07	31211027260	Vòng Tuyết	Nhi	9.5		10		7.3	7.8	
65	9	DH47ADC07	31211020612	Lục Cẩm	Phong	9.5		10		7	6.3	
66	9	DH47ADC07	31211026907	Trịnh Thị Thảo	Phương	8		7.5		6.8	7	
67	9	DH47ADC07	31211022759	Trần Thị	Sương	7.5		7		7	6.5	
68	9	DH47ADC07	31211020745	Nguyễn Hồ Thanh	Thảo	9.5		10		9.5	8.3	
69	9	DH47ADC07	31211024168	Nguyễn Phạm Thanh Thảo		9.5		10		7	7.8	
70	9	DH47ADC07	31211026736	Nguyễn Trương Phúc Thủy		9.5		9.5		6.5	7.3	
71	9	DH47ADC07	31211023598	Dương Phạm Kiều	Trinh	9.5		9.5		7.3	8.5	
72	9	DH47ADC07	31211024680	Trần Thị Phương	Uyên	10		10		8.3	8.3	
73	9	DH47FNC03	31211021202	Trần Thị Hải	An	10		10		8	7.5	
74	9	DH47FNC03	31211025241	Đinh Sử Phương	Anh	9.5		9.5		7.8	6.5	
75	9	DH47FNC03	31211025196	Nguyễn Ngọc Phươn	Anh	9.5		8.5		7	8	
76	9	DH47FNC03	31211024211	Ngô Minh	Châu	9.5		9.5		7.8	8	
77	9	DH47FNC03	31211023762	Phạm Ngọc Thùy	Dương	9		8.5		7	7.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
78	9	DH47FNC03	31211026436	Nguyễn Thúy	Duyên	8.5		6.5		7.8	7.3	
79	9	DH47FNC03	31211025098	Nguyễn Vũ Thùy	Giang	7.5		9		8.5	6	
80	9	DH47FNC03	31211024360	Tô Mỹ	Hà	8		9		7.5	8.5	
81	9	DH47FNC03	31211024353	Bùi Nguyễn Bảo	Hân	8.5		9		7.8	7	
82	9	DH47FNC03	31211025581	Phạm Quế	Hân	9.5		5.5		8	6.8	
83	9	DH47FNC03	31211023304	Huỳnh Ngọc Phương	Hiền	8		9.5		7.8	8.3	
84	9	DH47FNC03	31211023839	Nguyễn Khánh	Linh	8		8		7	8.8	
85	9	DH47FNC03	31211021322	Trần Đăng Mỹ	Linh	9		9		8.3	8.5	
86	9	DH47FNC03	31211024089	Huỳnh Thị Thu	Nga	9.5		9.5		7	6.3	
87	9	DH47FNC03	31211021439	Nguyễn Lê Tú	Quyên	10		8.5		9	8.3	
88	9	DH47FNC03	31211023296	Đỗ Lê Nhã	Quỳnh	8		9		7.3	7	
89	9	DH47FNC03	31211026943	Lê Nhựt	Thảo	9		9		8	6.8	
90	9	DH47FNC03	31211023537	Đỗ Ngọc Anh	Thư	9.5		9.5		8.5	6.5	
91	9	DH47FNC03	31211023034	Nguyễn Thị Thu	Thủy	9		8.5		7.8	6	
92	9	DH47FNC03	31211020640	Lê Thanh	Trúc	9		9		7.3	8	
93	9	DH47MRC01	31211025262	Nguyễn Đỗ Minh	Anh	8		4	6	6.8	7.3	
94	9	DH47MRC01	31211022782	Nguyễn Thị Thanh	Bình	8		8		8.8	8.3	
95	9	DH47MRC01	31211023429	Trần Linh	Chi	8		8.5		8.3	7.3	
96	9	DH47MRC01	31211022444	Hà Thị Minh	Chiến	7		8		6	6.3	
97	9	DH47MRC01	31211026759	Nguyễn Ngọc Tâm	Di	KH		KH		kh	kh	
98	9	DH47MRC01	31211020027	Đậu Ngân	Giang	8.5		9.5		8.3	7.8	
99	9	DH47MRC01	31211022980	Trần Hồng Thủy	Giang	9.5		8.5		7.5	7.3	
100	9	DH47MRC01	31211023273	Phan Hoàng Ngọc	Giao	8.5		9.5		7.8	7.5	
101	9	DH47MRC01	31211021281	Trần Bảo	Hân	10		10		7.8	7.3	
102	9	DH47MRC01	31211022788	Nguyễn Thảo	Khanh	10		8.5		7	7	
103	9	DH47MRC01	31211023524	Nguyễn Thụy	Khanh	10		10		8.3	9	
104	9	DH47MRC01	31211021247	Nguyễn Hoàng	Lan	8		8.5		7.5	7.3	
105	9	DH47MRC01	31211023077	Hoàng Thị Xuân	Liên	10		9.5		8.3	6.8	
106	9	DH47MRC01	31211020725	Nguyễn Lê Ngọc	Minh	9.5		9.5		7	5.8	
107	9	DH47MRC01	31211020978	Nguyễn Ngọc Hoàng My		9.5		9.5		8.5	8.5	
108	9	DH47MRC01	31211026548	Nguyễn Trúc	Ngọc	9.5		10		8.5	8	
109	9	DH47MRC01	31211021103	Trần Phan Thảo	Nguyên	6.5		6.5		7.8	7.3	
110	9	DH47MRC01	31211020360	Trần Tú	Nhi	8		8.5		7	5	
111	9	DH47MRC01	31211023254	Lê Trọng Thảo	Phương	7.5		7		7.5	8.3	
112	9	DH47MRC01	31211021564	Nguyễn Phương	Thảo	9.5		9.5		7	7.5	
113	9	DH47MRC01	31211022567	Phí Phương	Thảo	8		5		6	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
114	9	DH47MRC01	31211023089	Nguyễn Anh	Thư	10		9.5		8.5	8.8	
115	9	DH47MRC01	31211020922	Bùi Lê Thủy	Tiên	10		10		7.8	8.3	
116	9	DH47MRC01	31211023174	Trương Cẩm	Tiên	10		9		7.8	8.8	
117	9	DH47MRC01	31211021219	Nguyễn Thị Kiều	Trang	7.5		8		8	8.3	
118	9	DH47MRC01	31211021184	Nguyễn Hồ Phương	Trinh	10		10		9.5	9.5	
119	9	DH47MRC01	31211021338	Nguyễn An Phương	Uyên	10		9.5		6.8	7	
120	9	DH47MRC01	31211023168	Trần Hoàng Ái	Vân	10		9.5		7.3	7.8	
121	9	DH47MRC01	31211022436	Lê Bùi Như	Ý	9.5		9		9	8	
122	9	DH47MRC01	31211026751	Lưu Nguyễn Như	Ý	10		9.5		7.8	8.8	
1	10	DH47AU001	31211022084	Nguyễn Gia	Bảo	9		8.5		7.8	8	
2	10	DH47AU001	31211022092	Nguyễn Trần Minh	Duy	8.5		7.5		6.3	7.3	
3	10	DH47AU001	31211022116	Trương Tấn	Lộc	9		9.5		7.8	6.8	
4	10	DH47AU001	31211025319	Đào Tấn	Lực	10		9		8	7	
5	10	DH47AU001	31211022137	Nguyễn Hữu Minh	Nhật	8		8		8.3	8.3	
6	10	DH47AU001	31211023816	Trương Tấn	Phát	9		7.5		7.8	8	
7	10	DH47AU001	31211022143	Bùi Tổ Tuấn	Phong	8.5		7.5		8.3	8.3	
8	10	DH47AU001	31211026075	Hồ Tấn	Phước	5.5		4	4.5	6.8	6.5	
9	10	DH47AU001	31211026076	Nguyễn Lê Minh	Phước	8.5		9.5		8.5	7.8	
10	10	DH47AU002	31211022086	Lưu	Bình	9		9.5		7.3	7.5	
11	10	DH47AU002	31211022089	Trần Uy	Cường	10		10		8.5	10	
12	10	DH47AU002	31211024871	Trần Anh	Dương	6.5		8.5		7.8	8	
13	10	DH47AU002	31211022106	Đinh Bá	Hùng	10		6.5		6.5	7	
14	10	DH47AU002	31211024260	Đinh Phát	Khoa	8		6		7.5	9	
15	10	DH47AU002	31211026694	Lữ Duy	Tân	8.5		8		8.5	8.5	
16	10	DH47AU002	31211022903	Lê Thành	Thường	9		8.5		9	8.8	
17	10	DH47AU002	31211022167	Hồ Đức	Toàn	7.5		5.5		6.5	6.8	
18	10	DH47AU003	31211022079	Đinh Đức	Anh	8		9		7	7	
19	10	DH47AU003	31211020084	Trần Trung	Đức	8		6		7	7.3	
20	10	DH47AU003	31211020085	Nguyễn Anh	Hào	9.5		7		7.5	6.3	
21	10	DH47AU003	31211022105	Nguyễn Trọng Minh	Hoàng	8		7.5		6.8	6.5	
22	10	DH47AU003	31211025316	Thân Trọng	Hoàng	10		10		8.8	7.8	
23	10	DH47AU003	31211022111	Nguyễn Tuấn	Kiệt	9		9		6.5	6.3	
24	10	DH47AU003	31211020091	Võ Minh	Trí	10		9.5		7.8	7	
25	10	DH47AU003	31211024586	Võ Quốc	Trọng	6.5		6.5		7.8	6.3	
26	10	DH47AU001	31211026247	Đỗ Thị Tú	Anh	8.5		vt		8.3	8.3	
27	10	DH47AU001	31211021262	Ngô Hoàng Triều	Anh	9.5		8		8.5	8.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
28	10	DH47AU001	31211024129	Phạm Lê Bảo	Hân	8.5		10		8.5	6.8	
29	10	DH47AU001	31211022107	Nguyễn Thanh	Huyền	9.5		8.5		7.8	8.3	
30	10	DH47AU001	31211026073	Đoàn Ngân	Khánh	6		4.5	7.5	6.5	7	
31	10	DH47AU001	31211022114	Trần Gia	Linh	9		7.5		6.8	7.8	
32	10	DH47AU001	31211026251	Phan Thị Thảo	Ly	6		4.5	8.5	6.3	7	
33	10	DH47AU001	31211025904	Lâm Khánh	Mai	7.5		8		7.5	8	
34	10	DH47AU001	31211022125	Nguyễn Thị Diễm	My	9.5		10		8	8.5	
35	10	DH47AU001	31211026898	Nguyễn Kim	Ngân	10		10		9.5	9	
36	10	DH47AU001	31211020286	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	KH		KH		kh	kh	
37	10	DH47AU001	31211022570	Phạm Ngọc Kim	Ngân	8.5		9.5		8.3	8	
38	10	DH47AU001	31211025512	Đỗ Nguyễn Gia	Nghi	10		9		8.8	6.3	
39	10	DH47AU001	31211022128	Trần Thị Huỳnh	Nghi	8		9.5		7	6.3	
40	10	DH47AU001	31211022136	Huỳnh Phan Thanh	Nhã	8.5		10		6.3	7.5	
41	10	DH47AU001	31211026074	Vũ Ngọc Phương	Nhi	8.5		8.5		7	6.3	
42	10	DH47AU001	31211022138	Đỗ Thị Huỳnh	Như	8.5		9		7	7.5	
43	10	DH47AU001	31211023058	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	9		7.5		8.3	7.5	
44	10	DH47AU001	31211024503	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	8.5		8		8.5	7	
45	10	DH47AU001	31211022148	Phạm Đăng Quyên	Quyên	9		4.5	7.5	7.3	7.3	
46	10	DH47AU001	31211022151	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	8.5		7		7.8	6.3	
47	10	DH47AU001	31211022153	Trần Hồ Xuân	Quỳnh	7.5		7		8.3	7.5	
48	10	DH47AU001	31211026713	Trần Tố	Tâm	10		10		8.3	7.8	
49	10	DH47AU001	31211023681	Huỳnh Lê Phương	Thảo	8		9		8	6.8	
50	10	DH47AU001	31211023059	Lê Bùi Anh	Thư	10		10		8.8	9.3	
51	10	DH47AU001	31211023662	Nguyễn Thanh	Thủy	10		9.5		9.3	9.3	
52	10	DH47AU001	31211022166	Võ Huỳnh Minh	Thy	10		9		8.3	9.3	
53	10	DH47AU001	31211023975	Lương Thị Thủy	Tiên	7.5		9		6.3	6.8	
54	10	DH47AU001	31211024585	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	9		5		7.8	7.3	
55	10	DH47AU001	31211023817	Đinh Thị Thủy	Trang	8.5		8.5		8.3	7.8	
56	10	DH47AU001	31211025697	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	10		8		6	6.8	
57	10	DH47AU001	31211022178	Hà Mai Phương	Uyên	8.5		9.5		8	6.8	
58	10	DH47AU001	31211024395	Lê Cáp Đông	Uyên	10		10		6.8	8	
59	10	DH47AU001	31211026616	Nguyễn Hà	Vy	8.5		8.5		6.5	6.8	
60	10	DH47AU002	31211023811	Nguyễn Hà	Anh	8.5		4.5	7	7	6.8	
61	10	DH47AU002	31211022088	Tăng Thị Hà	Châu	8.5		6		6.8	6.5	
62	10	DH47AU002	31211024391	Nguyễn Hoàng Minh Chi		9		8.5		7.3	8	
63	10	DH47AU002	31211025856	Nguyễn Chương	Đài	10		8.5		8.3	7.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
64	10	DH47AU002	31211022090	Nguyễn Ngọc	Diễm	7		5		7.5	8	
65	10	DH47AU002	31211023242	Vũ Ngọc	Dung	9.5		8		8.3	7	
66	10	DH47AU002	31211024392	Phạm Thị Hà	Giang	10		8		8.5	9.3	
67	10	DH47AU002	31211022095	Phạm Thị Hương	Giang	7		6		7.8	7.8	
68	10	DH47AU002	31211026611	Nguyễn Bảo	Hà	10		9.5		8.8	7.3	
69	10	DH47AU002	31211022901	Nguyễn Ngọc Bích	Hằng	8		9		8.3	8.5	
70	10	DH47AU002	31211026612	Võ Thị Thu	Hiền	9.5		8		8.3	8	
71	10	DH47AU002	31211024872	Nguyễn Hồ Quỳnh	Hoa	7		9.5		6.8	6.3	
72	10	DH47AU002	31211022101	Tô Thị Thanh	Hoài	10		8.5		8.8	8.8	
73	10	DH47AU002	31211026884	Trần Mỹ	Kiều	8.5		7		8	7.8	
74	10	DH47AU002	31211022112	Châu Yên	Linh	9.5		8.5		6.3	7.8	
75	10	DH47AU002	31211024707	Dương Tiến	Mỹ	9.5		9		8.5	7.5	
76	10	DH47AU002	31211026464	Võ Thị Thiên	Nga	7.5		7		7	8	
77	10	DH47AU002	31211027230	Thái Ngọc Bảo	Ngân	6		6		8	7	
78	10	DH47AU002	31211023813	Hoàng Bảo	Ngọc	9.5		9		7.8	7.5	
79	10	DH47AU002	31211025858	Nguyễn Trúc	Nguyên	8.5		8		7.5	6.8	
80	10	DH47AU002	31211022135	Võ Thị Thừa	Nguyên	8		5		6	7.5	
81	10	DH47AU002	31211024131	Võ Ngọc Quỳnh	Như	8.5		6		8	8.8	
82	10	DH47AU002	31211022141	Phạm Sô	Ny	10		8		8.5	9.8	
83	10	DH47AU002	31211022152	Nguyễn Như	Quỳnh	7.5		6.5		8.3	7.8	
84	10	DH47AU002	31211026714	Bùi Bích	Thảo	6.5		4.5	8.5	7.5	7.5	
85	10	DH47AU002	31211022157	Lê Phương	Thảo	10		9.5		8.5	7.8	
86	10	DH47AU002	31211022400	Hoàng Vũ Anh	Thư	9		6.5		8	7.8	
87	10	DH47AU002	31211023244	Thái Ái	Thuận	9.5		10		8.8	7	
88	10	DH47AU002	31211022171	Phạm Thị Ngọc	Trâm	10		7		7.8	7.8	
89	10	DH47AU002	31211022606	Mai Nguyễn Nhã	Trân	8		8		7	8	
90	10	DH47AU002	31211022904	Ngô Thị Mỹ	Uyển	9.5		10		7.8	8.5	
91	10	DH47AU002	31211026615	Lê Thị Huyền	Vi	6.5		8.5		7.3	5.3	
92	10	DH47AU002	31211024587	Hứa Như	Ý	7		10		6.5	7.8	
93	10	DH47AU002	31211022186	Diệp Kim	Yên	7		6		7.3	5.5	
94	10	DH47AU003	31211022083	Võ Thị Hoàng	Anh	7		6		7.5	7.5	
95	10	DH47AU003	31211022091	Lê Thị Mỹ	Dung	8		4.5	8	8.5	6.8	
96	10	DH47AU003	31211024869	Nguyễn Thị Thùy	Dung	9.5		9.5		7.3	7.3	
97	10	DH47AU003	31211023404	Lê Thị Thùy	Dương	9		7.5		7.5	7.8	
98	10	DH47AU003	31211022096	Lê Thúy	Hằng	6.5		6.5		5.8	6.5	
99	10	DH47AU003	31211022100	Dương Thị Quỳnh	Hoa	7.5		10		6	7.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
100	10	DH47AU003	31211022605	Trần Bội	Hoài	9.5		10		8.8	8.5	
101	10	DH47AU003	31211025857	Đồng Thị Kim Thai	Hy	9		3	8.5	7	6.5	
102	10	DH47AU003	31211024873	Nguyễn Thị	Kiều	5		6		7.5	6.3	
103	10	DH47AU003	31211022115	Trần Thảo	Linh	10		9.5		7.8	7.8	
104	10	DH47AU003	31211025013	Mai Thị Cẩm	Loan	10		10		8.5	8.8	
105	10	DH47AU003	31211024705	Trần Thị	Loan	8.5		8.5		7.3	8.5	
106	10	DH47AU003	31211027204	Võ Thiên	Lý	7		9.5		6.5	7	
107	10	DH47AU003	31211023584	Huỳnh Ngọc Phương	Nghi	5.5		9.5		8	6.8	
108	10	DH47AU003	31211022129	Trương Hoàng Bảo	Nghi	8		10		8.5	8.3	
109	10	DH47AU003	31211022130	Lê Thị Bảo	Ngọc	8.5		7.5		7.3	vt	
110	10	DH47AU003	31211023814	Phan Thị Thảo	Nguyên	10		10		9.5	9.3	
111	10	DH47AU003	31211024584	Bùi Yến	Nhi	8.5		7.5		7.8	7	
112	10	DH47AU003	31211023328	Trương Thị Thu	Phương	6		7		7.8	8.3	
113	10	DH47AU003	31211026658	Huỳnh Thị Kim	Quyên	9.5		8.5		7.8	7	
114	10	DH47AU003	31211027284	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	10		9.5		8.5	8.8	
115	10	DH47AU003	31211022398	Khuất Thị Thanh	Thắm	9.5		10		8.3	8.3	
116	10	DH47AU003	31211022162	Dương Ngọc Anh	Thư	8		8.5		7.3	6.5	
117	10	DH47AU003	31211026715	Võ Thị Anh	Thư	9.5		6.5		7.8	7.5	
118	10	DH47AU003	31211023954	Hồ Thị	Tiên	9.5		8.5		7	7.5	
119	10	DH47AU003	31211023585	Phạm Cao Minh	Trâm	7.5		8.5		7.3	6	
120	10	DH47AU003	31211024263	Nguyễn Trần Huyền	Trang	7		8.5		7.8	8.5	
121	10	DH47AU003	31211022574	Phan Thị Quỳnh	Trang	8		7		8	8	
122	10	DH47AU003	31211026254	Lý Thị	Trinh	8.5		6		8	9	
123	10	DH47AU003	31211022177	Đỗ Thu	Uyên	9		8.5		7.3	7	
124	10	DH47AU003	31201023642	Nguyễn Thị Ngọc	Vi	9		8		7.5	7.8	
1	11	DH47AV001	31211025102	Nguyễn Thái	Bình	10		9.5		8	7.3	
2	11	DH47AV001	31211026122	Nguyễn Thành	Duy	10		8		9.3	8	
3	11	DH47AV001	31211024716	Trần Trung	Hào	9		8		7.5	6.8	
4	11	DH47AV001	31211025114	Lê Trung	Hậu	10		9		7	7	
5	11	DH47AV001	31211020242	Vũ Xuân	Huy	9.5		9.5		8	7.5	
6	11	DH47AV001	31211027203	Võ Tấn	Khoa	7.5		5		7	8.3	
7	11	DH47AV001	31211023741	Nguyễn Vĩnh	Ký	7		7		6.3	7	
8	11	DH47AV001	31211020951	Nguyễn Kinh	Luân	KH		KH		kh	kh	
9	11	DH47AV001	31211024718	Phan Nhật	Minh	9.5		10		8.8	7.8	
10	11	DH47AV001	31211022743	Nguyễn Phương	Nam	5.5		4		5.8	6.5	
11	11	DH47AV001	31211027283	Nguyễn Đồng	Năng	10		10		7.8	7.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
12	11	DH47AV001	31211026806	Huỳnh Lý Hoàng	Phát	7.5		7.5		7.5	6.5	
13	11	DH47AV001	31211021651	Đỗ Đình	Quang	8.5		7		6.8	6.8	
14	11	DH47DS002	31211026893	Mã Thành	An	8		7		7	7.8	
15	11	DH47DS002	31211027630	Ngô Gia	Bảo	9		6		7.5	9	
16	11	DH47DS002	31211024275	Huỳnh Nguyễn Anh	Cường	9		10		7.5	8	
17	11	DH47DS002	31211027631	Võ Tuấn	Cường	8		6		7.5	6.5	
18	11	DH47DS002	31211027634	Võ Minh	Đạt	8.5		9.5		8.3	7.5	
19	11	DH47DS002	31211027642	Lưu Quang	Huy	9.5		8		8.8	6.5	
20	11	DH47DS002	31211027644	Bùi Lê	Khang	9.5		9.5		7.5	7.8	
21	11	DH47DS002	31211025006	Phạm Phú	Khánh	9.5		8.5		6.8	6.8	
22	11	DH47DS002	31211027645	Huỳnh Trịnh Tiến	Khoa	9		10		8.3	8.8	
23	11	DH47DS002	31211027199	Nguyễn Trịnh Hiếu	Kiên	10		9		8.8	8	
24	11	DH47DS002	31211027647	Đặng Châu	Kỳ	8.5		9		7.3	9	
25	11	DH47DS002	31211027122	Trần Khánh	Minh	6		9.5		7.3	9	
26	11	DH47DS002	31211027655	Võ Minh	Nguyên	8.5		7.5		7.5	8.8	
27	11	DH47DS002	31211027656	Nguyễn Thiện	Nhân	8		7		8.5	6.5	
28	11	DH47DS002	31211027658	Nguyễn Quang	Nhật	6		9		7.5	7.3	
29	11	DH47DS002	31211027661	Nguyễn Tân	Niên	8.5		9.5		6.8	7.3	
30	11	DH47DS002	31211027662	Trương Thanh	Phong	8.5		9		8	7.3	
31	11	DH47DS002	31211024191	Đỗ Quang Thiên	Phú	10		10		8.5	8	
32	11	DH47DS002	31211027663	Phạm Minh	Phước	9		10		7.5	7.3	
33	11	DH47DS002	31211027670	Đinh Công	Thành	8.5		10		6	6.5	
34	11	DH47DS002	31211027166	Hoàng Hồ Gia	Thuận	kh		kh		kh	kh	
35	11	DH47DS002	31211027680	Nguyễn Minh	Triết	8		9.5		8	8.5	
36	11	DH47DS002	31211027681	Lê Minh	Triều	8		8.5		7.3	6.3	
37	11	DH47IVC02	31211025014	Dương Hoàng	Anh	8		9		7.8	8.3	
38	11	DH47IVC02	31211025718	Xa Hoàng	Anh	9		9		7.8	7	
39	11	DH47IVC02	31211026633	Trần Quang	Bách	9		7.5		7	7.3	
40	11	DH47IVC02	31211020233	Lê Nguyễn Tuấn	Duy	10		6		6.8	8	
41	11	DH47IVC02	31211023685	Nguyễn Hữu	Hoàng	9.5		9.5		6.3	7	
42	11	DH47IVC02	31211025369	Hứa Lê Đăng	Khoa	7		8		7.8	7.3	
43	11	DH47IVC02	31211020271	Nguyễn Thiện	Long	8.5		9.5		7	8.3	
44	11	DH47IVC02	31211026891	Mai Nguyễn Thanh	Minh	8.5		6.5		7.5	6	
45	11	DH47IVC02	31211024758	Võ Minh	Quân	10		9.5		9	8.5	
46	11	DH47IVC02	31211024016	Võ Thành	Thắng	9.5		9.5		8.5	7.8	
47	11	DH47IVC02	31211020817	Lê Thanh	Thiên	9		9		8.3	9.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
48	11	DH47IVC02	31211020614	Nguyễn Văn	Thoại	6.5		7		7.5	7.5	
49	11	DH47IVC02	31211024312	Nguyễn Thành	Tín	9		8.5		8	9.3	
50	11	DH47IVC02	31211020534	Trần Minh	Trí	9.5		7.5		7.5	7.3	
51	11	DH47IVC02	31211023431	Phan Nam	Tùng	8		9		7.8	6.5	
52	11	DH47IVC02	31211022729	Nguyễn Khải	Vinh	8		10		8.3	6	
53	11	DH47AV001	31211026758	Lê Nguyễn Minh	Anh	8		7.5		8	8	
54	11	DH47AV001	31211021305	Phạm Thị Mỹ	Anh	9.5		8		8.5	7.3	
55	11	DH47AV001	31211021210	Vũ Ngọc Trâm	Anh	9		7		8.3	8	
56	11	DH47AV001	31211024950	Phan Ngọc Minh	Châu	8.5		7		7	8	
57	11	DH47AV001	31211020823	Phạm Lê Khánh	Chi	8		7.5		8.8	8	
58	11	DH47AV001	31211024979	Phạm Đình Khánh	Đoan	7		7.5		7.5	8	
59	11	DH47AV001	31211026020	Hồ Ngọc Mỹ	Dung	7		6.5		7.8	7	
60	11	DH47AV001	31211024212	Trần Thị Hồng	Duyên	9		9		7.5	8.5	
61	11	DH47AV001	31211026570	Huỳnh Nhã	Hân	9		9		7.5	7.8	
62	11	DH47AV001	31211023418	Lý Gia	Hân	7.5		4.5	9.5	8.5	8.5	
63	11	DH47AV001	31211023897	Nguyễn Trịnh Bảo	Hân	7		4.5	8.5	7.3	8.5	
64	11	DH47AV001	31211025529	Nguyễn Cao Hoàn	Hảo	10		10		8.3	8.5	
65	11	DH47AV001	31211020648	Đỗ Ngọc	Hiếu	8.5		5.5		6.8	7	
66	11	DH47AV001	31211024605	Đặng Gia	Linh	6		3	5.5	6	6.5	
67	11	DH47AV001	31211026263	Lê Trần Khánh	Linh	7		9		8.5	7	
68	11	DH47AV001	31211023996	Ngô Lê Khánh	Linh	10		9.5		9.3	9.5	
69	11	DH47AV001	31211027221	Trần Nhật	Linh	7		5.5		8.3	7.8	
70	11	DH47AV001	31211023593	Đỗ Trần Phương	Nam	10		8.5		8	7.5	
71	11	DH47AV001	31211023984	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	9.5		10		7.8	7.3	
72	11	DH47AV001	31211023258	Huỳnh Phương	Nhi	8.5		10		9.5	9.5	
73	11	DH47AV001	31211023617	Lê Huỳnh Yến	Nhi	8.5		8		8.3	7.8	
74	11	DH47AV001	31211020455	Lê Nguyễn Quỳnh	Nhi	10		10		8.5	8.8	
75	11	DH47AV001	31211025058	Ngô Đình Minh	Như	10		10		7.5	8.3	
76	11	DH47AV001	31211020929	Nguyễn Trần Khánh	Như	10		10		9	7.8	
77	11	DH47AV001	31211022942	Dương Vân	Ninh	7.5		3	8.5	6.8	6.8	
78	11	DH47AV001	31211027292	Dương Hà	Phương	10		10		8	7.3	
79	11	DH47AV001	31211024961	Nguyễn Dương Ngọc Thảo		10		10		7.8	7.5	
80	11	DH47AV001	31211020162	Trần Thị Anh	Thư	10		10		7.3	8.8	
81	11	DH47AV001	31211026684	Ngô Bảo	Trâm	10		8		9	8.8	
82	11	DH47AV001	31211023677	Nguyễn Huỳnh	Trân	9		8.5		8	6.8	
83	11	DH47AV001	31211020889	Võ Hoàng	Trân	8		8.5		7.5	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
84	11	DH47AV001	31211025476	Trần Hoàng Thiên	Trang	10		9.5		8.5	7.8	
85	11	DH47AV001	31211026774	Nguyễn Ngọc Phươn	Uyên	7.5		8.5		7.8	7.5	
86	11	DH47AV001	31211024966	Phan Ái	Vy	9.5		8		7.8	7.5	
87	11	DH47DS002	31211027633	Trần Gia	Dung	6.5		5.5		7.5	6	
88	11	DH47DS002	31211023184	Nguyễn Hoàng Hà	My	9.5		7		7	7	
89	11	DH47DS002	31211027652	Tất Diệu	Ngân	9		8		7.8	7.5	
90	11	DH47DS002	31211024087	Lê Trần Khánh	Phú	10		8.5		9.8	9.3	
91	11	DH47DS002	31211027666	Dương Mỹ	Quỳnh	7		7.5		8.8	8	
92	11	DH47DS002	31211027668	Trương Vũ Phương	Quỳnh	9.5		9.5		7.5	7.8	
93	11	DH47DS002	31211027673	Nguyễn Thị	Thom	7.5		9.5		8.8	6.5	
94	11	DH47DS002	31211027675	Đào Bùi Hương	Thùy	8.5		8.5		6.8	7.3	
95	11	DH47DS002	31211027679	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	9		10		7.8	8	
96	11	DH47DS002	31211027682	Phạm Dương Thị Th	Truyền	8		9.5		8	7	
97	11	DH47DS002	31211027685	Nguyễn Thị Tường	Vi	7		7		7.5	7	
98	11	DH47DS002	31211027688	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	9		8		7.8	7.8	
99	11	DH47DS002	31211027689	Nguyễn Thanh	Vy	9		7.5		6.8	7.3	
100	11	DH47IVC02	31211026354	Nguyễn Đình Minh	Anh	8.5		6.5		7.8	6.8	
101	11	DH47IVC02	31211024144	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	9		7		7.3	7.3	
102	11	DH47IVC02	31211026089	Chu Ngọc	Hà	8		10		8.3	7.3	
103	11	DH47IVC02	31211024749	Phan Hoàng	Hà	9		8.5		6.3	7.8	
104	11	DH47IVC02	31211025363	Trần Thanh	Hoàng	9.5		6		7.8	8	
105	11	DH47IVC02	31211026890	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	9		8		9	8.5	
106	11	DH47IVC02	31211024618	Đào Thị Diệu	Linh	8.5		6		6	7.3	
107	11	DH47IVC02	31211020267	Phạm Khánh	Linh	7.5		9.5		7.3	8	
108	11	DH47IVC02	31211025660	Trần Lê Yên	Linh	9		10		9	8.8	
109	11	DH47IVC02	31211025727	Nguyễn Thị Xuân	Mai	7.5		3	8.5	5.8	8	
110	11	DH47IVC02	31211020275	Nguyễn Tăng Thiên	Ngân	10		8.5		6.8	7	
111	11	DH47IVC02	31211026388	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	9		8.5		7.8	6.8	
112	11	DH47IVC02	31211023893	Dương Võ Quỳnh	Nhi	8.5		8.5		7.8	8.8	
113	11	DH47IVC02	31211024343	Mai Ngọc Uyên	Nhi	9.5		9.5		9	8.3	
114	11	DH47IVC02	31211020280	Lưu An	Nhiên	8		8		7	8	
115	11	DH47IVC02	31211020009	Nguyễn Cẩm	Nhung	7.5		4	7	7.3	7	
116	11	DH47IVC02	31211025726	Vũ Đình Mai	Phi	8.5		8.5		8.8	7.5	
117	11	DH47IVC02	31211025887	Lê Thị Thu	Phương	8		7.5		6.3	6.8	
118	11	DH47IVC02	31211024754	Phạm Hoàng Nam	Phương	9.5		7.5		5.8	7.8	
119	11	DH47IVC02	31211024061	Trần Hồ Đan	Phương	10		10		7.5	7.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
120	11	DH47IVC02	31211025054	Nguyễn Minh	Thy	8		8		6.5	8.5	
121	11	DH47IVC02	31211025614	Nguyễn Thị Bích	Trâm	9		9.5		8	7.5	
122	11	DH47IVC02	31211025115	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	9.5		7.5		6.3	7.8	
123	11	DH47IVC02	31211026790	Vũ Trần Hoàng	Uyên	8.5		10		7	5.8	
1	12	DH47EE001	31211021114	Nguyễn Đức Tuấn	Anh	10		10		9.3	9.3	
2	12	DH47EE001	31211021116	Trần Gia	Bảo	10		9		8.3	8	
3	12	DH47EE001	31211021118	Nguyễn Tổ	Bình	10		7.5		6.8	7.5	
4	12	DH47EE001	31211021121	Mai Hiền	Đạt	10		8.5		8	8.3	
5	12	DH47EE001	31211024655	Hoàng Công	Dũng	9		9		7.8	8.5	
6	12	DH47EE001	31211024514	Hà Quang	Huy	9.5		7.5		6.8	7.8	
7	12	DH47EE001	31211022416	Võ Hoàng Minh	Huy	10		9.5		9	7	
8	12	DH47EE001	31211026918	Nguyễn Anh	Khôi	9		9.5		7	7.5	
9	12	DH47EE001	31211021132	Nguyễn Đình	Khuê	10		9.5		8.3	7.8	
10	12	DH47EE001	31211023120	Hoàng Đức	Luật	9.5		8.5		6.8	7.3	
11	12	DH47EE001	31211021599	Bùi Minh Khôi	Nguyên	10		9.5		7.3	8.3	
12	12	DH47EE001	31211023631	Lưu Nhật	Nguyên	8		9		8.3	6.3	
13	12	DH47EE001	31211026190	Nguyễn Tiến	Phát	6.5		9.5		7.5	6.8	
14	12	DH47EE001	31211024202	Nguyễn Văn	Phúc	8.5		9.5		7.8	6.8	
15	12	DH47EE001	31211021168	Nguyễn Công	Sang	9		8.5		6.5	7.5	
16	12	DH47EE001	31211023123	Thái Trường	Thịnh	10		10		8.8	7.3	
17	12	DH47EE001	31211021175	Phạm Minh	Toàn	9		9		7.8	7.3	
18	12	DH47EE001	31211023349	Nguyễn Hoàng Minh Trí		8		6.5		7.8	8	
19	12	DH47IBC02	31211020812	Phạm Tiến	Công	9.5		9.5		7	6.3	
20	12	DH47IBC02	31211020057	Nguyễn Tiến	Dũng	9.5		10		7.8	7.3	
21	12	DH47IBC02	31211021228	Trần Lê Minh	Duy	9.5		10		8	9.3	
22	12	DH47IBC02	31211024362	Huỳnh Kiều Anh	Huy	10		10		9.5	9.3	
23	12	DH47IBC02	31211021256	Nguyễn Hoàng	Khánh	10		10		6.5	7.8	
24	12	DH47IBC02	31211021000	Đoàn Công	Thành	10		9.5		6.3	7.5	
25	12	DH47IBC02	31211020956	Nguyễn Minh	Trí	8.5		9		9.5	9.3	
26	12	DH47IBC02	31211026037	Nguyễn Minh	Trí	10		10		7	8.8	
27	12	DH47IBC03	31211022795	Phạm Đức	Bình	8		5		6.8	7.5	
28	12	DH47IBC03	31211026167	Bùi Nguyên Hữu	Đắc	7		6.5		6.8	7.3	
29	12	DH47IBC03	31211025803	Lương Vĩ	Hiền	KH		KH		kh	kh	
30	12	DH47IBC03	31211025454	Nguyễn Khoa	Huân	10		10		8	9.8	
31	12	DH47IBC03	31211024189	Lao Gia	Khang	9.5		9.5		9	8	
32	12	DH47IBC03	31211023012	Nguyễn Hoàng	Lâm	9		8.5		7.3	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
33	12	DH47IBC03	31211022622	Nguyễn Thái	Lâm	8		10		8	8	
34	12	DH47IBC03	31211020936	Phạm Bùi Bảo	Liên	9.5		10		7.8	6	
35	12	DH47IBC03	31211022643	Nguyễn Văn Quang	Long	9.5		10		8.5	9	
36	12	DH47IBC03	31211020536	Trần Thế	Lực	9.5		9		7.3	7.5	
37	12	DH47IBC03	31211022472	Nguyễn	Nguyên	6		7		8	8	
38	12	DH47IBC03	31211026344	Lê Quang	Phú	8.5		8.5		6.8	7.5	
39	12	DH47EE001	31211021115	Nguyễn Lan	Anh	8.5		6.5		7.5	7	
40	12	DH47EE001	31211026446	Phạm Minh	Anh	9.5		10		9.5	9	
41	12	DH47EE001	31211020919	Phan Vũ Hương	Anh	9.5		10		7.8	7.5	
42	12	DH47EE001	31211023204	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	9.5		9.5		8	7.5	
43	12	DH47EE001	31211023333	Huỳnh Thị Giang	Bình	9		10		7.8	9.3	
44	12	DH47EE001	31211025112	Bùi Trần Thiên	Di	7		8		6.5	8	
45	12	DH47EE001	31211026856	Nguyễn Hồ Kiều	Diễm	9.5		9.5		7.8	8.8	
46	12	DH47EE001	31211022366	Huỳnh Phạm Thùy	Dương	7		6		7.5	7.5	
47	12	DH47EE001	31211024525	Nguyễn Dương Khánh	Hạ	9.5		10		7.8	7.8	
48	12	DH47EE001	31211021126	Nguyễn Gia	Hân	8.5		8.5		7	7.3	
49	12	DH47EE001	31211024206	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	8.5		9		8.5	7	
50	12	DH47EE001	31211026655	Trần Ngọc Gia	Hân	9.5		7		8.3	5.5	
51	12	DH47EE001	31211026429	Phan Thị Ái	Hằng	8.5		7.5		7.8	7.5	
52	12	DH47EE001	31211026557	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10		9.5		6.5	7.5	
53	12	DH47EE001	31211026424	Trần Minh	Hương	9		9.5		6.5	6.5	
54	12	DH47EE001	31211020663	Park Soo	Jung	8.5		6.5		6	8	
55	12	DH47EE001	31211020977	Lâm Thụy	Khanh	7.5		7		8.8	8	
56	12	DH47EE001	31211026035	Vũ Hoàng	Lan	8.5		4.5	7.5	7.3	8.5	
57	12	DH47EE001	31211023523	Nguyễn Thị Thùy	Linh	8		8.5		6.8	8	
58	12	DH47EE001	31211021141	Lã Thị Ngọc	Mai	7.5		9		7	7.5	
59	12	DH47EE001	31211022442	Phan Lê Tú	Mỹ	7		10		7.8	8.3	
60	12	DH47EE001	31211025474	Nguyễn Hoàng	Ngân	8.5		10		6	8	
61	12	DH47EE001	31211025060	Nguyễn Hoàng Phương	Ngân	8		8		7.5	7.5	
62	12	DH47EE001	31211021155	Nguyễn Thị	Nhân	6		2	5.5	6	6.3	
63	12	DH47EE001	31211026189	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	8.5		6.5		7.8	7.3	
64	12	DH47EE001	31211021160	Phạm Thị Huỳnh	Như	6.5		7.5		8	8.3	
65	12	DH47EE001	31211025064	Nguyễn Thị Bích	Phượng	9		10		6.5	7.5	
66	12	DH47EE001	31211021167	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	9		8		6.8	8.3	
67	12	DH47EE001	31211023346	Lưu Nguyễn Minh	Thư	9.5		10		7.5	9.3	
68	12	DH47EE001	31211025780	Trần Trương Thanh	Thư	10		8.5		9.3	10	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
69	12	DH47EE001	31211021174	Trương Anh	Thy	8.5		10		7.8	7	
70	12	DH47EE001	31211024053	Nguyễn Hồng	Trâm	8.5		8.5		8	7.5	
71	12	DH47EE001	31211025618	Nguyễn Thị Nha	Trang	9		9		7	8	
72	12	DH47EE001	31211023348	Ta Huyền	Trang	7.5		9		7.5	8	
73	12	DH47EE001	31211026432	Cao Thị Minh	Tú	10		9		9	9.8	
74	12	DH47EE001	31211026752	Huỳnh Thị Lam	Tường	9.5		9.5		7.5	7.5	
75	12	DH47IBC02	31211020865	Lê Thụy Vân	Anh	10		10		9	7.8	
76	12	DH47IBC02	31211025015	Lê Ngọc Hải	Dương	8.5		5.5		7.3	6.8	
77	12	DH47IBC02	31211023327	Hồ Nhân Đan	Hà	9		10		5.8	5.8	
78	12	DH47IBC02	31211025948	Nguyễn Thúy	Hiền	8.5		10		7	7.8	
79	12	DH47IBC02	31211023196	Hồ Thủy	Hoàng	9.5		10		8.5	8.8	
80	12	DH47IBC02	31211022487	Trần Thu	Hồng	8		5		8.5	7	
81	12	DH47IBC02	31211025954	Lê Khánh	Huyền	10		9.5		8	7.3	
82	12	DH47IBC02	31211024301	Đỗ Thị Ngọc	Khánh	10		9.5		8.8	9	
83	12	DH47IBC02	31211020924	Trần Ngọc	Khánh	10		9.5		8.3	7.3	
84	12	DH47IBC02	31211023501	Phạm Phương	Lan	9.5		10		6.8	8	
85	12	DH47IBC02	31211020939	Bùi Thị Ái	Linh	6		5		7.8	8.5	
86	12	DH47IBC02	31211020656	Nguyễn Thị Phương	Mai	9		10		9.3	9.3	
87	12	DH47IBC02	31211025977	Bồ Gia Bảo	Ngọc	9.5		9		8	9	
88	12	DH47IBC02	31211023335	Trần Như	Ngọc	9		5.5		7.3	7.5	
89	12	DH47IBC02	31211023022	Hoàng Thị Phúc	Nguyên	10		9.5		8	7	
90	12	DH47IBC02	31211023176	Trần Quỳnh	Nhi	5.5		9.5		8	6	
91	12	DH47IBC02	31211026421	Nguyễn Ngọc Đông	Phương	9		8.5		6	8	
92	12	DH47IBC02	31211023358	Đinh Thị Quý	Thiên	9		9		8.5	7	
93	12	DH47IBC02	31211027078	Phạm Minh	Thiên	7		7		6.5	6.8	
94	12	DH47IBC02	31211021017	Lê Nguyễn Ngọc	Trâm	8.5		9.5		7.8	7.8	
95	12	DH47IBC02	31211025226	Hàng Ngọc Bảo	Trân	7.5		5		7.3	8	
96	12	DH47IBC02	31211020666	Trần Diễm	Trang	10		10		7	8.5	
97	12	DH47IBC02	31211025020	Phan Thanh	Trúc	10		10		8.3	8.8	
98	12	DH47IBC02	31211024198	Nguyễn Thị Tường	Vy	8.5		10		6.3	8.3	
99	12	DH47IBC03	31211025797	Nguyễn Trương Ngọc	Anh	9.5		8		6.8	6	
100	12	DH47IBC03	31211025209	Lê Minh	Châu	9.5		10		8.3	8.3	
101	12	DH47IBC03	31211023297	Nguyễn Ngọc	Diệp	10		10		8.3	9.5	
102	12	DH47IBC03	31211026836	Lê Minh	Hạnh	9		7.5		7.3	6.8	
103	12	DH47IBC03	31211025044	Hoàng Thu	Hương	8.5		9		7.3	9	
104	12	DH47IBC03	31211023302	Vũ Thị Thu	Hương	7		8.5		8.5	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
105	12	DH47IBC03	31211022801	Nguyễn Thị Thùy	Linh	9		9		7.5	8.3	
106	12	DH47IBC03	31211026172	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	9		9		9	6.8	
107	12	DH47IBC03	31211022803	Đỗ Ni	Na	10		10		7.5	8.5	
108	12	DH47IBC03	31211024958	Dương Thị Ngọc	Ngân	9.5		10		9.3	9.5	
109	12	DH47IBC03	31211020953	Hồ Thị Kim	Ngân	8.5		9.5		8	8.3	
110	12	DH47IBC03	31211020961	Bùi Nguyễn Hạnh	Nguyên	9.5		9		8.5	7	
111	12	DH47IBC03	31211024509	Dương Yến	Nhi	9.5		9.5		7.5	8.8	
112	12	DH47IBC03	31211025458	Huỳnh Hồng	Phụng	9		6.5		7.8	8.5	
113	12	DH47IBC03	31211025983	Đoàn Ngọc Như	Quỳnh	8.5		7		9.5	8	
114	12	DH47IBC03	31211022807	Phan Thị Như	Quỳnh	9.5		9		5.5	6.5	
115	12	DH47IBC03	31211027141	Trần Nguyệt Thanh	Tâm	7.5		6.5		7.3	6.5	
116	12	DH47IBC03	31211021002	Lê Nguyễn Mai	Thảo	9		9.5		7	7.5	
117	12	DH47IBC03	31211025460	Phạm Huỳnh Hoài	Thư	7		8.5		9	7.5	
118	12	DH47IBC03	31211024060	Trần Thị Anh	Thư	7		5.5		7.3	7	
119	12	DH47IBC03	31211025990	Nguyễn Hạnh Diệu	Uyên	9.5		10		7	7.8	
120	12	DH47IBC03	31211024340	Trương Thị	Yến	7.5		8.5		7.8	6.8	
1	13	DH47EE003	31211023332	Trịnh Khang	Bảo	9.5		9.5		7.5	8	
2	13	DH47EE003	31211024074	Nguyễn Minh	Châu	8.5		8		7.5	8	
3	13	DH47EE003	31211024075	Trần Văn	Đàn	7.5		6		6.8	7.8	
4	13	DH47EE003	31211023520	Nguyễn Mạnh	Dũng	9		8		6.8	6.8	
5	13	DH47EE003	31211023119	Đinh Minh	Dương	8		5		6.3	8.3	
6	13	DH47EE003	31211025613	Lê Hoàng	Duy	8.5		4	8	7.3	7.3	
7	13	DH47EE003	31211026749	Đặng Thanh	Huy	8.5		9		6.5	9	
8	13	DH47EE003	31211027154	Lê Phi	Long	8.5		9		6.3	6.8	
9	13	DH47EE003	31211026558	Nguyễn Trung	Nguyên	9		9.5		7.8	8.8	
10	13	DH47EE003	31211022658	Nguyễn Thanh	Phong	9.5		9.5		6.8	7.8	
11	13	DH47EE003	31211026560	Dương Ngọc	Sam	9		8		7.5	7.3	
12	13	DH47EE003	31211025579	Nguyễn Thái Thiện	Tân	9.5		10		7.8	8	
13	13	DH47EE003	31211024670	Thạch Việt	Tân	6		9		6.5	7.5	
14	13	DH47EE003	31211025616	Trần Việt	Thành	8.5		7.5		7	8.3	
15	13	DH47EE003	31211025822	Bùi Quốc	Toàn	9		5.5		6.8	6.5	
16	13	DH47EE003	31211024675	Lê Trần	Trung	10		10		8	7	
17	13	DH47EE003	31211027088	Trần Lê Minh	Trung	7.5		6.5		6.8	6.5	
18	13	DH47EE003	31211021178	Nguyễn Ngọc Hoàn	Vũ	10		9.5		7.5	8	
19	13	DH47IN002	31211022525	Trần Tường	An	9		9		7	7.8	
20	13	DH47IN002	31211021589	Lê Huy	Hoàng	9.5		10		8	6.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
21	13	DH47IN002	31211020065	Nguyễn Lâm Chấn	Huy	8.5		9		7.3	6.8	
22	13	DH47IN002	31211021597	Trần Văn	Tâm	9		8		7	7.8	
23	13	DH47IN002	31211026763	Nguyễn Quốc	Thái	9.5		7.5		8.5	8.5	
24	13	DH47IN002	31211026292	Phan Trung	Tín	9.5		9		7	8.3	
25	13	DH47IN002	31211026295	La Quý	Trương	10		8.5		7.3	7	
26	13	DH47LK003	31211027427	Trần Quang Thê	Bảo	7.5		9		7.8	8.5	
27	13	DH47LK003	31211027454	Cao Văn	Hiếu	9.5		10		8.5	8.8	
28	13	DH47LK003	31211027458	Phạm Huy	Hoàng	9		8		7.5	7.8	
29	13	DH47LK003	31211027220	Huỳnh Võ Phước	Huy	10		8.5		7.5	8.3	
30	13	DH47LK003	31211027461	Nguyễn Quốc	Huy	9		9.5		8.3	7.5	
31	13	DH47LK003	31211027474	Hoàng Trần Đức	Long	10		8.5		7.5	7.3	
32	13	DH47LK003	31211024511	Đặng Lê Hồng	Quân	9.5		9.5		7.8	7.5	
33	13	DH47LK003	31211027517	Đào Minh	Quang	8.5		9		5.8	5.5	
34	13	DH47LK003	31211027530	Lương Lâm	Thắng	9		7		7.3	8.3	
35	13	DH47LK003	31211027249	Võ Tấn	Thêm	10		8.5		8.3	8.3	
36	13	DH47LK003	31211027541	Trần Văn	Thương	6		9.5		8	8.3	
37	13	DH47LK003	31211027545	Phan Tấn	Toàn	10		9		9.3	9	
38	13	DH47EE003	31211027103	Tạ Thị Vân	Anh	8		8.5		7.8	7	
39	13	DH47EE003	31211027259	Nguyễn Đào Như	Ánh	7		7		7.8	6.8	
40	13	DH47EE003	31211026428	Võ Trần Hồng	Châu	7		8.5		6.5	6.8	
41	13	DH47EE003	31211027067	Chưóng Chấn	Hà	8		7		8	6.8	
42	13	DH47EE003	31211025235	Nguyễn Đặng Ngọc	Hân	10		10		8.8	8.3	
43	13	DH47EE003	31211022488	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	8.5		vt		8	7	
44	13	DH47EE003	31211025236	Đỗ Nguyễn Thu	Hiền	8.5		8.5		7.3	8.3	
45	13	DH47EE003	31211022489	Phùng Mai	Linh	8		7.5		6.5	7.8	
46	13	DH47EE003	31211025237	Trần Thị	Loan	10		10		7.5	7.3	
47	13	DH47EE003	31211021139	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	8.5		8.5		7	7.5	
48	13	DH47EE003	31211023121	Ngô Thị Ngọc	Mai	10		10		6.8	7.5	
49	13	DH47EE003	31211022824	Trần Thị Thảo	Nguyên	9		7.5		6.5	7	
50	13	DH47EE003	31211024516	Nguyễn Thị Huyền	Nhi	10		10		6.3	8	
51	13	DH47EE003	31211021156	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	9.5		9.5		6.8	6.8	
52	13	DH47EE003	31211021157	Văn Thị Thảo	Nhi	9		8		8.5	7.5	
53	13	DH47EE003	31211021161	Võ Thị Yển	Oanh	10		9		7	7.8	
54	13	DH47EE003	31211027161	Lê Hoàng Bích	Phương	9.5		8		6.5	7.5	
55	13	DH47EE003	31211027237	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	7.5		5.5		7.3	8.8	
56	13	DH47EE003	31211027105	Trần Phương	Quỳnh	8.5		10		7.5	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
57	13	DH47EE003	31201024009	Dương Thị Mỹ	Thanh	8		7.5		7.5	7.5	
58	13	DH47EE003	31211023122	Lâm Ngọc Thanh	Thảo	9		9		7.3	7.5	
59	13	DH47EE003	31211024672	Nguyễn Phương	Thảo	10		10		9.5	8.8	
60	13	DH47EE003	31211021170	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10		9.5		6.3	8.3	
61	13	DH47EE003	31211027087	Lê Thị Minh	Thư	8.5		8.5		6.3	6.3	
62	13	DH47EE003	31211021173	Trần Thị Anh	Thư	7.5		6		6.5	7.8	
63	13	DH47EE003	31211026355	Huỳnh Thị	Thúy	9.5		7.5		6.3	7.5	
64	13	DH47EE003	31211022368	Lê Vũ Thanh	Trúc	8		9		6.3	7.5	
65	13	DH47EE003	31211023124	Lữ Huỳnh Diễm	Vy	9		10		7.5	7.3	
66	13	DH47EE003	31211024519	Thân Hữu Tường	Vy	9		8.5		7	7.5	
67	13	DH47EE003	31211021180	Lê Thị Như	Ý	9		9.5		7.3	7.5	
68	13	DH47EE003	31211021181	Lê Tiểu	Yến	8.5		5.5		6.8	6.3	
69	13	DH47IN002	31211024691	Nguyễn Hoàng	Anh	8.5		7.5		6.8	6	
70	13	DH47IN002	31211021578	Phạm Ngọc Phương	Anh	10		10		8.5	8.8	
71	13	DH47IN002	31211021581	Cao Nguyễn Trúc	Chi	10		7.5		6.3	7.3	
72	13	DH47IN002	31211021582	Lý Thanh	Chi	9.5		8		7.8	8	
73	13	DH47IN002	31211025274	Nguyễn Thùy	Dương	9.5		8		7	7.3	
74	13	DH47IN002	31211021584	Lê Thị Ngọc	Duyên	8		9.5		6.5	6	
75	13	DH47IN002	31211022862	Trương Mỹ	Hạnh	8		8		7.5	6.5	
76	13	DH47IN002	31211021586	Trần Hoàng Như	Hào	7		4.5	5.5	7.5	6	
77	13	DH47IN002	31211025686	Lê Thị	Hoài	8.5		8		7	7.8	
78	13	DH47IN002	31211022526	Hoàng Cao Minh	Lam	9		6.5		6.8	7	
79	13	DH47IN002	31211023040	Nguyễn Huyền	Linh	8.5		6.5		7.5	6.3	
80	13	DH47IN002	31211021592	Trần Mai Ngọc	Linh	6.5		6		6.3	7.5	
81	13	DH47IN002	31211022863	Nguyễn Nhật	Ngân	8.5		5.5		7.3	7.8	
82	13	DH47IN002	31211026041	Phạm Kim	Ngân	10		8.5		8	6.8	
83	13	DH47IN002	31211026222	Nguyễn Thị Yến	Nhi	9		8.5		6.8	7.5	
84	13	DH47IN002	31211021595	Trương Hồ Thảo	Nhi	10		9.5		9	8.3	
85	13	DH47IN002	31211024549	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	9.5		8		7.5	7.3	
86	13	DH47IN002	31211021596	Nguyễn Hồng	Nhung	8.5		6		7.8	8	
87	13	DH47IN002	31211024911	Trần Thị Kim	Oanh	8		8		6.3	7.5	
88	13	DH47IN002	31211020150	Nguyễn Đăng Khánh Trân		8		8		7	7.8	
89	13	DH47IN002	31211021605	Trần Huyền	Trân	9.5		8.5		6.8	7.8	
90	13	DH47IN002	31211020179	Phạm Thị Thanh	Tuyền	9.5		8.5		7.8	7	
91	13	DH47IN002	31211022865	Đặng Tường	Vy	9.5		7.5		7.5	7.8	
92	13	DH47IN002	31211023845	Hà Trần Thiên	Ý	8.5		6		7.3	7.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
93	13	DH47LK003	31211027418	Hồ Ngô Kim	Ái	5		4	9	7	8	
94	13	DH47LK003	31211027421	Hà Phương	Anh	10		10		5	7.3	
95	13	DH47LK003	31211027430	Trương Bảo	Châu	10		9.5		8.3	7.5	
96	13	DH47LK003	31211027431	Ka	Diễm	8.5		5.5		7	8.8	
97	13	DH47LK003	31211027434	Lê Thị Thanh	Duyên	10		8		7.5	7.5	
98	13	DH47LK003	31211027443	Lê Thị Thu	Hà	7.5		9		6.8	8	
99	13	DH47LK003	31211027219	Hoàng Hồng	Khuyên	9		8		7.8	6.8	
100	13	DH47LK003	31211027117	Trịnh Hoàng	Mai	10		8.5		8.3	8	
101	13	DH47LK003	31211027484	Nguyễn Thị Trà	My	8.5		8.5		6.8	8	
102	13	DH47LK003	31211027488	Phạm Thị Thanh	Nga	9		5		7	6.3	
103	13	DH47LK003	31211027490	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	9.5		8.5		6	6.8	
104	13	DH47LK003	31211023851	Phan Thu	Ngân	9.5		9		9	9.3	
105	13	DH47LK003	31211027492	Nguyễn Thị Bích	Nghi	9.5		9.5		7.5	6.8	
106	13	DH47LK003	31211027251	Nguyễn Võ Thảo	Nguyên	8		6		6.5	6.5	
107	13	DH47LK003	31211027499	Huỳnh Thị Kim	Nhi	7.5		7.5		7.3	6	
108	13	DH47LK003	31211027502	Phan Nguyễn Hà	Nhi	10		8		9	8.3	
109	13	DH47LK003	31211027294	Huỳnh	Như	9		8.5		7	7.8	
110	13	DH47LK003	31211027508	Ngô Thị Quỳnh	Như	7.5		4	9	8.5	8.5	
111	13	DH47LK003	31211025201	Châu Thị Bình	Như	10		10		7.8	5.8	
112	13	DH47LK003	31211027520	Nguyễn Lê Phương	Quỳnh	9.5		9.5		7	8	
113	13	DH47LK003	31211025120	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	9		7		6	7.5	
114	13	DH47LK003	31211027532	Nguyễn Huỳnh Minh Thi		6.5		6.5		7.5	8	
115	13	DH47LK003	31211027534	Nguyễn Minh	Thơ	8		9.5		8	7.5	
116	13	DH47LK003	31211027540	Vì Nguyễn Minh	Thư	10		8.5		8	7	
117	13	DH47LK003	31211023341	Nguyễn Thị Diệu	Thương	8		9.5		6.5	7	
118	13	DH47LK003	31211027544	Nguyễn Thị Trúc	Tiên	8		9.5		7	7.5	
119	13	DH47LK003	31211027547	Cao Ngọc Thúy	Trâm	10		9.5		7.8	9.3	
120	13	DH47LK003	31211025125	Lê Thị Bích	Trân	9		8		8.5	7	
121	13	DH47LK003	31211027551	Võ Thị Tú	Trình	9		9.5		7.5	8	
122	13	DH47LK003	31211027554	Huỳnh Thanh	Tuyền	7		8.5		7.5	6.8	
123	13	DH47LK003	31211024623	Nguyễn Thị Thùy	Vân	9		8		7.8	7.5	
124	13	DH47LK003	31211027562	Phan Mộng	Vy	8.5		9		7.5	8.3	
125	13	DH47LK003	31211023379	Trương Thị Lê	Xuân	7.5		9.5		6.5	8.3	
126	13	DH47LK003	31211027567	Phạm Thùy Như	Ý	9.5		10		8	7.5	
1	14	DH47AUC02	31211025317	Bùi Đức	Huy	7.5		4.5	9	6	9.5	
2	14	DH47AUC02	31211025026	Nguyễn Quốc	Khánh	9		10		7.8	9.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
3	14	DH47AUC02	31211023243	Nguyễn Đăng Nhật	Minh	10		10		8.3	9.8	
4	14	DH47AUC02	31211024708	Nguyễn Văn Quang	Phú	10		9		7.5	8.3	
5	14	DH47AUC02	31211024916	Đinh Nhật	Quang	9		6		6.8	7.3	
6	14	DH47AUC02	31211022149	Dương Công	Quyết	8.5		9		7.5	8.3	
7	14	DH47AUC02	31211022158	Nguyễn Trung Đức	Thắng	8.5		9.5		7.3	9	
8	14	DH47AUC02	31211022161	Nguyễn Phước	Thiện	8.5		9		6.8	9.3	
9	14	DH47AUC02	31211022182	Nguyễn Huy	Vinh	9		9		7.8	7.5	
10	14	DH47AUC02	31211022666	Phạm Tô Minh	Vỹ	7.5		6		6.5	8	
11	14	DH47FNC10	31211026761	Thạch	Chanh	8		6.5		6.8	9	
12	14	DH47FNC10	31211021222	Nguyễn Duy	Cơ	9		9.5		7.8	7	
13	14	DH47FNC10	31211026206	Nguyễn Tiến	Đạt	9.5		9		8.3	8	
14	14	DH47FNC10	31211022602	Lê	Hoàng	10		9		7.5	7.5	
15	14	DH47FNC10	31211026822	Lê Gia Quốc	Hưng	9.5		9		5.5	7.3	
16	14	DH47FNC10	31211020249	Đặng Đăng	Khoa	9.5		9		7	7.3	
17	14	DH47FNC10	31211026798	Trương Tấn	Lộc	9		8.5		6.3	8	
18	14	DH47FNC10	31211021378	Lê Hiếu	Nhân	7.5		8.5		7	6	
19	14	DH47FNC10	31211022687	Phạm Lê Quý	Phương	9		10		8.3	9	
20	14	DH47FNC10	31211024159	Nguyễn Minh	Sơn	8		8.5		7.5	8.3	
21	14	DH47FNC10	31211026649	Trần Tiến	Thành	10		8.5		7.3	8.5	
22	14	DH47IVC03	31211025357	Trần Thái	Châu	9		9.5		7.5	7.5	
23	14	DH47IVC03	31211020234	Tô Tuấn	Đức	9		6.5		6.3	7.5	
24	14	DH47IVC03	31211021130	Huỳnh Trí	Hào	8.5		8		7.8	8.8	
25	14	DH47IVC03	31211021593	Nguyễn Huy	Hoàng	6.5		9.5		6.3	7.8	
26	14	DH47IVC03	31211025882	Trần Xuân	Hoàng	8		10		6.5	7.3	
27	14	DH47IVC03	31211025162	Lê Tùng	Khang	10		9		8.3	8	
28	14	DH47IVC03	31211025371	Nguyễn Tiến	Mạnh	9		8		7.5	6.5	
29	14	DH47IVC03	31211027123	Võ Huỳnh Bảo	Nguyên	10		8		8.3	8.8	
30	14	DH47IVC03	31211021054	Đào Quang	Nhật	8		8		6.3	6.3	
31	14	DH47IVC03	31211020288	Võ Hồ Kiến	Quốc	8.5		8.5		5.5	6.8	
32	14	DH47IVC03	31211021951	Nguyễn Đức	Quý	9		9.5		8	8.8	
33	14	DH47IVC03	31211025781	Trần Nguyễn Trường	Sơn	9.5		8.5		6.3	8.5	
34	14	DH47IVC03	31211020293	Trương Minh	Thành	9		8.5		7.3	7.8	
35	14	DH47IVC03	31211026789	Trần Anh	Tuấn	9.5		8		7	6.8	
36	14	DH47IVC03	31211020313	Lữ Hoàng	Vĩnh	8.5		8		7	7	
37	14	DH47AUC02	31211022078	Bùi Ngọc	Anh	10		10		8.5	9.5	
38	14	DH47AUC02	31211026248	Nguyễn Cửu Phúc	Anh	9.5		9		7.5	8.3	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
39	14	DH47AUC02	31211023240	Nguyễn Huỳnh Phươ	Anh	8.5		8		7.5	8	
40	14	DH47AUC02	31211022080	Nguyễn Vân	Anh	9.5		10		7	7.8	
41	14	DH47AUC02	31211024128	Trần Huyền	Anh	8		7		6.5	7.8	
42	14	DH47AUC02	31211020538	Ngô Huỳnh Khánh	Đoan	10		8		10	9.8	
43	14	DH47AUC02	31211021079	Trần Thị Ngọc	Duyên	8		9		7.5	7	
44	14	DH47AUC02	31211024580	Nguyễn Vũ Nhật	Hạ	7		8		6.3	6.8	
45	14	DH47AUC02	31211026072	Lê Hồng	Hân	9.5		6.5		7.3	7.8	
46	14	DH47AUC02	31211022916	Ngô Nhung	Huyền	10		10		10	10	
47	14	DH47AUC02	31211022122	Trần Thị Quỳnh	Mai	9		9		7.5	8	
48	14	DH47AUC02	31211022124	Nguyễn Đỗ Thảo	My	9		10		8	8	
49	14	DH47AUC02	31211022127	Lê Thảo	Na	10		8.5		8.8	8	
50	14	DH47AUC02	31211022552	Dương Kim	Ngân	10		10		9.5	10	
51	14	DH47AUC02	31211026252	Trương Ngọc Thanh	Ngân	9		5.5		7.8	5.8	
52	14	DH47AUC02	31211022553	Lê Ánh	Ngọc	9		9.5		7.3	6.8	
53	14	DH47AUC02	31211022139	Lê Thị Quỳnh	Như	KH		KH		kh	kh	
54	14	DH47AUC02	31211022140	Trần Thị Huỳnh	Như	7		9.5		7.3	6.3	
55	14	DH47AUC02	31211023057	Đào Tuyết	Nhung	9.5		9.5		7.3	9	
56	14	DH47AUC02	31211026253	Lê Nguyên Thục	Oanh	KH		KH		kh	kh	
57	14	DH47AUC02	31211024874	Hoàng Tú	Quỳnh	8		4	7.5	6.8	7.3	
58	14	DH47AUC02	31211022160	Đỗ Anh	Thi	10		9.5		7.8	7.5	
59	14	DH47AUC02	31211025814	Hà Khánh	Thư	9		9.5		8.3	8.5	
60	14	DH47AUC02	31211025513	Nguyễn Phạm Yên	Thy	9		9.5		7.5	8.8	
61	14	DH47AUC02	31211022170	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	9.5		9.5		7.5	8.3	
62	14	DH47AUC02	31211027257	Lê Nguyễn Ngọc	Trâm	KH		KH		kh	kh	
63	14	DH47AUC02	31211026614	Lê Thảo Lan	Trinh	9.5		8.5		7.8	7.5	
64	14	DH47AUC02	31211020517	Hoàng Anh	Trúc	7.5		9		kh	kh	
65	14	DH47AUC02	31211022183	Nguyễn Ngọc Đăng	Vy	9		9		7.8	7	
66	14	DH47AUC02	31211023820	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	10		10		7.5	9.8	
67	14	DH47FNC10	31211023092	Hoàng Thị Thủy	An	9.5		8.5		8.3	7.5	
68	14	DH47FNC10	31211024429	Nguyễn Thị Mỹ	An	9		9.5		6.5	7.5	
69	14	DH47FNC10	31211023368	Nguyễn Thị Minh	Anh	9.5		9.5		7	7.8	
70	14	DH47FNC10	31211021199	Trần Thị Trâm	Anh	9		9.5		7	7.3	
71	14	DH47FNC10	31211025621	Thái Bích	Châu	8		10		6.8	7	
72	14	DH47FNC10	31211021389	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi		9.5		9		7.5	6.8	
73	14	DH47FNC10	31211025435	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	9.5		9		7.5	8	
74	14	DH47FNC10	31211024772	Lê Phương	Duyên	8.5		9		7.3	6.8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
75	14	DH47FNC10	31211021301	Nguyễn Lê Như	Hà	9		9.5		7	7.8	
76	14	DH47FNC10	31211025627	Lục Lê Xuân	Hồng	7.5		6		7	8.5	
77	14	DH47FNC10	31211025366	Nguyễn Chế Ngọc	Huệ	3.5	7.5	6		6.8	7	
78	14	DH47FNC10	31211021158	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	10		9.5		8	8	
79	14	DH47FNC10	31211024974	Lê Nguyễn Khánh	Linh	10		8		7.5	8.5	
80	14	DH47FNC10	31211020712	Bùi Trần Hà	Mi	9.5		9.5		8	7.3	
81	14	DH47FNC10	31211026273	Châu Xuân Nguyệt	Minh	10		10		7	8.8	
82	14	DH47FNC10	31211026867	Trần Thị Trà	My	10		7.5		8	7.3	
83	14	DH47FNC10	31211021353	Nguyễn Thị Bích	Ngân	6.5		5.5		5.5	7.5	
84	14	DH47FNC10	31211024446	Phạm Thị Kim	Ngân	9.5		9.5		6.8	7.8	
85	14	DH47FNC10	31211026743	Trần Ngọc Bảo	Ngân	9		10		8	9.5	
86	14	DH47FNC10	31211023915	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	10		10		9	8	
87	14	DH47FNC10	31211021594	Huỳnh Thị Minh	Nguyệt	9		9.5		6.8	8.5	
88	14	DH47FNC10	31211023899	Võ Thu	Phương	9.5		9.5		8.8	7.5	
89	14	DH47FNC10	31211023385	Đào Thị	Phượng	10		9.5		8	8	
90	14	DH47FNC10	31211024043	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	9.5		9.5		6.8	7.3	
91	14	DH47FNC10	31211026769	Mã Thanh	Thảo	7		9		6.5	6.5	
92	14	DH47FNC10	31211021104	Nguyễn Huỳnh Thùy	Tiên	8		10		8	7.5	
93	14	DH47FNC10	31211025634	Phạm Minh	Trân	9		9		7.5	6.5	
94	14	DH47FNC10	31211026113	Võ Thụy Ngọc	Trân	9		8.5		7	6.8	
95	14	DH47FNC10	31211021498	Hoàng Thị	Trang	8.5		10		7.3	7.8	
96	14	DH47FNC10	31211023613	Lê Nguyễn Kiều	Trang	9.5		10		7.5	6.8	
97	14	DH47FNC10	31211020930	Nguyễn Ngọc Lan	Trinh	7		10		8.3	7.5	
98	14	DH47FNC10	31211025446	Phạm Nguyễn Thanh	Trúc	9		7		6.8	8.5	
99	14	DH47FNC10	31211025268	Nguyễn Quý Hạ	Vy	5.5		7		7.5	8.5	
100	14	DH47FNC10	31211025993	Trần Ngọc Khánh	Vy	8.5		9.5		8	8.5	
101	14	DH47IVC03	31211023021	Phạm Nguyễn Hồng	Anh	8		5.5		6.5	8	
102	14	DH47IVC03	31211025110	Vũ Quỳnh	Anh	9.5		10		7.8	6.8	
103	14	DH47IVC03	31211024612	Lê Phương	Dung	8.5		7		7	5.8	
104	14	DH47IVC03	31211024837	Phạm Thu	Giang	9.5		7		6.8	6.3	
105	14	DH47IVC03	31211020239	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	9.5		6		7.5	6.3	
106	14	DH47IVC03	31211024750	Hồ Như	Hảo	5.5		8.5		6.3	7	
107	14	DH47IVC03	31211026281	Phan Thị Nhi	Hiếu	8		7.5		7.3	6	
108	14	DH47IVC03	31211025966	Đào Ân Minh	Hương	9.5		8.5		7.3	7.3	
109	14	DH47IVC03	31211026927	Nguyễn Trần Phương	Linh	9.5		8.5		8.3	7	
110	14	DH47IVC03	31211021124	Phùng Thùy	Linh	9		10		8.5	8.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
111	14	DH47IVC03	31211026284	Lê Vũ Thùy	My	9.5		9.5		7.3	8.8	
112	14	DH47IVC03	31211022832	Nguyễn Thảo	Ngân	8		9		7.5	6.5	
113	14	DH47IVC03	31211025514	Lâm Nguyễn	Nhi	10		9.5		7.5	6.3	
114	14	DH47IVC03	31211023688	Nguyễn Huỳnh	Như	8.5		9.5		8	7.8	
115	14	DH47IVC03	31211024620	Nguyễn Bảo Nhã	Phương	8		4	7	7.5	6.5	
116	14	DH47IVC03	31211026393	Ngũ Như	Quỳnh	8.5		9		6	7.3	
117	14	DH47IVC03	31211027525	Nguyễn Mai	Sang	9.5		9.5		7	6.5	
118	14	DH47IVC03	31211022628	Ngô Thị	Thanh	KH		KH		kh	kh	
119	14	DH47IVC03	31211022646	Nguyễn Thị	Thảo	8		5		6.8	9.8	
120	14	DH47IVC03	31211025008	Nguyễn Hoàng Phúc	Thiện	7.5		9.5		8	8	
121	14	DH47IVC03	31211026391	Trần Thanh	Trúc	8.5		9		7	7.8	
122	14	DH47IVC03	31211025881	Trịnh Bích	Tuyền	9		7		7.5	8	
123	14	DH47IVC03	31211026293	Lưu Thị Hồng	Vân	9.5		10		7.5	8.8	
124	14	DH47IVC03	31211026115	Nguyễn Trần Hoàng	Yến	9		8.5		8.5	9.3	
1	15	DH47AUC01	31211024579	Đỗ Quốc	Anh	9		9		6	6.5	
2	15	DH47AUC01	31211020668	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	8		8		6.5	7.5	
3	15	DH47AUC01	31211021151	Nguyễn Tài	Hiếu	10		10		7	9.5	
4	15	DH47AUC01	31211026463	Đỗ Huy	Hoàng	10		8.5		7	7	
5	15	DH47AUC01	31211026250	Trần Đức	Hoàng	8.5		8		5	6	
6	15	DH47AUC01	31211020086	Nguyễn Quý Nguyên	Khang	8		8.5		6.5	8.5	
7	15	DH47AUC01	31211024317	Đỗ Huỳnh Đăng	Khoa	9.5		9		8	6.5	
8	15	DH47AUC01	31211023447	Nguyễn Viết	Kỳ	10		10		7.5	8	
9	15	DH47AUC01	31211021075	Nguyễn Khắc	Minh	7.5		7.5		5.5	5	
10	15	DH47AUC01	31211022134	Nguyễn Kim Hoàng	Nguyên	9		9		7	7	
11	15	DH47AUC01	31211020088	Trần Đại	Phúc	9.5		8.5		7	7	
12	15	DH47AUC01	31211024414	Lê Nguyễn Minh	Quân	8.5		9		7.5	6.5	
13	15	DH47AUC01	31211024812	Nguyễn Minh	Quang	10		10		7	6.5	
14	15	DH47AUC01	31211022168	Nguyễn Minh	Toàn	7		8.5		6	7	
15	15	DH47BV002	31211027949	Lê Minh	Đạt	10		10		9	9	
16	15	DH47BV002	31211027950	Nguyễn Trần Hoàng	Đạt	7		8.5		6	6.5	
17	15	DH47BV002	31211027946	Nguyễn Phạm Nhật	Duy	9.5		9.5		7	8	
18	15	DH47BV002	31211027955	Nguyễn Hữu	Hưng	8.5		7.5		7.5	7	
19	15	DH47BV002	31211027987	Nguyễn Hoàng	Phương	7.5		7		7.5	8	
20	15	DH47BV002	31211027995	Nguyễn Đức	Tài	5		6		6	7.5	
21	15	DH47BV002	31211028010	Trần Nhật	Tiến	6		9.5		6.5	6	
22	15	DH47BV002	31211028014	Lê Thế	Trung	KH		KH		kh	kh	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
23	15	DH47BV002	31211028015	Trần Mạnh	Trung	9		10		8	8.5	
24	15	DH47BV002	31211028017	Võ Thanh	Vinh	8		8.5		6	6.5	
25	15	DH47IBC05	31211022430	Phạm Phú	Bình	9		10		6.5	8	
26	15	DH47IBC05	31211020885	Nguyễn Kế	Chinh	8.5		9.5		8	7	
27	15	DH47IBC05	31211023112	Phạm Đỗ	Đạt	7		10		8	8.5	
28	15	DH47IBC05	31211022464	Lê Quang Khánh	Duy	8.5		10		9	6.5	
29	15	DH47IBC05	31211025583	Lưu Hữu	Hoàng	8		8.5		6	6.5	
30	15	DH47IBC05	31211025214	Thân Nhật	Kha	9.5		9		7	5.5	
31	15	DH47IBC05	31211020921	Trần Tuấn	Khanh	9		9		7.5	7.5	
32	15	DH47IBC05	31211020928	Nguyễn Tuấn	Kiệt	8.5		9		6	6.5	
33	15	DH47IBC05	31211020032	Lê Duy Hoàng	Nam	9.5		8.5		6.5	7.5	
34	15	DH47IBC05	31211026664	Nguyễn Hoàng	Son	7.5		9		8	7	
35	15	DH47IBC05	31211025052	Nguyễn Trần Minh	Thắng	10		9.5		6.5	7.5	
36	15	DH47IBC05	31211025601	Phùng Hữu	Thiện	9		9		7	7.5	
37	15	DH47IBC05	31211025223	Phạm Tấn	Toàn	2.5	9	8.5		6.5	7.5	
38	15	DH47IBC05	31211022478	Tạ Quốc Thiên	Trung	7		7.5		5.5	7.5	
39	15	DH47IBC05	31211025462	Nguyễn Đức	Tường	9		9.5		7	6.5	
40	15	DH47AUC01	31211021237	Nguyễn Thị Ngọc	An	7		9.5		6	7	
41	15	DH47AUC01	31211020356	Nguyễn Minh	Anh	10		9.5		kh	kh	
42	15	DH47AUC01	31211020456	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	9.5		10		6.5	7.5	
43	15	DH47AUC01	31211020915	Trần Ngọc Minh	Ánh	10		10		9	8.5	
44	15	DH47AUC01	31211022085	Nguyễn Phạm Băng	Băng	9.5		9.5		7.5	8	
45	15	DH47AUC01	31211026070	Hoàng Ngọc Thanh	Bình	9.5		9.5		7	8	
46	15	DH47AUC01	31211020016	Nguyễn Diệp	Bình	9.5		9.5		7.5	5	
47	15	DH47AUC01	31211020083	Nguyễn Thị Thu	Bình	10		8.5		9	7	
48	15	DH47AUC01	31211026197	Nguyễn Phạm Trúc	Đào	9.5		9.5		7	6.5	
49	15	DH47AUC01	31211022094	Võ Thị Nguyên	Đoan	9.5		9		7.5	7.5	
50	15	DH47AUC01	31211020227	Phan Lê Thùy	Dương	7.5		7.5		8	7	
51	15	DH47AUC01	31211025035	Lâm Mỹ	Linh	9.5		9.5		5.5	7	
52	15	DH47AUC01	31211025503	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	6.5		10		9	10	
53	15	DH47AUC01	31211022118	Trần Hoàng	Mai	7.5		6.5		8.5	7.5	
54	15	DH47AUC01	31211023831	Hoàng Thanh	Nhi	10		9.5		7.5	7	
55	15	DH47AUC01	31211025210	Liêu Bảo	Nhi	10		10		8	6.5	
56	15	DH47AUC01	31211024412	Vũ Thảo	Như	8		7.5		7	5.5	
57	15	DH47AUC01	31211020334	Bùi Minh	Tâm	9		8.5		9.5	9.5	
58	15	DH47AUC01	31211020971	Quách Kim	Thanh	9		9		7	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
59	15	DH47AUC01	31211026117	Nguyễn Phạm Thu	Thảo	9.5		9.5		6	7	
60	15	DH47AUC01	31211022401	Trần Trịnh Thanh	Trúc	9.5		9		6.5	7	
61	15	DH47AUC01	31211025012	Nguyễn Khánh	Uyên	9.5		7.5		7	7	
62	15	DH47AUC01	31211023819	Hồng Thanh	Vân	7.5		9.5		6	7	
63	15	DH47AUC01	31211026999	Lê Nguyễn Khả	Vy	10		10		5.5	7	
64	15	DH47AUC01	31211021479	Nguyễn Tường	Vy	10		9.5		8.5	8	
65	15	DH47BV002	31211027961	Trần Nguyễn Phương	Linh	9		9.5		7	6	
66	15	DH47BV002	31211027963	Lê Thị Thanh	Mai	8.5		9		6.5	7	
67	15	DH47BV002	31211027124	Bùi Phạm Trà	My	7.5		8		6	7	
68	15	DH47BV002	31211027967	Ngô Kiều Hương	My	9		6		6	7	
69	15	DH47BV002	31211027971	Ngô Mỹ	Ngọc	9		9		7	6.5	
70	15	DH47BV002	31211027972	Nguyễn Bảo	Ngọc	8.5		10		7	6	
71	15	DH47BV002	31211027976	Trương Ánh	Ngọc	10		9.5		6	6.5	
72	15	DH47BV002	31211027978	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	8.5		5.5		6.5	5.5	
73	15	DH47BV002	31211020409	Lê Thị Ngọc	Nhi	9.5		7.5		7	6.5	
74	15	DH47BV002	31211027981	Ngô Sa Thiên	Nhi	9.5		9.5		6	6	
75	15	DH47BV002	31211027982	Phạm Tuyết	Nhi	9		9.5		7.5	7	
76	15	DH47BV002	31211027983	Đinh Hoàng Vũ	Nhiên	9		6.5		7	6.5	
77	15	DH47BV002	31211026820	Lê Quỳnh	Như	9		8.5		6.5	6.5	
78	15	DH47BV002	31211027989	Nguyễn Thị Nhã	Phương	7.5		7		6.5	6.5	
79	15	DH47BV002	31211027996	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	8		9.5		7.5	6.5	
80	15	DH47BV002	31211027998	Trần Thị Thanh	Tâm	8.5		7		6	6.5	
81	15	DH47BV002	31211028003	Phạm Nguyễn Thị	Thoáng	6.5		8.5		5	5.5	
82	15	DH47BV002	31211028004	Lê Huỳnh Hương	Thủy	9		8		7.5	6.5	
83	15	DH47BV002	31211028005	Phạm Thị Phương	Thủy	8.5		9		6.5	6.5	
84	15	DH47BV002	31211028008	Lê Thị Cẩm	Tiên	7.5		9		6	6.5	
85	15	DH47BV002	31211028012	Trương Hoàng	Trân	9		9		7	7	
86	15	DH47BV002	31211027211	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	9		10		6.5	6.5	
87	15	DH47BV002	31211028013	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	8.5		8		7.5	6.5	
88	15	DH47BV002	31211028018	Hoàng Khánh	Vy	6.5		9		6.5	7.5	
89	15	DH47BV002	31211028021	Trần Ánh	Vy	8.5		8		8.5	8.5	
90	15	DH47BV002	31211028023	Hà Thị Như	Ý	7.5		8		6.5	8.5	
91	15	DH47IBC05	31211026299	Võ Lê Vân	Anh	9.5		9.5		5	7.5	
92	15	DH47IBC05	31211020882	Trần Lê Minh	Châu	8.5		8.5		5	6	
93	15	DH47IBC05	31211020904	Phạm Thị Thúy	Hằng	8.5		9		7	7	
94	15	DH47IBC05	31211020908	Phạm Khánh	Hiền	7.5		8.5		6	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
95	15	DH47IBC05	31211023499	Phạm Thị Thanh	Hiệp	6.5		8		8.5	7	
96	15	DH47IBC05	31211020923	Trần Minh	Khánh	8		6		6	6.5	
97	15	DH47IBC05	31211024491	Nguyễn Hà Hoàng	Kim	8.5		9.5		7.5	8.5	
98	15	DH47IBC05	31211026660	Phùng Nhật	Lam	6		8		6.5	7	
99	15	DH47IBC05	31211021077	Trần Bình Phương	Linh	7.5		8.5		6.5	8	
100	15	DH47IBC05	31211026839	Võ Khánh	Linh	10		10		6.5	6	
101	15	DH47IBC05	31211023308	Võ Lê Kiều	My	9		9.5		5.5	8.5	
102	15	DH47IBC05	31211023504	Nguyễn Phương	Nghi	10		10		7.5	8	
103	15	DH47IBC05	31211023108	Cáp Chung Bảo	Ngọc	8.5		10		7.5	7.5	
104	15	DH47IBC05	31211026174	Vương Thị Thảo	Nguyễn	6		9		5.5	7	
105	15	DH47IBC05	31211020968	Nguyễn Đỗ Thanh	Nhàn	10		10		7	8	
106	15	DH47IBC05	31211024333	Lê Thị Yến	Nhi	9		9		6.5	7	
107	15	DH47IBC05	31211020596	Phan Lê Uyên	Nhi	10		9.5		6.5	7	
108	15	DH47IBC05	31211024659	Trần Huỳnh Mẫn	Nhi	9		9.5		7	6	
109	15	DH47IBC05	31211023883	Nguyễn Võ Hoàng	Phi	7		8.5		7.5	8.5	
110	15	DH47IBC05	31211020039	Nguyễn Lê Khánh	Quỳnh	7		9.5		6	7.5	
111	15	DH47IBC05	31211024195	Vương Ngọc Như	Quỳnh	9		10		8	7.5	
112	15	DH47IBC05	31211024643	Nguyễn Thị	Sen	9		9		8	6	
113	15	DH47IBC05	31211026848	Nguyễn Đoàn Kim	Thanh	9.5		9.5		7	5.5	
114	15	DH47IBC05	31211023884	Phạm Thị Xuân	Thảo	7.5		9		7	7	
115	15	DH47IBC05	31211024163	Phạm Ngọc Bảo	Trân	9		9		6	8	
116	15	DH47IBC05	31211026179	Bùi Thị Doan	Trang	8		9		6	7.5	
117	15	DH47IBC05	31211021011	Bùi Thị Huyền	Trang	8		8.5		6.5	8	
118	15	DH47IBC05	31211025463	Trần Tú	Uyên	9.5		9.5		8.5	7	
119	15	DH47IBC05	31211020041	Lê Thị Hà	Vi	8.5		9		8	8.5	
120	15	DH47IBC05	31211022691	Lâm Khánh	Vy	9		9		7	7	
121	15	DH47IBC05	31211022692	Nguyễn Khánh	Vy	9.5		9.5		6.5	6.5	
122	15	DH47IBC05	31211022693	Phan Thị Tường	Vy	10		9		6	8.5	
123	15	DH47IBC05	31211025228	Nguyễn Hoàng Hải	Yến	10		9		7	6.5	
1	16	DH47FTC01	31211021622	Bùi Đức	Đạt	8		7		7	6.5	
2	16	DH47FTC01	31211023206	Nguyễn Ích Minh	Đức	10		9		6	7	
3	16	DH47FTC01	31211025965	Phạm Nguyễn Trung	Hiếu	9		9		5.5	6	
4	16	DH47FTC01	31211024769	Lê Trần Nguyên	Khuong	8.5		5.5		7	8.5	
5	16	DH47FTC01	31211025968	Nguyễn Hoàng	Phúc	10		9.5		8	7	
6	16	DH47FTC01	31211024667	Dương Chí	Việt	8.5		8.5		5	6	
7	16	DH47IVC01	31211025358	Nguyễn Thế	Dũng	10		9.5		7	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
8	16	DH47IVC01	31211025109	Kiều Trần Quang	Huy	9.5		7		6	7	
9	16	DH47IVC01	31211021120	Lê Nhựt	Huy	9.5		8		9	9	
10	16	DH47IVC01	31211024326	Lê Trần Hữu	Khoa	10		8.5		6.5	6.5	
11	16	DH47LQ001	31211027364	Hồ Đắc An	Bình	8		8		7.5	7	
12	16	DH47LQ001	31211027366	Mạc Nguyễn Quốc	Cường	7		7		6	6.5	
13	16	DH47LQ001	31211027368	Trương Quang	Duy	7.5		4.5	9.5	7	7	
14	16	DH47LQ001	31211027377	Trần Thanh	Huy	9.5		10		6.5	7	
15	16	DH47LQ001	31211027386	Nguyễn Lê Thành	Long	9.5		8		7	7.5	
16	16	DH47LQ001	31211027387	Trần Nguyễn Minh	Long	9		9		6.5	8	
17	16	DH47LQ001	31211027393	Lê Văn Trọng	Nghĩa	7.5		9		7.5	6.5	
18	16	DH47LQ001	31211027398	Mạch Quang	Phú	9		8		5	8.5	
19	16	DH47LQ001	31211027409	Nguyễn Trí	Trọng	8		8.5		6.5	8	
20	16	DH47LQ001	31211027411	Nguyễn Duy Nhật	Trưởng	7.5		7		7.5	6.5	
21	16	DH47LQ001	31211027147	Nguyễn Trọng	Tuấn	9		8		8.5	5.5	
22	16	DH47LQ001	31211027412	Phan Anh	Tuấn	5.5		5		8.5	6	
23	16	DH47LQ001	31211027415	Dương Quốc	Việt	10		8.5		5.5	5.5	
24	16	DH47LQ001	31211020117	Phạm Hoàng	Việt	8.5		6.5		7	6.5	
25	16	DH47MR002	31211024463	Võ Hữu	Đạt	8		9.5		6	7.5	
26	16	DH47MR002	31211022657	Diệp Tử	Gia	10		10		6	6.5	
27	16	DH47MR002	31211020732	Lâm Khánh	Giai	5.5		8		6.5	6.5	
28	16	DH47MR002	31211020741	Bùi Trọng	Huy	10		10		7.5	7.5	
29	16	DH47MR002	31211025945	Hà Quốc	Huy	8.5		9		6.5	6.5	
30	16	DH47MR002	31211020748	Vương Vĩnh	Khải	8.5		9.5		7.5	8.5	
31	16	DH47MR002	31211025479	Phạm Minh Kiến	Phú	7.5		8.5		5.5	6	
32	16	DH47MR002	31211025198	Nguyễn Hữu	Thắng	8		10		5	7	
33	16	DH47MR002	31211025447	Võ Phước	Thiện	7		8		5.5	6	
34	16	DH47MR002	31211020775	Trần Anh	Tiến	6.5		9		6	8.5	
35	16	DH47MR002	31211025953	Lê Kiến	Văn	9		9		6	7	
36	16	DH47MR002	31211020789	Nguyễn Anh	Vũ	7.5		6.5		5.5	7.5	
37	16	DH47FTC01	31211025796	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	7.5		7.5		6	7	
38	16	DH47FTC01	31211020880	Thái Minh	Châu	6		6		7	8	
39	16	DH47FTC01	31211021563	Nguyễn Khánh	Đan	9.5		9		7	7	
40	16	DH47FTC01	31211023373	Phan Thị Minh	Dung	10		9.5		7	6	
41	16	DH47FTC01	31211020894	Trương Đặng Hồng	Dương	8		9		7	5.5	
42	16	DH47FTC01	31211023731	Lê Thy	Hân	9.5		9		8	8	
43	16	DH47FTC01	31211020200	Nguyễn Bá Thiên	Kim	9		9.5		7	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
44	16	DH47FTC01	31211025938	Bùi Trúc Hải	My	10		10		8.5	7.5	
45	16	DH47FTC01	31211026732	Tiêu Thị Diễm	Thi	9		9		6.5	6.5	
46	16	DH47FTC01	31211026897	Trần Bảo	Trân	6.5		8		7	8	
47	16	DH47LQ001	31211027359	Vương Nguyễn Thùy An		9.5		8.5		7	7.5	
48	16	DH47LQ001	31211027360	Huỳnh Chiêu	Anh	8.5		6.5		7	6.5	
49	16	DH47LQ001	31211027362	Trần Thanh Thục	Anh	8.5		7.5		6.5	8	
50	16	DH47LQ001	31211027363	Trương Quỳnh	Anh	10		9		7.5	8	
51	16	DH47LQ001	31211020390	Nguyễn Quỳnh	Châu	10		9.5		8	7	
52	16	DH47LQ001	31211027370	Đới Thị Ngọc	Điệp	9.5		9		7.5	5	
53	16	DH47LQ001	31211027371	Võ Lê Tuyết	Đoan	9.5		9.5		6	6.5	
54	16	DH47LQ001	31211027369	Võ Lê Thùy	Duyên	9		10		6.5	5	
55	16	DH47LQ001	31211027373	Lê Trúc	Hà	7.5		7		6	7	
56	16	DH47LQ001	31211027374	Nguyễn Thị Mai	Hân	9		8.5		6.5	7	
57	16	DH47LQ001	31211027375	Bùi Thuý	Hiền	8		9.5		8.5	7.5	
58	16	DH47LQ001	31211027376	Phan Thúy	Hòa	9.5		10		8	8	
59	16	DH47LQ001	31211027379	Huỳnh Cẩm	Hương	8		9.5		7.5	6	
60	16	DH47LQ001	31211027380	Vũ Thị Thanh	Hương	6		3	9	7.5	6.5	
61	16	DH47LQ001	31211027378	Lê Trần Thanh	Huyền	9.5		8.5		6.5	7	
62	16	DH47LQ001	31211027382	Trịnh Lê Nhã	Khiêm	8		9		7.5	6.5	
63	16	DH47LQ001	31211027383	Lê Thị Thanh	Lam	9		9.5		6.5	7.5	
64	16	DH47LQ001	31211027385	Lê Phương	Linh	7.5		4.5	8	5	7	
65	16	DH47LQ001	31211027389	Trịnh Thu	Lộc	10		10		8	6	
66	16	DH47LQ001	31211027391	Châu Ngọc Hải	My	6.5		5.5		7.5	7.5	
67	16	DH47LQ001	31211027392	Hà Kim	Ngân	8.5		9		7.5	8	
68	16	DH47LQ001	31211020030	Nguyễn Viên	Nhi	8.5		9.5		7	8	
69	16	DH47LQ001	31211025042	Trần Uyên	Nhi	6.5		9.5		6	5.5	
70	16	DH47LQ001	31211027400	Phạm Thị Mai	Phương	9.5		9		7	6.5	
71	16	DH47LQ001	31211027401	Thái Hoàng Mỹ	Tâm	6.5		6.5		5	7.5	
72	16	DH47LQ001	31211027402	Nguyễn Phan Hoàng Thảo		9		9		7.5	8.5	
73	16	DH47LQ001	31211027403	Lâm Ngọc Anh	Thư	7		8		5	7	
74	16	DH47LQ001	31211027095	Lê Võ Song	Thư	7		9.5		5	6	
75	16	DH47LQ001	31211027405	Huỳnh Thị Diệu	Thương	10		10		6	6.5	
76	16	DH47LQ001	31211027406	Lê Nguyễn Hoài	Thương	9.5		9.5		6.5	7.5	
77	16	DH47LQ001	31211027408	Nguyễn Trần Quế	Trân	9		9		9.5	7.5	
78	16	DH47LQ001	31211027407	Hồ Thùy	Trang	6.5		5.5		5.5	5.5	
79	16	DH47LQ001	31211020438	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	8		6		6	6	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
80	16	DH47LQ001	31211027413	Trần Song Tổ	Uyên	6		8.5		7.5	9	
81	16	DH47LQ001	31211027414	Võ Thanh	Vân	kh		kh		kh	kh	
82	16	DH47LQ001	31211021240	Nguyễn Thảo	Vy	8.5		9.5		6	6	
83	16	DH47LQ001	31211027417	Lý Phương	Yên	6.5		9.5		7	6.5	
84	16	DH47MR002	31211020723	Nguyễn Bảo	An	9.5		9.5		6	7.5	
85	16	DH47MR002	31211020728	Dương Ngọc Minh	Anh	7		9.5		7	5	
86	16	DH47MR002	31211021659	Đặng Thanh	Bình	9		10		8.5	7	
87	16	DH47MR002	31211024461	Lê An	Chi	10		10		9	8.5	
88	16	DH47MR002	31211026737	Lê Linh	Chi	10		9.5		6.5	8	
89	16	DH47MR002	31211024946	Lục Bảo	Hân	10		10		6.5	7.5	
90	16	DH47MR002	31211022358	Đặng Thu	Hằng	9		9		6.5	6.5	
91	16	DH47MR002	31211023097	Nguyễn Thị Thu	Hiền	9		9		7	6.5	
92	16	DH47MR002	31211025947	Lê Tòà Lưu	Hương	7.5		5.5		6.5	7.5	
93	16	DH47MR002	31211026529	Nguyễn Quỳnh	Hương	4	8.5	9		6.5	7	
94	16	DH47MR002	31211023288	Nguyễn Thị Thanh	Hương	9.5		10		7.5	6.5	
95	16	DH47MR002	31211020747	Trần Tuyết	Hương	8.5		8.5		6	7.5	
96	16	DH47MR002	31211025570	Nguyễn Vũ Khánh	Linh	9.5		8.5		6.5	6.5	
97	16	DH47MR002	31211026817	Trần Nguyễn Xuân	Mai	9.5		9		7	6.5	
98	16	DH47MR002	31211024454	Hồ Vũ Bình	Minh	10		10		8.5	7.5	
99	16	DH47MR002	31211023484	Nguyễn Thị	Mỹ	10		9.5		6	7.5	
100	16	DH47MR002	31211020755	Trần Thị Hồng	Ngọc	10		9.5		7.5	8	
101	16	DH47MR002	31211020761	Huỳnh Nhật Kiều	Phương	10		10		7	8	
102	16	DH47MR002	31211026821	Lê Trần Hoàng	Phương	9.5		10		7.5	6.5	
103	16	DH47MR002	31211025955	Nguyễn Trần Mai	Phương	9.5		9		5	9	
104	16	DH47MR002	31211023289	Trần Gia	Quý	7.5		9		6	5.5	
105	16	DH47MR002	31211020136	Mai Trúc	Quỳnh	10		10		8.5	9	
106	16	DH47MR002	31211024034	Nguyễn Thị	Sâm	9.5		9.5		7	7.5	
107	16	DH47MR002	31211022453	Hắc Thị Thanh	Thanh	9		9.5		7	8	
108	16	DH47MR002	31211026823	Lê Phương	Thảo	10		9.5		6.5	7.5	
109	16	DH47MR002	31211024652	Nguyễn Thanh	Thảo	8.5		9.5		7	8	
110	16	DH47MR002	31211024792	Nguyễn Hà	Thi	9		10		8	8	
111	16	DH47MR002	31211024036	Lâm Hoàng Uyên	Thư	7.5		8		8	6	
112	16	DH47MR002	31211023725	Phạm Thị	Thùy	8.5		9.5		7.5	6	
113	16	DH47MR002	31211026827	Hà Bùi Thùy	Trâm	7		8		7.5	7	
114	16	DH47MR002	31211020776	Bùi Thị Huyền	Trang	10		8.5		7.5	8	
115	16	DH47MR002	31211020777	Đàm Quỳnh	Trang	10		10		8.5	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
116	16	DH47MR002	31211020781	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	9		8.5		8	8	
117	16	DH47MR002	31211024037	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	8		9		6.5	7	
118	16	DH47MR002	31211026828	Trần Thị Tuyết	Trinh	7		9		6.5	5	
119	16	DH47MR002	31211022789	Hà Thanh	Tú	9.5		9		6	7.5	
120	16	DH47MR002	31211020784	Nguyễn Ngọc	Tú	10		9.5		6.5	6.5	
121	16	DH47MR002	31211027139	Mật Ngọc	Tuyền	10		9		5.5	8	
122	16	DH47MR002	31211025575	Nguyễn Huyền	Vy	8		10		5.5	6	
123	16	DH47MR002	31211020793	Phạm Ngọc Khánh	Vy	8.5		9		6.5	5	
124	16	DH47LQ001	31211027372	Hoàng Phương Thảo	Giang	kh		kh		6	8.5	
1	17	DH47AV002	31211026624	Phan Hoài	Bảo	10		9		6.5	7.5	
2	17	DH47AV002	31211023064	Trần Nguyễn Thanh	Bình	8.5		5.5		7	7.5	
3	17	DH47AV002	31211024403	Phạm Hồ Thiện	Ngữ	10		7.5		6.5	7	
4	17	DH47AV002	31211026903	Lê Trần Minh	Phúc	8		8.5		7.5	6	
5	17	DH47AV002	31211020153	Nguyễn Duy	Tâm	7.5		4.5	6	6	7	
6	17	DH47AV002	31211026266	Dương Quang	Thái	9.5		8		6	8	
7	17	DH47AV002	31211020155	Đào Quốc	Thắng	10		8		7	7	
8	17	DH47IVC01	31211026024	Nguyễn Anh	Khoa	7		5.5		8	6.5	
9	17	DH47IVC01	31211020273	Thân Thành	Nam	9.5		9.5		7.5	5.5	
10	17	DH47IVC01	31211020284	Lê	Phát	10		10		6.5	8	
11	17	DH47IVC01	31211020292	Huỳnh Trung	Tấn	5.5		5		6.5	7.5	
12	17	DH47NHC01	31211027142	Trần Văn	An	6.5		3.5	9.5	6	6.5	
13	17	DH47NHC01	31211026334	Trần Việt	Anh	9.5		7.5		8.5	7.5	
14	17	DH47NHC01	31211021001	Hồ Hoàng Xuân	Duy	9.5		10		6.5	6	
15	17	DH47NHC01	31211023760	Nguyễn Thanh Nhật	Duy	8.5		9		7	5	
16	17	DH47NHC01	31211021282	Lê Thái	Hòa	9.5		7		9	9	
17	17	DH47NHC01	31211022946	Đậu Đức Huy	Hoàng	8		7		8	8	
18	17	DH47NHC01	31211021297	Phan Nguyễn Đăng	Kha	7		5		7	7.5	
19	17	DH47NHC01	31211025986	Nguyễn Minh	Khang	6.5		6		9	7	
20	17	DH47NHC01	31211021337	Đào Thái	Minh	7.5		7		6.5	7.5	
21	17	DH47NHC01	31211024323	Phạm Bình	Minh	7		6.5		9.5	7	
22	17	DH47NHC01	31211023910	Lê Nguyên	Nhật	7		4	9.5	6.5	6	
23	17	DH47NHC01	31211025810	Đặng Hữu	Thành	7.5		8.5		8	6.5	
24	17	DH47NHC01	31211026431	Huỳnh	Thiện	8		7		6.5	8	
25	17	DH47NHC01	31211026692	Đỗ Minh	Trí	9		9		8	8	
26	17	DH47AV002	31211025095	Nguyễn Thùy	An	6		6.5		6.5	6	
27	17	DH47AV002	31211022344	Trần Thiên	Ân	8.5		7.5		6.5	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
28	17	DH47AV002	31211026826	Nguyễn Thị Kim	Anh	10		10		6	6	
29	17	DH47AV002	31211024398	Liều Ngọc Bảo	Châu	8		5.5		7	8	
30	17	DH47AV002	31211024602	Nguyễn Trần Bảo	Châu	10		9		8.5	5	
31	17	DH47AV002	31211024996	Nguyễn Hồng Kim	Cương	10		8		8	7	
32	17	DH47AV002	31211023417	Ngô Thị Kim	Diệu	7.5		4.5	10	7.5	8	
33	17	DH47AV002	31211024399	Nguyễn Thùy	Dung	10		8.5		9	9	
34	17	DH47AV002	31211025862	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	6		7.5		6	7	
35	17	DH47AV002	31211020119	Trần Thị Huỳnh	Giao	10		6		7	8	
36	17	DH47AV002	31211020121	Lê Thị Ngọc	Hằng	7.5		6.5		8	8	
37	17	DH47AV002	31211020120	Nguyễn Hoàng Minh Hạnh		10		6.5		5.5	6.5	
38	17	DH47AV002	31211020001	Hà Phương	Linh	8		7.5		5	6	
39	17	DH47AV002	31211020002	Nguyễn Thị Ánh	Linh	8.5		10		8	7	
40	17	DH47AV002	31211024711	Trần Phạm Thùy	Linh	6		9		9	8	
41	17	DH47AV002	31211020132	Hoàng Khánh	Ly	6.5		8.5		8	5	
42	17	DH47AV002	31211023249	Dương Thị Hiền	Mai	8.5		7.5		7	7	
43	17	DH47AV002	31211024155	Nguyễn Hoàng	Ngân	10		9.5		5.5	6.5	
44	17	DH47AV002	31211023828	Phạm Thu	Ngân	4.5	8.5	7		5.5	8.5	
45	17	DH47AV002	31211026623	Nguyễn Hoài Mỹ	Ngọc	10		9.5		8	8	
46	17	DH47AV002	31211020139	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	7		5.5		5	5	
47	17	DH47AV002	31211025865	Nguyễn Tuyết	Nhi	8.5		8.5		7	7	
48	17	DH47AV002	31211025866	Phan Thị Yên	Nhi	7.5		7.5		8	8	
49	17	DH47AV002	31211025517	Trịnh Yên	Nhi	7.5		6		6.5	8.5	
50	17	DH47AV002	31211022709	Võ Ngọc Bảo	Nhi	8.5		6.5		8	7	
51	17	DH47AV002	31211023595	Hồ Tâm	Như	9.5		8.5		8	9	
52	17	DH47AV002	31211025341	Trần Võ Quỳnh	Như	9		9		7	5.5	
53	17	DH47AV002	31211024404	Từ Lê Quỳnh	Như	7		5.5		6	7	
54	17	DH47AV002	31211026265	Mai Nguyễn Yên	Ny	10		8		8	8.5	
55	17	DH47AV002	31211020145	Nguyễn Ngọc	Phụng	9.5		7.5		7	7.5	
56	17	DH47AV002	31211026625	Phan Thị Ngọc	Quỳnh	10		3.5	8.5	8	7	
57	17	DH47AV002	31211023420	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	8		9.5		6.5	6.5	
58	17	DH47AV002	31211023962	Lương Xuân	Thảo	7.5		5.5		7	5.5	
59	17	DH47AV002	31211025521	Phạm Thanh	Thảo	8		7.5		7.5	5.5	
60	17	DH47AV002	31211020159	Nguyễn Minh	Thư	10		7		8	7.5	
61	17	DH47AV002	31211023596	Trần Thị Thanh	Thư	7		6.5		6.5	6	
62	17	DH47AV002	31211020164	Võ Ngọc Anh	Thy	9		6		6.5	7	
63	17	DH47AV002	31211020168	Đặng Mỹ	Trinh	6.5		8		9	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
64	17	DH47AV002	31211026472	Lê Đoàn Kim	Tuyền	8		7.5		7.5	7	
65	17	DH47AV002	31211024407	Đinh Nguyễn Duy	Uyên	7		6		6	6.5	
66	17	DH47AV002	31211025707	Thạch Tú	Vân	5.5		7		7.5	6.5	
67	17	DH47AV002	31211026720	Hứa Ngọc Khánh	Vy	7		5.5		6.5	7	
68	17	DH47AV002	31211024883	Nguyễn Lê Tường	Vy	9.5		7.5		7	6.5	
69	17	DH47IVC01	31211025355	Trần Minh	Anh	6.5		6.5		8	6	
70	17	DH47IVC01	31211026086	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	7.5		7		7.5	8	
71	17	DH47IVC01	31211022925	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	6		9		6.5	8	
72	17	DH47IVC01	31211021053	Lê Trần Khánh	Đoan	7.5		8.5		8.5	8.5	
73	17	DH47IVC01	31211023684	Nguyễn Vũ Cẩm	Hằng	9.5		9.5		6.5	7	
74	17	DH47IVC01	31211022677	Nguyễn Thị	Hạnh	8		8		7.5	7	
75	17	DH47IVC01	31211023772	Dương Ngọc Thuý	Hoà	7.5		6.5		8	7.5	
76	17	DH47IVC01	31211020247	Nguyễn Thị Hiền	Hòa	8.5		5		7	7.5	
77	17	DH47IVC01	31211022918	Lê Di	Khanh	8		9.5		6	7	
78	17	DH47IVC01	31211021663	Nguyễn Vô Ngọc	Lan	10		9.5		6	7.5	
79	17	DH47IVC01	31211022733	Bùi Đan	Linh	6.5		7		7	6.5	
80	17	DH47IVC01	31211023137	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	10		6		7	7.5	
81	17	DH47IVC01	31211023687	Phạm Diệu	Linh	7.5		9		6.5	7	
82	17	DH47IVC01	31211023265	Thiều Lê Cẩm	Linh	9.5		10		6	6.5	
83	17	DH47IVC01	31211022577	Huỳnh Thái Phương	Nam	7.5		9.5		7	6	
84	17	DH47IVC01	31211023023	Nguyễn Thị Phương	Nga	8.5		9		6.5	7	
85	17	DH47IVC01	31211024200	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	9.5		9.5		8	7	
86	17	DH47IVC01	31211025116	Lương Bảo Phương	Nghi	8		7.5		7.5	6.5	
87	17	DH47IVC01	31211020148	Hoàng Quế	Ngọc	9		9.5		7	6.5	
88	17	DH47IVC01	31211022741	Bùi Quỳnh	Nhi	6		6.5		5.5	6	
89	17	DH47IVC01	31211022414	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	10		8		8.5	9.5	
90	17	DH47IVC01	31211020281	Nguyễn Hiền	Nhung	9		10		6.5	6	
91	17	DH47IVC01	31211026097	Huỳnh Thị Thúy	Phương	9.5		9.5		8.5	6.5	
92	17	DH47IVC01	31211024755	Vũ Hoàng Mai	Phương	7.5		8.5		7	7	
93	17	DH47IVC01	31211023750	Lâm Bảo	Quỳnh	6.5		8.5		7.5	7	
94	17	DH47IVC01	31211023416	Trần Diễm	Quỳnh	10		9.5		6	7	
95	17	DH47IVC01	31211026286	Trần Thị Như	Quỳnh	7		5.5		5.5	7	
96	17	DH47IVC01	31211023008	Trần Ngọc Anh	Thư	8.5		9.5		6	8	
97	17	DH47IVC01	31211022415	Cao Thùy	Trang	10		8.5		8	6.5	
98	17	DH47IVC01	31211020191	Lê Ngọc Thanh	Trúc	9.5		9.5		7	7.5	
99	17	DH47IVC01	31211022708	Nguyễn Thị Tó	Uyên	9		5.5		7	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
100	17	DH47IVC01	31211024447	Hồ Dương Thụy	Vi	7.5		7		6.5	8.5	
101	17	DH47NHC01	31211020172	Đào Lê Thái	An	9		6.5		8	8	
102	17	DH47NHC01	31211020046	Lê Nguyễn Minh	Anh	9.5		8		7.5	6	
103	17	DH47NHC01	31211026919	Nguyễn Phan Thảo	Anh	9.5		8.5		7	8	
104	17	DH47NHC01	31211025648	Lê Ngọc Kim	Cương	7		9.5		6	6.5	
105	17	DH47NHC01	31211025249	Võ Thị Cẩm	Duyên	6.5		6		6	5.5	
106	17	DH47NHC01	31211020236	Nguyễn Thị Thanh	Hà	5.5		10		kh	kh	
107	17	DH47NHC01	31211020113	Thạch Nguyễn Gia	Hân	9		8.5		7.5	7.5	
108	17	DH47NHC01	31211024808	Nguyễn Quỳnh Ánh	Linh	9		7.5		7.5	7.5	
109	17	DH47NHC01	31211021320	Tổng Mỹ	Linh	8		9		9	7.5	
110	17	DH47NHC01	31211026575	Trịnh Mỹ	Linh	7.5		6		7.5	6	
111	17	DH47NHC01	31211022835	Đinh Nguyễn Khánh Ly		7		9		8	8	
112	17	DH47NHC01	31201024000	Huỳnh Xuân	Mai	9.5		10		kh	kh	
113	17	DH47NHC01	31211026576	Nguyễn Huỳnh Khán Mai		8		5.5		7.5	6.5	
114	17	DH47NHC01	31211025391	Phạm Phan Huỳnh	Ngọc	4.5	7	5		7	7.5	
115	17	DH47NHC01	31211023290	Quang Như	Quỳnh	7		6.5		9.5	10	
116	17	DH47NHC01	31211024931	Phạm Cao Mỹ	Tâm	8		7.5		7.5	7	
117	17	DH47NHC01	31211022511	Phạm Hải	Thanh	6		5		5.5	7	
118	17	DH47NHC01	31211021401	Nguyễn Thị Minh	Thu	9.5		10		8	7.5	
119	17	DH47NHC01	31211021314	Lê Phan Kỳ	Thư	10		8.5		8.5	9	
120	17	DH47NHC01	31211024103	Vương Anh	Thư	7		7		6.5	6.5	
121	17	DH47NHC01	31211022588	Đỗ Thị Thu	Trang	9.5		9.5		6.5	7	
122	17	DH47NHC01	31211021520	Huỳnh Thạch	Trúc	9		8		8.5	7.5	
123	17	DH47NHC01	31211024981	Tô Trần Thanh	Trúc	9.5		9.5		7.5	8	
124	17	DH47NHC01	31211022957	Nguyễn Phạm An	Vy	7		8		6.5	6.5	
125	17	DH47NHC01	31211025649	Lê Kim	Yến	9		10		7.5	8	
1	18	DH47AV003	31211026080	Lê Đình Hoài	An	6.5		5		5.5	6.5	
2	18	DH47AV003	31211024269	Nguyễn Tấn	An	KH		KH		kh	kh	
3	18	DH47AV003	31211027242	Nguyễn Gia	Bảo	8		7		6.5	7.5	
4	18	DH47AV003	31211024709	Dương Viết Hải	Dương	10		10		8.5	9	
5	18	DH47AV003	31211020127	Nguyễn Quang	Huy	7.5		6		5	5.5	
6	18	DH47AV003	31211024710	Nguyễn Đình Bảo	Kha	8.5		8		5.5	4.5	
7	18	DH47AV003	31211020128	Trần Quốc	Khánh	8		5		5	7	
8	18	DH47AV003	31211023668	Nguyễn Hoàng Minh Khoa		7		4.5	8.5	6	7.5	
9	18	DH47AV003	31211020129	Nguyễn Võ Minh	Khoa	8.5		6		6.5	6	
10	18	DH47AV003	31211025096	Trần Tuấn	Kiệt	10		10		8	9.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
11	18	DH47AV003	31211025337	Nguyễn Phan Hoài	Nam	8		6.5		7	6.5	
12	18	DH47AV003	31211020152	Phạm Phú	Sĩ	10		9		7	6.5	
13	18	DH47AV003	31211020003	Nguyễn Hữu	Tài	9.5		10		9	9	
14	18	DH47AV003	31211024408	Huỳnh Thanh	Vũ	8.5		9		6.5	7	
15	18	DH47FNC01	31211021208	Phạm Quân	Bảo	8.5		7		5	6.5	
16	18	DH47FNC01	31211024794	Hồ Thanh	Bình	9.5		7.5		6.5	7.5	
17	18	DH47FNC01	31211020848	Phan Thái	Bình	9		6.5		6	7.5	
18	18	DH47FNC01	31211020938	Trần Đình Nhân	Hậu	9.5		8		6.5	8	
19	18	DH47FNC01	31211026040	Nguyễn Đăng Vi	Khang	7		5.5		8.5	9.5	
20	18	DH47FNC01	31211024799	Nguyễn Ngọc Minh	Lộc	7.5		7		7	6.5	
21	18	DH47FNC01	31211021430	Huỳnh Tấn	Phát	8.5		9.5		7	7	
22	18	DH47FNC01	31211021205	Nguyễn Châu	Phát	KH		KH		kh	kh	
23	18	DH47FNC01	31211020043	Đàm Anh	Tuấn	7		5		6	6.5	
24	18	DH47MRC02	31211026527	Huỳnh Trần Gia	Bảo	9		8.5		7	8	
25	18	DH47MRC02	31211021026	Lưu Trọng	Bảo	10		8.5		7.5	8	
26	18	DH47MRC02	31211023096	Trần Thế	Duy	7		9		6.5	6	
27	18	DH47MRC02	31211020735	Đặng Võ Trung	Hiếu	8		8.5		6.5	7.5	
28	18	DH47MRC02	31211020736	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	8.5		10		8	9	
29	18	DH47MRC02	31211025787	Cao Hồng	Huân	9		9.5		8	6	
30	18	DH47MRC02	31211020740	Bế Giang	Huy	7		7		6.5	7.5	
31	18	DH47MRC02	31211024897	Lâm Nguyễn Thế	Khang	5.5		9.5		7.5	7.5	
32	18	DH47MRC02	31211022514	Đỗ Thế	Lộc	9		10		6.5	6.5	
33	18	DH47MRC02	31211026656	Lê Thiện	Phát	10		10		8.5	6.5	
34	18	DH47MRC02	31211023098	Cà Hoàng	Quân	10		9		6.5	6.5	
35	18	DH47MRC02	31211020763	Nguyễn Văn Nhật	Quý	7.5		8.5		7.5	6	
36	18	DH47MRC02	31211026330	Nguyễn Thành	Tài	7.5		9		6.5	6.5	
37	18	DH47MRC02	31211023292	Nguyễn Minh	Triều	10		9		7.5	9	
38	18	DH47MRC02	31211026843	Lâm Quang	Tùng	9		9.5		6.5	7.5	
39	18	DH47MRC02	31211020790	Lâm Minh	Vương	9		9		8	6	
40	18	DH47AV003	31211026768	Lê Thị Lan	Anh	9		6.5		7	7	
41	18	DH47AV003	31211024400	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	5.5		9.5		6.5	7	
42	18	DH47AV003	31211020114	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	8		8		6	7	
43	18	DH47AV003	31211020123	Trần Thúy	Hằng	8.5		8		6	6.5	
44	18	DH47AV003	31211020126	Phan Kim	Hoa	7		6		7.5	7	
45	18	DH47AV003	31211025863	Huỳnh Thượng	Hỷ	8.5		8		6	6	
46	18	DH47AV003	31211023669	Huỳnh Tiên	Kim	9		9		6.5	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
47	18	DH47AV003	31211027258	Võ Thị Ngọc	Liên	6.5		8		5.5	7	
48	18	DH47AV003	31211025335	Nguyễn Thị Khánh	Linh	9		9.5		8.5	7	
49	18	DH47AV003	31211020130	Nguyễn Trinh Thảo	Linh	6		4.5	6.5	6.5	7	
50	18	DH47AV003	31211024606	Trần Thị Ngọc	Mai	10		10		8	7	
51	18	DH47AV003	31211023827	Nguyễn Châu Hải	My	6.5		9.5		6.5	7.5	
52	18	DH47AV003	31211025336	Hồ Thị Mỹ	Na	9.5		8.5		5.5	7	
53	18	DH47AV003	31211025864	Trần Hồng	Ngân	6		5		7.5	6	
54	18	DH47AV003	31211026264	Đinh Vũ Như	Ngọc	7		6.5		6.5	6	
55	18	DH47AV003	31211020137	Nguyễn Thảo	Nguyên	10		8		8.5	5.5	
56	18	DH47AV003	31211024712	Phạm Ngọc	Phụng	7		8		5.5	4.5	
57	18	DH47AV003	31211025343	Nguyễn Nam	Phương	9.5		7		7	8	
58	18	DH47AV003	31211020149	Phạm Thị Thúy	Quyên	9.5		8.5		7.5	7.5	
59	18	DH47AV003	31211022411	Phạm Như	Quỳnh	10		10		7	9	
60	18	DH47AV003	31211025101	Trần Thị Thanh	Thảo	5.5		7.5		6	7.5	
61	18	DH47AV003	31211023963	Trần Thị Thu	Thảo	5.5		3	9	6	6	
62	18	DH47AV003	31211023421	Dương Minh	Thư	7.5		7.5		7	7	
63	18	DH47AV003	31211023673	Huỳnh Minh	Thư	9		6.5		kh	kh	
64	18	DH47AV003	31211023252	Nguyễn Ngọc An	Thư	6.5		4.5	5	7	7	
65	18	DH47AV003	31211023674	Nguyễn Vũ Minh	Thư	8.5		7.5		7.5	5.5	
66	18	DH47AV003	31211023675	Lê Ngọc Thủy	Tiên	KH		KH		kh	kh	
67	18	DH47AV003	31211020166	Phan Huyền	Trân	5.5		6		5.5	6.5	
68	18	DH47AV003	31211024715	Đỗ Huyền	Trang	8		6.5		6	5	
69	18	DH47AV003	31211025706	Triệu Thùy	Trang	7.5		7		6.5	8.5	
70	18	DH47AV003	31211020170	Lâm Ngọc Nhã	Vy	8		6		7	5	
71	18	DH47AV003	31211022650	Trần Nhã Uyên	Vy	6.5		9.5		8.5	6.5	
72	18	DH47AV003	31211026272	Ngô Hải	Yến	6.5		8.5		6.5	5	
73	18	DH47AV003	31211025870	Nguyễn Ngọc	Yến	7.5		8		7	5.5	
74	18	DH47AV003	31211026983	Phạm Huỳnh	Yến	8.5		5.5		7	5.5	
75	18	DH47FNC01	31211025175	Trần Thùy	An	9		10		8	8	
76	18	DH47FNC01	31211021128	Đào Phương	Anh	8.5		8		7	7.5	
77	18	DH47FNC01	31211025959	Vũ Quốc Ngọc	Anh	9		8		8	8	
78	18	DH47FNC01	31211023396	Phan Hoàng Trung	Dung	10		7		7	6.5	
79	18	DH47FNC01	31211020122	Mai Quỳnh	Giang	9.5		9		6.5	7	
80	18	DH47FNC01	31211025609	Trình Yến	Hà	10		8		8.5	7.5	
81	18	DH47FNC01	31211025964	Vũ Quốc Ngân	Hà	9.5		9		8	7	
82	18	DH47FNC01	31211020694	Giang Quế	Hân	10		9.5		6	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
83	18	DH47FNC01	31211025946	Nguyễn Tuyết	Minh	5.5		9.5		7	6	
84	18	DH47FNC01	31211024720	Nguyễn Vũ Hải	Minh	8.5		9		9	7	
85	18	DH47FNC01	31211025875	Nguyễn Minh	Nguyệt	6.5		7		7	7	
86	18	DH47FNC01	31211025190	Huỳnh Trần Tâm	Như	8		8		7	5	
87	18	DH47FNC01	31211020545	Trương Hà Tuyết	Như	8		8		8	6	
88	18	DH47FNC01	31211020490	Quách Nam	Phương	9		9.5		6.5	5.5	
89	18	DH47FNC01	31211023028	Trần Thảo	Quyên	5		6.5		7.5	6	
90	18	DH47FNC01	31211024328	Huỳnh Hà Ngọc	Thư	8		6		5.5	7	
91	18	DH47FNC01	31211021491	Tạ Vũ Anh	Thư	9.5		4.5	9.5	6	8	
92	18	DH47FNC01	31211021657	Vũ Trần Anh	Thư	8.5		8.5		7.5	5.5	
93	18	DH47FNC01	31211023200	Nguyễn Trần Bảo	Trâm	7.5		5.5		6.5	6.5	
94	18	DH47FNC01	31211023872	Hồ Tạ Bảo	Trân	8		8.5		7	7	
95	18	DH47FNC01	31211024270	Võ Thùy	Trang	10		7.5		7.5	8.5	
96	18	DH47FNC01	31211021159	Phạm Minh	Tuyết	7.5		7		7	7	
97	18	DH47FNC01	31211020171	Phạm Hoàng Mỹ	Uyên	9.5		5.5		7	8	
98	18	DH47FNC01	31211022352	Tôn Hà	Vy	10		10		7	9	
99	18	DH47MRC02	31211026813	Lầy Ngọc Trường	An	7.5		9		5.5	5	
100	18	DH47MRC02	31211023480	Lê Trần Mỹ	Dung	8.5		9.5		6	5.5	
101	18	DH47MRC02	31211023187	Trần Mỹ	Dung	9.5		9		6.5	6	
102	18	DH47MRC02	31211026411	Vũ Thị Thùy	Dung	9.5		7.5		6	6.5	
103	18	DH47MRC02	31211025944	Hoàng Thị Hồng	Hà	9		9.5		7.5	5.5	
104	18	DH47MRC02	31211022784	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	10		10		9	8.5	
105	18	DH47MRC02	31211027097	Nguyễn Lý Quỳnh	Hương	9		10		5	6.5	
106	18	DH47MRC02	31211024790	Trần Thị Kim	Hương	8.5		9		6	8.5	
107	18	DH47MRC02	31211025789	Đàm Diệu	Linh	10		6		7	6	
108	18	DH47MRC02	31211023887	Nguyễn Thị Trúc	Ly	8.5		9		8.5	6.5	
109	18	DH47MRC02	31211026818	Lê Đào Khánh	Ngân	9.5		7		7	6	
110	18	DH47MRC02	31211026842	Mã Mẫn	Nghi	9		10		6	5.5	
111	18	DH47MRC02	31211020752	Châu Ngân	Ngọc	9.5		9		5.5	6.5	
112	18	DH47MRC02	31211026158	Võ Hoàng Thảo	Nguyên	8.5		6.5		6.5	6.5	
113	18	DH47MRC02	31211026740	Lê Võ Hạ	Như	6.5		8.5		8	6	
114	18	DH47MRC02	31211026819	Đỗ Tuyết	Nhung	9.5		10		6.5	7.5	
115	18	DH47MRC02	31211024179	Lê Thị Tú	Oanh	7		8		6.5	6.5	
116	18	DH47MRC02	31211025045	Huỳnh Lê Bảo	Quỳnh	9.5		7		6.5	7	
117	18	DH47MRC02	31211024949	Trần Thị Diễm	Quỳnh	8		7.5		7.5	6	
118	18	DH47MRC02	31211023879	Nguyễn Thị Mai	Sương	9.5		8.5		7.5	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
119	18	DH47MRC02	31211020766	Phạm Nguyễn Thu	Tâm	10		9		6	7	
120	18	DH47MRC02	31211024324	Lê Thị Xuân	Thùy	9		9.5		6	7.5	
121	18	DH47MRC02	31211024180	Phan Thị Xuân	Trà	8		5		7.5	5	
122	18	DH47MRC02	31211020779	Đào Thị Ngọc	Trâm	8.5		7.5		7	5.5	
123	18	DH47MRC02	31211026816	Ngô Mỹ	Trân	9.5		9.5		7	6.5	
124	18	DH47MRC02	31211020785	Văn Phạm Cẩm	Tú	10		9.5		7	9	
125	18	DH47MRC02	31211024526	Nguyễn Hải	Yến	9.5		10		7	7.5	
1	19	DH47AV004	31211022592	Trần Việt	An	8		8.5		6.5	5.5	
2	19	DH47AV004	31201020020	Thái Thành	Đức	10		9.5		8	7.5	
3	19	DH47AV004	31211020124	Đặng Chí	Hiếu	7		7.5		6.5	7.5	
4	19	DH47AV004	31211026910	Huỳnh Khải	Minh	8		9		6.5	7	
5	19	DH47AV004	31211024405	Châu Quốc	Phú	10		9.5		8	7.5	
6	19	DH47AV004	31211026626	Liêu Nguyên	Thành	9		10		6.5	6	
7	19	DH47AV004	31211023676	Dương Hoàng Thanh Toàn		8.5		9		8	7.5	
8	19	DH47AV004	31211025708	Đào Trí	Viễn	9.5		9.5		8.5	7.5	
9	19	DH47FNC02	31211022959	Phạm Nguyễn Hoàng Huy		5.5		9.5		7	6.5	
10	19	DH47FNC02	31211020489	Nguyễn Anh	Khoa	8		9.5		7	5	
11	19	DH47FNC02	31211024086	Quách Anh	Khoa	9.5		9		6.5	7.5	
12	19	DH47FNC02	31211020912	Lê Nguyễn Tiến	Khôi	6.5		9		7	6	
13	19	DH47FNC02	31211021007	Trần Quang	Minh	10		9		5.5	6.5	
14	19	DH47FNC02	31211022738	Cao Thanh Trường	Son	9.5		9		6	6.5	
15	19	DH47FNC02	31211022371	Bùi Văn	Thiên	8		9		6.5	6	
16	19	DH47FNC02	31211021129	Võ Khánh	Toàn	9.5		9.5		7.5	5.5	
17	19	DH47FNC02	31211025888	Nguyễn Đoàn Anh	Tuấn	8		8.5		7.5	7.5	
18	19	DH47FNC02	31211021532	Trần Hoàng	Tuấn	7.5		9		6	7.5	
19	19	DH47LM003	31211027692	Nguyễn Tiến	Anh	9.5		8		5.5	5.5	
20	19	DH47LM003	31211027699	Phạm Xuân	Cường	6		7.5		7	5	
21	19	DH47LM003	31211027713	Nông Hữu	Đình	5.5		8.5		7	8	
22	19	DH47LM003	31211027716	Phạm Đức	Hà	6.5		6		7	5.5	
23	19	DH47LM003	31211027719	Nguyễn Quang	Hậu	8.5		9.5		5	5	
24	19	DH47LM003	31211027726	Nguyễn Ngọc	Hòa	9		9		7	6	
25	19	DH47LM003	31211027734	Hoàng Viết	Hữu	6.5		6.5		6	7	
26	19	DH47LM003	31211027729	Nguyễn Minh	Huy	5.5		8		5	5	
27	19	DH47LM003	31211027736	Phạm Quang	Khải	9.5		8.5		7	5.5	
28	19	DH47LM003	31211027737	Phùng Thế Bảo	Khanh	8.5		9		7.5	7	
29	19	DH47LM003	31211027744	Nguyễn Hoàng	Long	8.5		9		6	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
30	19	DH47LM003	31211027749	Quách Bảo	Minh	6		8.5		6.5	6	
31	19	DH47LM003	31211027753	Lê Nguyễn Thành	Nam	10		9.5		7	6	
32	19	DH47LM003	31211027758	Nguyễn Đại	Nghĩa	8		9		6	8	
33	19	DH47LM003	31211027760	Nguyễn Đình Phúc	Nguyên	9.5		9.5		6	6.5	
34	19	DH47LM003	31211027776	Nguyễn Ngọc	Sịn	9.5		8.5		7	5.5	
35	19	DH47LM003	31211026012	Mai Văn	Thiện	10		10		8	8	
36	19	DH47LM003	31211027788	Phan Lương Quốc Tr	Tín	9		9		6.5	8.5	
37	19	DH47LM003	31211027789	Nguyễn Xuân	Toàn	9		6		6.5	5.5	
38	19	DH47LM003	31211027795	Lê Quang Minh	Tuấn	9		8.5		6	7	
39	19	DH47LM003	31211027797	Trương	Tùng	6.5		7.5		7.5	7	
40	19	DH47AV004	31211023666	Lê	An	7		6.5		6	6	
41	19	DH47AV004	31211025666	Nguyễn Phúc	An	8		9		5.5	7	
42	19	DH47AV004	31211020106	La Kiều	Anh	9.5		9		7	4	
43	19	DH47AV004	31211020107	Phạm Diệu	Anh	6		8		8.5	5.5	
44	19	DH47AV004	31211020111	Đinh Thị Ngọc	Bích	9.5		9		7	5.5	
45	19	DH47AV004	31211020116	Đỗ Thị Ngọc	Điệp	7.5		9		7	6	
46	19	DH47AV004	31211026770	Phan Lam	Giang	10		10		7.5	7.5	
47	19	DH47AV004	31211023162	Lê Ngọc	Hân	9		6.5		7	5.5	
48	19	DH47AV004	31211025515	Nguyễn Ngọc	Hân	8.5		9.5		5.5	8	
49	19	DH47AV004	31211027068	Thanh Lâm Nữ	Hiền	7.5		7		8	7.5	
50	19	DH47AV004	31211023247	Phan Khánh	Hòa	9.5		10		8.5	8.5	
51	19	DH47AV004	31211026621	Huỳnh Thị Thúy	Huyền	8		9.5		8	6.5	
52	19	DH47AV004	31211023248	Bùi Thị Thùy	Liên	10		10		8.5	7.5	
53	19	DH47AV004	31211026166	Đỗ Thụy Trúc	Linh	10		10		6.5	8	
54	19	DH47AV004	31211020131	Bùi Huỳnh Trúc	Ly	6		4	9.5	5.5	6	
55	19	DH47AV004	31211022707	Nguyễn Khánh	Ly	4.5	4.5	9.5		7	5	
56	19	DH47AV004	31211025097	Lê Ngọc	Ngân	8.5		8.5		6.5	6.5	
57	19	DH47AV004	31211027238	Ngô Bích	Nghi	8.5		9.5		6.5	6	
58	19	DH47AV004	31211026468	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	6.5		6.5		7.5	7	
59	19	DH47AV004	31211023670	Lê Thảo	Nguyên	7.5		8.5		7	7.5	
60	19	DH47AV004	31211025339	Huỳnh Bảo	Nhi	9.5		9.5		8.5	7	
61	19	DH47AV004	31211024882	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	9.5		8.5		7	7	
62	19	DH47AV004	31211024273	Kiều Kim	Oanh	9.5		8.5		7	6	
63	19	DH47AV004	31211023065	Hồ Mai	Phương	6.5		9.5		6	7	
64	19	DH47AV004	31211020147	Huỳnh Thị Linh	Phương	9.5		9		7	7	
65	19	DH47AV004	31211022410	Nguyễn Nhật Lan	Phương	6.5		9.5		6	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
66	19	DH47AV004	31211023672	Nguyễn Trần Bảo	Phuong	8.5		9		8	5.5	
67	19	DH47AV004	31211025344	Son Ngọc	Phuong	10		9		8	7.5	
68	19	DH47AV004	31191026849	Nguyễn Thùy	Quỳnh	9.5		8.5		7.5	7	
69	19	DH47AV004	31211023164	Từ Phạm Như	Quỳnh	8.5		9		7	5	
70	19	DH47AV004	31211027267	Phạm Thị Thu	Thảo	8.5		8.5		5.5	6	
71	19	DH47AV004	31211020156	Phạm Hoài	Thơ	9		9		6.5	6	
72	19	DH47AV004	31211025867	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	9		8.5		5	6.5	
73	19	DH47AV004	31211024140	Nguyễn Thị Minh	Thư	7.5		8.5		5	5	
74	19	DH47AV004	31211023165	Hồ Thanh	Thủy	7.5		4.5	9	6.5	6	
75	19	DH47AV004	31211025347	Trần Nguyễn Ngân	Tiên	8.5		9.5		8.5	6	
76	19	DH47AV004	31211025524	Phạm Huỳnh Huyền	Trân	5.5		9		6.5	5.5	
77	19	DH47AV004	31211024406	Nguyễn Minh	Trang	6.5		9		6.5	7.5	
78	19	DH47AV004	31211020487	Nguyễn Thị Tường	Vy	10		9		6.5	6.5	
79	19	DH47AV004	31211025709	Đặng Ngọc Như	Ý	7		6.5		7	6	
80	19	DH47AV004	31211021057	Mai Gia	Ý	10		9.5		7.5	7	
81	19	DH47FNC02	31211020218	Nguyễn Phương	Anh	6		9.5		6.5	7	
82	19	DH47FNC02	31211025215	Nguyễn Hoàng Linh	Chi	7		9		5.5	7.5	
83	19	DH47FNC02	31211020738	Trịnh Uyên	Chi	10		9.5		8	7	
84	19	DH47FNC02	31211021253	Nguyễn Ngọc Thiên	Đức	9		8		8.5	7.5	
85	19	DH47FNC02	31211021296	Trần Minh	Hương	7		9		6.5	5	
86	19	DH47FNC02	31211024681	Mai Thùy	Linh	8		8.5		6	7	
87	19	DH47FNC02	31211020691	Trương Ngọc Nhật	Linh	7		9		8	7	
88	19	DH47FNC02	31211020701	Vũ Nguyễn Khánh	Linh	6.5		10		7	5.5	
89	19	DH47FNC02	31211020827	Phạm Khánh	Mi	7		9.5		6.5	4.5	
90	19	DH47FNC02	31211024997	Dương Thanh	Ngân	6.5		8.5		8	9	
91	19	DH47FNC02	31211024532	Huỳnh Ngọc	Ngân	9.5		10		6.5	6.5	
92	19	DH47FNC02	31211023914	Nguyễn Anh Kim	Ngân	9.5		10		8	5.5	
93	19	DH47FNC02	31211021580	Trần Hoàng Kim	Ngân	9		7		7	5.5	
94	19	DH47FNC02	31211025007	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	9.5		9.5		8	7	
95	19	DH47FNC02	31211024097	Đoàn Kim	Phụng	8		9		5.5	6	
96	19	DH47FNC02	31211021270	Nguyễn Thụy Tố	Quỳnh	9.5		8.5		7	8.5	
97	19	DH47FNC02	31211021610	Lê Thị Diễm	Quỳnh	10		8.5		6.5	6.5	
98	19	DH47FNC02	31211020840	Nguyễn Diễm	Quỳnh	8.5		9.5		7.5	7.5	
99	19	DH47FNC02	31211024335	Lưu Thanh	Thư	10		9.5		8	7.5	
100	19	DH47FNC02	31211021265	Bùi Thị Mai	Trâm	7		6		6	6.5	
101	19	DH47FNC02	31211024402	Đậu Trần Khánh	Trang	7.5		9		7	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
102	19	DH47FNC02	31211025678	Lê Thị Huyền	Trang	9		9		8	8	
103	19	DH47FNC02	31211020021	Nguyễn Anh	Vân	7.5		8.5		7.5	6.5	
104	19	DH47LM003	31211027066	Vy Thế	Bảo	7.5		8		5	6	
105	19	DH47LM003	31211027700	Phan Phạm Hiền	Dịu	10		10		9	9	
106	19	DH47LM003	31211027701	Hồ Thị Phương	Dung	KH		KH		kh	kh	
107	19	DH47LM003	31211027706	La Thị Thùy	Dương	6		7.5		6	6.5	
108	19	DH47LM003	31211027709	Nông Thị Thùy	Dương	5		7.5		7	5.5	
109	19	DH47LM003	31211027717	Tạ Thúy	Hằng	9.5		10		7	6	
110	19	DH47LM003	31211027721	Hoàng Thị Thu	Hiền	7		8.5		6.5	5.5	
111	19	DH47LM003	31211027733	Nguyễn Lê Thanh	Hương	9.5		8.5		7	6	
112	19	DH47LM003	31211027194	Trương Ngọc	Khanh	9		9.5		8.5	7.5	
113	19	DH47LM003	31211027757	Trần Quách Kim	Ngân	9.5		9.5		5.5	6	
114	19	DH47LM003	31211027767	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	7		8.5		6	6	
115	19	DH47LM003	31211027062	Hà Đình	Phú	9.5		8		7.5	8	
116	19	DH47LM003	31211027775	Rơ Jô Như	Quỳnh	6.5		8		8.5	7	
117	19	DH47LM003	31211027783	Trần Nguyễn Phương Thảo		8.5		9.5		7	6.5	
118	19	DH47LM003	31211027785	Cao Vũ Song	Thương	10		9.5		7	8	
119	19	DH47LM003	31211027300	Lý Mỹ	Trân	7.5		9.5		7	7	
120	19	DH47LM003	31211027792	Nguyễn Phạm Thị T	Trân	9		9.5		6.5	6.5	
121	19	DH47LM003	31211027233	Võ Thị Bảo	Trân	6		9.5		7.5	8.5	
122	19	DH47LM003	31211027791	Ngô Thị	Trang	7.5		10		7.5	8.5	
123	19	DH47LM003	31211027798	Phan Thụy Mỹ	Uyên	10		10		8.5	7	
124	19	DH47LM003	31211027799	Tô Thị	Uyên	10		10		8.5	9	
125	19	DH47LM003	31211027801	Lê Vũ Trúc	Vy	10		9		7.5	6	
1	20	DH47BV001	31211027945	Mai Vũ Minh	Chiến	10		9		6	7.5	
2	20	DH47BV001	31211027947	Trần Quốc Khánh	Duy	KH		KH		kh	kh	
3	20	DH47BV001	31211027959	Hồ Minh	Khoa	10		8.5		6.5	7	
4	20	DH47BV001	31211027965	Hoàng Gia	Minh	5		5		8	6.5	
5	20	DH47BV001	31211027977	Nguyễn Võ Khôi	Nguyên	8.5		9.5		8	8	
6	20	DH47BV001	31211027980	Đào Duy	Nhật	10		8.5		5	7	
7	20	DH47BV001	31211027990	Hà Minh	Quân	8.5		10		7	8.5	
8	20	DH47BV001	31211028002	Nguyễn Ngọc	Thiện	8.5		9		6.5	9	
9	20	DH47DS001	31211027626	Thái Bảo	An	9		6		7	7.5	
10	20	DH47DS001	31211027632	Hoàng Đức	Dân	10		8.5		7	7	
11	20	DH47DS001	31211027635	Trần Hoàng Trung	Đức	8		9		7	6	
12	20	DH47DS001	31211027639	Lê Đức	Hậu	10		9.5		8	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
13	20	DH47DS001	31211021362	Hà Gia	Hiền	10		9.5		7	7	
14	20	DH47DS001	31211027640	Nguyễn Như	Hoàng	8		9.5		7.5	6.5	
15	20	DH47DS001	31211025877	Lê Ngọc Anh	Hùng	6.5		8.5		5	6.5	
16	20	DH47DS001	31211027643	Đinh Trọng	Hữu	10		10		5.5	6	
17	20	DH47DS001	31211027641	Đặng Nhật	Huy	9		8.5		5.5	6	
18	20	DH47DS001	31211023531	Nguyễn	King	8		8.5		5.5	7.5	
19	20	DH47DS001	31211027650	Nguyễn Ngọc	Nam	7		9.5		6.5	6.5	
20	20	DH47DS001	31211027651	Trần Phạm Hải	Nam	9		8.5		6.5	6.5	
21	20	DH47DS001	31211027653	Lý Minh	Nguyên	9		9		6	7	
22	20	DH47DS001	31211027657	Phan Đình	Nhân	10		9		7.5	8	
23	20	DH47DS001	31211027664	Nguyễn Nhật	Quang	10		10		8	8.5	
24	20	DH47DS001	31211026754	Lý Gia	Thuận	6		8.5		6.5	6.5	
25	20	DH47DS001	31211027674	Phạm Quốc	Thuận	9.5		9		8	7	
26	20	DH47DS001	31211027676	Nguyễn Đình	Toàn	10		9.5		8	9.5	
27	20	DH47DS001	31211027678	Lưu Trọng	Tốt	8		9		7.5	7	
28	20	DH47DS001	31211027683	Trần Duy	Tuấn	9		9.5		7	7.5	
29	20	DH47DS001	31211027687	Nguyễn Quốc	Việt	8		6.5		8	6	
30	20	DH47LKC01	31211023901	Nguyễn Đức	Huy	9.5		9.5		7.5	8	
31	20	DH47LKC01	31211024963	Vô Lê Trung	Kiên	10		10		7	7.5	
32	20	DH47LKC01	31211027478	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	5.5		5		5.5	6.5	
33	20	DH47LKC01	31211027213	Phùng Thế	Nhiên	10		9		5	5.5	
34	20	DH47LKC01	31211027512	Bùi Huy Hoàng	Phúc	9		9		7	5.5	
35	20	DH47LKC01	31211027518	Hà Thúc	Quân	8.5		9.5		7	7	
36	20	DH47LKC01	31211027533	Nguyễn Ngọc	Thiện	5		8.5		6.5	8	
37	20	DH47LKC01	31211023432	Bùi Phụ	Trường	5.5		7.5		6.5	7.5	
38	20	DH47LKC01	31211027553	Nguyễn Bùi Minh	Tuấn	9.5		9.5		8	7	
39	20	DH47LKC01	31211027560	Huỳnh Lê Anh	Vũ	9		8.5		8.5	7.5	
40	20	DH47BV001	31211027942	Nguyễn Ngọc Nam	Anh	9		9.5		7	4.5	
41	20	DH47BV001	31211027952	Phạm Ngọc	Hân	9.5		8.5		6	6.5	
42	20	DH47BV001	31211027953	Trần Khánh	Hân	5.5		8.5		6	8	
43	20	DH47BV001	31211027951	Nguyễn Mỹ	Hạnh	10		9.5		8.5	7.5	
44	20	DH47BV001	31211027957	Nguyễn Nữ Hoàng	Khánh	10		10		7.5	8	
45	20	DH47BV001	31211020804	Nguyễn Võ Hồng	Lam	9.5		8.5		8	5.5	
46	20	DH47BV001	31211027960	Nguyễn Ái	Linh	8		6		8	6	
47	20	DH47BV001	31211027964	Lê Phan Triệu	Mẫn	8		9		7	6	
48	20	DH47BV001	31211027970	Huỳnh Mẫn	Nghi	9.5		9.5		7	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
49	20	DH47BV001	31211027973	Nguyễn Thanh Mỹ	Ngọc	10		9.5		6	7.5	
50	20	DH47BV001	31211027974	Phan Bảo	Ngọc	4.5	6	9		6	7	
51	20	DH47BV001	31211027975	Trần Thị Hồng	Ngọc	KH		KH		kh	kh	
52	20	DH47BV001	31211020138	Trà Hồng Đoan	Nhi	9.5		10		6.5	6.5	
53	20	DH47BV001	31211027984	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10		8.5		6.5	6.5	
54	20	DH47BV001	31211027993	Châu Hoàng	Quyên	8.5		9.5		8	7.5	
55	20	DH47BV001	31211027994	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	9		9.5		8	5.5	
56	20	DH47BV001	31211020430	Lê Minh	Tâm	9.5		9.5		8.5	8	
57	20	DH47BV001	31211027997	Tô Thị Thanh	Tâm	6		9.5		6.5	7	
58	20	DH47BV001	31211027999	Lương Kiều	Thanh	9		9.5		6	6.5	
59	20	DH47BV001	31211028001	Trần Thị Thanh	Thảo	KH		KH		kh	kh	
60	20	DH47BV001	31211021231	Nguyễn Thị Hồng	Thương	8.5		9.5		8	8	
61	20	DH47BV001	31211028007	Lâm Uyên	Thy	8		9.5		5.5	8	
62	20	DH47BV001	31211028009	Yên Thị Thủy	Tiên	10		9.5		8	8.5	
63	20	DH47BV001	31211028011	Lê Ngọc Thanh	Trân	7.5		6.5		6.5	7.5	
64	20	DH47BV001	31211020416	Phạm Nguyễn Phươn	Trang	9.5		10		7.5	7.5	
65	20	DH47BV001	31211028016	Vũ Ngọc Kim	Tuyền	9		10		6.5	6	
66	20	DH47BV001	31211028019	Mai Ngọc Thảo	Vy	6		10		6.5	6	
67	20	DH47BV001	31211028022	Võ Thụy Trúc	Vy	9		8.5		7.5	5.5	
68	20	DH47BV001	31211020157	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	7		7		7.5	8.5	
69	20	DH47DS001	31211027628	Lê Thị Ngọc	Ánh	9		9.5		6	6.5	
70	20	DH47DS001	31211027629	Trịnh Thị Hải	Âu	9.5		9.5		7	5	
71	20	DH47DS001	31211027636	Nguyễn Đào	Giang	10		7.5		7	8.5	
72	20	DH47DS001	31211021654	Phạm Minh	Hiền	9.5		9.5		7.5	5.5	
73	20	DH47DS001	31211027646	Võ Ngọc Mỹ	Kim	8		8.5		7.5	6	
74	20	DH47DS001	31211026726	Trương Thị Hồng	Mai	9		9		7.5	6.5	
75	20	DH47DS001	31211027649	Doãn Phương Hà	My	9.5		8.5		7	6	
76	20	DH47DS001	31211027659	Đặng Yên	Nhi	5.5		8		6	6	
77	20	DH47DS001	31211027660	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	7.5		7		7.5	7	
78	20	DH47DS001	31211027667	Đào Thị Phương	Quỳnh	8		9		6.5	6	
79	20	DH47DS001	31211027669	Văn Ngọc Như	Quỳnh	5.5		9		6.5	6.5	
80	20	DH47DS001	31211027671	Nguyễn Thị Phương	Thảo	7.5		8		7.5	5.5	
81	20	DH47DS001	31211026430	Huỳnh Minh	Thư	10		9.5		7	8.5	
82	20	DH47DS001	31211020024	Nguyễn Thị Thu	Trang	8		5.5		6.5	6.5	
83	20	DH47DS001	31211026121	Nguyễn Ngọc Phươn	Trinh	9.5		9.5		6	6.5	
84	20	DH47DS001	31211027684	Nguyễn Thị	Tuyết	8		8		8	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
85	20	DH47DS001	31211027686	Vũ Nguyễn Thảo	Vi	10		9		7.5	6.5	
86	20	DH47DS001	31211025542	Nguyễn Nhật Thảo	Vy	6.5		8.5		7	8	
87	20	DH47LKC01	31211027277	Phạm Ngọc Vân	Anh	9.5		9.5		7	7	
88	20	DH47LKC01	31211024954	Trần Ngọc	Bích	9		8.5		7.5	6.5	
89	20	DH47LKC01	31211027428	Nguyễn Lê Thanh	Bình	10		9.5		8	7.5	
90	20	DH47LKC01	31211020620	Nguyễn Huỳnh Bảo	Châu	10		9		7	7	
91	20	DH47LKC01	31211027432	Võ Thị Huyền	Diệu	8		8		8	7	
92	20	DH47LKC01	31211026433	Trần Thị Ngọc	Giàu	9.5		9.5		8	7	
93	20	DH47LKC01	31211027444	Nguyễn Thê	Hà	10		10		8	7	
94	20	DH47LKC01	31211025738	Huỳnh Thị Ngọc	Hạ	9		7.5		6	6	
95	20	DH47LKC01	31211027448	Lê Nguyễn Gia	Hân	9.5		10		8	8.5	
96	20	DH47LKC01	31211022612	Đông Minh Thực	Hiền	10		7		8	7.5	
97	20	DH47LKC01	31211022656	Nguyễn Thị Thái	Hoa	9.5		10		8.5	7	
98	20	DH47LKC01	31211027462	Đinh Hải	Huyền	7.5		8		7	6	
99	20	DH47LKC01	31211027463	Hoàng Nhung	Huyền	9.5		9.5		6	7.5	
100	20	DH47LKC01	31211023042	Nguyễn Lê Khánh	Huyền	10		10		7.5	7.5	
101	20	DH47LKC01	31211027473	Nguyễn Thùy Uyên	Loan	6		9.5		7.5	6.5	
102	20	DH47LKC01	31211024243	Trần Thị Ngọc	Mai	KH		KH		kh	kh	
103	20	DH47LKC01	31211027477	Kuah Lui	Minh	9.5		9		7	7.5	
104	20	DH47LKC01	31211027482	Lê Thảo	My	10		9		6.5	7.5	
105	20	DH47LKC01	31211027485	Trần Ngọc Thảo	My	10		9		7	7	
106	20	DH47LKC01	31211020378	Đinh Bảo	Ngọc	8		6		7.5	6	
107	20	DH47LKC01	31211027494	Lê Bảo	Ngọc	6.5		9		7.5	8.5	
108	20	DH47LKC01	31211027496	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhàn	7.5		10		6.5	6	
109	20	DH47LKC01	31211027501	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	10		10		7.5	7.5	
110	20	DH47LKC01	31211027505	Diệp Thụy Ái	Như	7.5		9		6	6.5	
111	20	DH47LKC01	31211027513	Tăng Quách Hải	Phụng	10		10		7.5	8	
112	20	DH47LKC01	31211027516	Nguyễn Vân	Phương	9.5		9		5.5	8.5	
113	20	DH47LKC01	31211027523	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	10		10		7	7.5	
114	20	DH47LKC01	31211023208	Vũ Hoàng Minh	Tâm	9		10		7.5	8.5	
115	20	DH47LKC01	31211027528	Nguyễn Trâm Triều	Thanh	9.5		9.5		7.5	7	
116	20	DH47LKC01	31211027531	Lê Anh	Thi	8		8.5		8.5	7.5	
117	20	DH47LKC01	31211027536	Hồ Minh	Thư	6.5		9.5		6.5	7	
118	20	DH47LKC01	31211020011	Nguyễn Anh	Thư	9.5		7		6	7	
119	20	DH47LKC01	31211023144	Trần Lê Anh	Thư	9.5		9.5		6.5	6	
120	20	DH47LKC01	31211027539	Trần Nguyễn Minh	Thư	8.5		9.5		7	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
121	20	DH47LKC01	31211023027	Hà Anh Bảo	Thy	7		8.5		6	6.5	
122	20	DH47LKC01	31211027542	Phạm Hoàng Uyên	Thy	7.5		8.5		8	8	
123	20	DH47LKC01	31211023338	Hà Nguyễn Bích	Trâm	9.5		9.5		8	5.5	
124	20	DH47LKC01	31211022462	Ngô Nhật Ánh	Trâm	9.5		10		8	7	
125	20	DH47LKC01	31211027557	Tân Nguyễn Nhã	Uyên	10		7		6	7	
1	21	DH47LM001	31211027694	Dương Gia	Bảo	8		8.5		6	9	
2	21	DH47LM001	31211027696	Trần Gia	Bảo	7.5		8		7.5	7	
3	21	DH47LM001	31211025940	Nguyễn Quốc	Đạt	5.5		5.5		5.5	7	
4	21	DH47LM001	31211027711	Triệu Trí	Đạt	9.5		9.5		6	7	
5	21	DH47LM001	31211027714	Trần Anh	Đức	6.5		9		7	6.5	
6	21	DH47LM001	31211024539	Lê Thanh Hải	Dương	9		8.5		6.5	6	
7	21	DH47LM001	31211027702	Huỳnh Bá	Duy	9.5		9		5.5	6.5	
8	21	DH47LM001	31211027705	Trần Dương Bảo	Duy	10		9.5		7	7.5	
9	21	DH47LM001	31211027704	Triệu Khánh	Duy	10		10		6.5	7.5	
10	21	DH47LM001	31211027727	Trần Quốc	Hoàng	9.5		9.5		7.5	7	
11	21	DH47LM001	31211027730	Nguyễn Minh	Huy	9		9.5		6.5	6.5	
12	21	DH47LM001	31211027738	Nguyễn Huỳnh Nam	Khánh	8.5		8		5	7	
13	21	DH47LM001	31211022522	Đỗ Nguyễn Đăng	Khoa	10		9.5		7	8.5	
14	21	DH47LM001	31211027740	Phạm Vĩ Nam	Khuong	9.5		6.5		4.5	7.5	
15	21	DH47LM001	31211027268	Lê Tấn	Long	9.5		9		6	8	
16	21	DH47LM001	31211027746	Hồ Đức	Mạnh	7		10		7	7.5	
17	21	DH47LM001	31211027748	Nguyễn Quang	Minh	7		6.5		6	7.5	
18	21	DH47LM001	31211027750	Tô Vũ Lê	Minh	8		5.5		7	6	
19	21	DH47LM001	31211025721	Đỗ Việt	Nhân	10		10		7	8	
20	21	DH47LM001	31211027769	Nguyễn Lê Hoàng	Phúc	9.5		9.5		6.5	7	
21	21	DH47LM001	31211027794	Nguyễn Mạnh	Trí	9.5		7		6.5	8	
22	21	DH47LM001	31211025907	Ngô Thanh	Tuấn	10		8.5		8.5	6	
23	21	DH47LM002	31211027695	Trần Cao Gia	Bảo	9		8.5		7.5	6	
24	21	DH47LM002	31211027697	Huỳnh Minh Vũ	Ca	10		9.5		7.5	7	
25	21	DH47LM002	31211027710	Dương Võ Duy	Đạt	9		10		6.5	6	
26	21	DH47LM002	31211027707	Nguyễn Quang	Dương	7.5		9		7	7	
27	21	DH47LM002	31211027708	Nguyễn Trương	Dương	8.5		9		7.5	6.5	
28	21	DH47LM002	31211027703	Nguyễn Đức	Duy	7		8		7	6.5	
29	21	DH47LM002	31211027741	Lê Tuấn	Kiệt	10		7		9.5	8.5	
30	21	DH47LM002	31211027752	Lê Kim	Nam	9.5		9		6.5	8	
31	21	DH47LM002	31211027768	Phan Phạm Gia	Phú	9.5		9		6	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
32	21	DH47LM002	31211027770	Nguyễn Huỳnh Khôi	Phục	8		6		6	6	
33	21	DH47LM002	31211027778	Hoàng Minh	Tâm	9		9.5		7.5	7	
34	21	DH47LM002	31211027779	Nguyễn Duy	Tân	9.5		9		7	6.5	
35	21	DH47LM002	31211027780	Hồ Quốc	Thái	9		5.5		6.5	7.5	
36	21	DH47LM002	31211027793	Đoàn Minh	Trí	7.5		9.5		8	6.5	
37	21	DH47LM002	31211027796	Nguyễn Đức	Tuấn	8		9		7	6.5	
38	21	DH47LM002	31211027800	Trương Xuân	Vũ	9.5		8.5		6.5	6	
39	21	DH47SE001	31211027568	Phan Vũ Trường	An	6.5		6		6.5	6.5	
40	21	DH47SE001	31211027569	Lưu Hoàng Quốc	Bảo	10		9.5		7	7.5	
41	21	DH47SE001	31211027572	Nguyễn Tiến	Dũng	7.5		8		8	8	
42	21	DH47SE001	31211024624	Lã Văn	Hà	9		8		6	8	
43	21	DH47SE001	31211027577	Nguyễn Đức	Hậu	6.5		9		7	6.5	
44	21	DH47SE001	31211027578	Trần Minh	Hiếu	9		8		7	6.5	
45	21	DH47SE001	31211027585	Nguyễn Hữu	Khang	6.5		6.5		6	5.5	
46	21	DH47SE001	31211027586	Điều Chính	Khoa	10		9		6	8	
47	21	DH47SE001	31211020279	Phạm Nguyễn Chí	Khoa	8		9.5		8	6	
48	21	DH47SE001	31211027587	Nguyễn Việt	Khôi	7		7.5		7	6.5	
49	21	DH47SE001	31211027588	Phạm Minh	Khôi	9		8		6	8	
50	21	DH47SE001	31211027589	Vô Phạm Đức	Khôi	7		6		6.5	5.5	
51	21	DH47SE001	31211027590	Trần Hoàng	Kiệt	7.5		7		7	7	
52	21	DH47SE001	31211027592	Nguyễn Đức	Lâm	9		10		7.5	8	
53	21	DH47SE001	31211027593	Trần Văn	Lợi	7.5		8.5		6	7	
54	21	DH47SE001	31211027594	Lê Văn	Luân	8.5		9		6.5	7.5	
55	21	DH47SE001	31211027600	Nguyễn Tấn	Phát	6.5		6		8	7	
56	21	DH47SE001	31211027602	Nguyễn Nhựt	Phong	7.5		6		7	7.5	
57	21	DH47SE001	31211027604	Lê Duy	Phụng	7		9.5		6.5	7.5	
58	21	DH47SE001	31211021152	Đỗ Tạ Minh	Quân	4.5	5.5	7		5	6	
59	21	DH47SE001	31211027609	Nguyễn Tôn Minh	Quân	8.5		6.5		7.5	6.5	
60	21	DH47SE001	31211027614	Đặng Trí	Thành	7.5		8		6	6.5	
61	21	DH47SE001	31211027615	Nguyễn Tấn	Thành	7.5		9.5		8	8.5	
62	21	DH47SE001	31211021396	Dương Nguyễn Phướ	Thịnh	7.5		7		8.5	5.5	
63	21	DH47SE001	31211027616	Nguyễn Phước	Thịnh	7		4.5	9	5.5	5	
64	21	DH47SE001	31211027617	Lê Đình Duy	Thức	7		6		6.5	7	
65	21	DH47SE001	31211027622	Lưu Hoàng	Tú	7.5		6		6	ct	
66	21	DH47LM001	31211027691	Đỗ Quỳnh	An	8.5		9.5		7	7.5	
67	21	DH47LM001	31211027693	Đoàn Nhật	Ánh	10		10		7	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
68	21	DH47LM001	31211027715	Vương Thị Hoàng	Giang	9.5		9.5		6.5	7.5	
69	21	DH47LM001	31211027735	Liêu Ngọc	Hy	4.5	7.5	8		6	6.5	
70	21	DH47LM001	31211027751	Nguyễn Thị Trà	My	10		9		7	6	
71	21	DH47LM001	31211027756	Nguyễn Phương Thảo	Ngân	8.5		9		6	6.5	
72	21	DH47LM001	31211027764	Đoàn Thị Thanh	Nhã	10		9		6.5	8.5	
73	21	DH47LM001	31211027765	Cao Yến	Nhi	10		9.5		7.5	6	
74	21	DH47LM001	31211020742	Phạm Quỳnh	Như	10		8.5		8	6.5	
75	21	DH47LM001	31211027772	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	9.5		10		8	6	
76	21	DH47LM001	31211027782	Huỳnh Phương	Thảo	9		9		5.5	6.5	
77	21	DH47LM001	31211021550	Lê Ngọc Nam	Thi	7.5		6.5		6.5	7	
78	21	DH47LM001	31211021343	Phan Phương	Thi	9.5		7.5		8.5	6	
79	21	DH47LM001	31211027784	Trần Lê Quỳnh	Thi	8		7.5		8	7.5	
80	21	DH47LM001	31211027786	Nguyễn Lê Hoài	Thương	9.5		9.5		7	7	
81	21	DH47LM001	31211027787	Lê Nguyễn Kiều	Tiên	8.5		7.5		6.5	7	
82	21	DH47LM001	31211027790	Trương Thị Hương	Trà	9		10		7	7.5	
83	21	DH47LM001	31211023722	Bùi Thị Khánh	Trang	9		8		6.5	7.5	
84	21	DH47LM001	31211027803	Nguyễn Thị Tường	Vy	8.5		7.5		6.5	6.5	
85	21	DH47LM002	31211027120	Huỳnh Thị Vân	Anh	6		8		6	6.5	
86	21	DH47LM002	31211027698	Hoàng Thị Hải	Châu	9		9.5		5.5	6.5	
87	21	DH47LM002	31211027712	Phan Nguyễn Ngọc	Điệp	8		6.5		6.5	8	
88	21	DH47LM002	31211027718	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	9.5		10		8	7	
89	21	DH47LM002	31211027720	Võ Thụy Gia	Hậu	9.5		8		6.5	7	
90	21	DH47LM002	31211027722	Nguyễn Văn Thanh	Hiền	4	7.5	10		8.5	6.5	
91	21	DH47LM002	31211027724	Đặng Ngọc Minh	Hiếu	10		10		7.5	7.5	
92	21	DH47LM002	31211027725	Nguyễn Lê Hồng	Hiếu	9.5		10		8	7.5	
93	21	DH47LM002	31211027732	Lê Thị Mai	Hương	9.5		8.5		7.5	7	
94	21	DH47LM002	31211027742	Đỗ Thị Phương	Liên	9		8		8	6	
95	21	DH47LM002	31211027743	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	10		8.5		6.5	7.5	
96	21	DH47LM002	31211027745	Trần Thiên	Lý	9.5		9.5		7.5	8.5	
97	21	DH47LM002	31211027747	Ngô Tú	Minh	9.5		9.5		8	6.5	
98	21	DH47LM002	31211027754	Hoàng Thị Hằng	Nga	9		5.5		8	7.5	
99	21	DH47LM002	31211027755	Đỗ Thanh	Ngân	10		10		7.5	8	
100	21	DH47LM002	31211027759	Hồ Khánh	Ngọc	8		9		6	7	
101	21	DH47LM002	31211027761	Nguyễn Thảo	Nguyên	10		9.5		6	7	
102	21	DH47LM002	31211027762	Trương Ngọc Tú	Nguyên	10		8.5		7	6.5	
103	21	DH47LM002	31211027763	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	10		9.5		7	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
104	21	DH47LM002	31211027766	Ngô Thị Ngọc	Nhi	8.5		8.5		6	6	
105	21	DH47LM002	31211027771	Nguyễn Lê Lan	Phuong	9.5		9.5		7.5	8	
106	21	DH47LM002	31211027773	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	9.5		6.5		6.5	6.5	
107	21	DH47LM002	31211027774	Nguyễn Trần Cẩm	Quỳnh	7		4.5	9	5.5	6.5	
108	21	DH47LM002	31211027777	Đỗ Thị Thanh	Tâm	9.5		9.5		8	5	
109	21	DH47LM002	31211027781	Quách Trần Phương	Thanh	10		10		6	6.5	
110	21	DH47LM002	31211027802	Lại Hoàng Khánh	Vy	10		9		6.5	6.5	
111	21	DH47LM002	31211027804	Nguyễn Thị	Vy	10		10		7.5	6.5	
112	21	DH47LM002	31211027805	Ngô Ngọc Kim	Yến	8.5		9.5		7.5	6.5	
113	21	DH47SE001	31211021122	Châu Bảo	Hân	6.5		5.5		6.5	6.5	
114	21	DH47SE001	31211027576	Lê Gia	Hân	8		7.5		7	7	
115	21	DH47SE001	31211027597	Hồ Ngọc Yến	Nhi	7		7		6.5	7.5	
116	21	DH47SE001	31211020555	Lê Lâm Nguyệt	Nhi	9		7		7.5	8	
117	21	DH47SE001	31211020550	Trang Tú	Quân	9.5		9		7	7.5	
118	21	DH47SE001	31211027620	Lê Hoàng Khánh	Trân	8.5		6.5		7.5	7	
119	21	DH47SE001	31211027621	Hồ Cẩm	Tú	7		9		7	8	
120	21	DH47SE001	31211020590	Vũ Hồ Yến	Vy	9		9		6	6	
1	22	DH47MR001	31211022783	Phan Tuấn	Bình	9		8.5		6	7.5	
2	22	DH47MR001	31211024318	Lê Minh	Hiếu	10		9		9	6.5	
3	22	DH47MR001	31211024666	Phan Thế	Nghĩa	10		9.5		7.5	7.5	
4	22	DH47MR001	31211025949	Lê Hoàng	Phúc	9		8.5		7.5	7	
5	22	DH47MR001	31211022939	Từ Minh	Son	9.5		8		7.5	6	
6	22	DH47MR001	31211026825	Phạm Minh	Thắng	9		9		8	7.5	
7	22	DH47MR001	31211022793	Nguyễn Bảo	Trung	8.5		8.5		7	7.5	
8	22	DH47MR003	31211023869	Cao Minh	Đạt	8		8.5		7	8	
9	22	DH47MR003	31211024177	Quách Phú	Hào	10		9		6	7.5	
10	22	DH47MR003	31211025445	Nguyễn Tuấn	Hưng	6.5		3.5	9	6.5	8	
11	22	DH47MR003	31211026814	Tạ Minh	Hưng	9		8.5		8.5	8.5	
12	22	DH47MR003	31211024466	Trần Phi	Long	9.5		10		7	7.5	
13	22	DH47MR003	31211024651	Bùi Nhâm	Ngo	10		9		6	7.5	
14	22	DH47MR003	31211025034	Thạch Thái	Nguyên	6.5		6.5		6	7	
15	22	DH47MR003	31211024471	Nguyễn Huy	Phúc	8.5		8.5		7	6.5	
16	22	DH47MR003	31211023322	Nguyễn Minh	Việt	8		5		7	6.5	
17	22	DH47MR003	31211020788	Ngô Lê Hoàng	Vũ	10		9		6.5	7	
18	22	DH47VAC01	31211020229	Nguyễn Gia	Bảo	10		10		8	8.5	
19	22	DH47VAC01	31211020160	Nguyễn Thanh	Hiền	10		10		9.5	9.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
20	22	DH47VAC01	31211022670	Tất Cẩm	Hùng	8.5		9.5		6.5	6.5	
21	22	DH47VAC01	31211020492	Âu Thanh	Huy	10		9.5		6.5	7.5	
22	22	DH47VAC01	31211020255	Lê Viết Gia	Huy	9.5		9.5		7	8	
23	22	DH47VAC01	31211020260	Lâm Tuấn	Khang	6.5		8.5		6	6	
24	22	DH47MR001	31211023186	Nguyễn Thùy	An	9.5		8.5		7	6.5	
25	22	DH47MR001	31211020980	Đặng Trần Phương	Anh	10		10		7	8.5	
26	22	DH47MR001	31211025569	Hồ Thị Quỳnh	Anh	9		9		7.5	7.5	
27	22	DH47MR001	31211023479	Nông Thị Vân	Anh	10		9.5		8	8	
28	22	DH47MR001	31211021446	Tô Nguyễn Bảo	Châu	9.5		9.5		6.5	6	
29	22	DH47MR001	31211026662	Lê Thị Xuân	Dung	KH		KH		kh	kh	
30	22	DH47MR001	31211022447	Nguyễn Thùy	Dung	6.5		4.5	7	8	6.5	
31	22	DH47MR001	31211024462	Phạm Lê	Duyên	10		10		7	8.5	
32	22	DH47MR001	31211023067	Trần Lê Ngân	Giang	10		10		7.5	8.5	
33	22	DH47MR001	31211024030	Phạm Ngân	Hà	9		9		6.5	6	
34	22	DH47MR001	31211022931	Nguyễn Hiếu	Hằng	8.5		8.5		7	7	
35	22	DH47MR001	31211022450	Trương Nguyễn Khải Hoài		10		9		6.5	6.5	
36	22	DH47MR001	31211020743	Lê Mai	Hương	9.5		8.5		6.5	6	
37	22	DH47MR001	31211023219	Lê Nguyễn Thùy	Linh	9.5		8.5		6.5	6	
38	22	DH47MR001	31211024320	Nguyễn Lê Thanh	Lợi	9		10		9	9	
39	22	DH47MR001	31211025168	Nguyễn Hà Thảo	Ly	9		9		8	6.5	
40	22	DH47MR001	31211022785	Trần Khánh	Ly	10		8.5		7	6.5	
41	22	DH47MR001	31211024497	Vũ Lê	Minh	10		9		7	8.5	
42	22	DH47MR001	31211020751	Lê Hồ Tiểu	My	9.5		8.5		7.5	8	
43	22	DH47MR001	31211021051	Quách Thụy Hải	My	10		8.5		8	6.5	
44	22	DH47MR001	31211025449	Trương Thị Thảo	My	10		9.5		6.5	6.5	
45	22	DH47MR001	31211025943	Nguyễn Ngọc Thảo	Ngân	9.5		9		6	7	
46	22	DH47MR001	31211020026	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	8		6.5		7	6.5	
47	22	DH47MR001	31211026412	Nguyễn Phương Bảo Ngọc		9		7.5		6.5	7.5	
48	22	DH47MR001	31211020756	Nguyễn Hoàng Khánh Nguyên		9		9		8.5	7.5	
49	22	DH47MR001	31211022787	Huỳnh Ngọc An	Nhi	8.5		9		7.5	8	
50	22	DH47MR001	31211024178	Ngô Xuân Thảo	Nhi	6.5		8.5		6	8	
51	22	DH47MR001	31211020762	Vũ Bích	Phương	8.5		9		7	8	
52	22	DH47MR001	31211024033	Nguyễn Thị Thanh	Quy	9		9.5		6	8	
53	22	DH47MR001	31211022452	Trần Thị Diễm	Quỳnh	7.5		6.5		7.5	5.5	
54	22	DH47MR001	31211020765	Trần Thị Như	Quỳnh	6.5		8.5		5	6	
55	22	DH47MR001	31211023488	Nguyễn Lan	Thanh	10		8.5		6	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
56	22	DH47MR001	31211026639	Lương Phương	Thảo	8		9		8	6.5	
57	22	DH47MR001	31211023874	Hoàng Vũ Minh	Thu	7		7.5		8.5	7	
58	22	DH47MR001	31211020773	Dương Bảo	Thư	9		10		8	8.5	
59	22	DH47MR001	31211022454	Hồ Nguyễn Quỳnh	Trang	8.5		7.5		7	6.5	
60	22	DH47MR001	31211020778	Lê Thùy	Trang	10		10		7.5	7	
61	22	DH47MR001	31211026829	Hồ Ngọc Thanh	Tuyền	8.5		8.5		7	7.5	
62	22	DH47MR001	31211023437	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	10		9		8.5	6.5	
63	22	DH47MR001	31211020787	Phạm Chúc	Tuyền	9		9.5		6	8.5	
64	22	DH47MR001	31211022360	Lê Thị Mỹ	Uyên	10		9		6.5	6.5	
65	22	DH47MR001	31211024951	Nguyễn Thị Thanh	Vân	8		9.5		5	7	
66	22	DH47MR001	31211020792	Nguyễn Thị Tường	Vy	9.5		10		6	7.5	
67	22	DH47MR003	31211020724	Nguyễn Phạm Thuý	An	7.5		5.5		8.5	7	
68	22	DH47MR003	31211026327	Lê Thị Vân	Anh	8		8.5		7	6.5	
69	22	DH47MR003	31211027017	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	9.5		10		5.5	6	
70	22	DH47MR003	31211020729	Nguyễn Thị Thu	Băng	KH		KH		kh	kh	
71	22	DH47MR003	31211022580	Nguyễn Thái Thảo	Bích	6.5		9		7	6.5	
72	22	DH47MR003	31211027109	Trần Ánh Quí	Dương	10		10		8	7	
73	22	DH47MR003	31211026328	Trần Kỳ	Duyên	5.5		6		6.5	8	
74	22	DH47MR003	31211020733	Phạm Ngân	Hà	10		8.5		8.5	7	
75	22	DH47MR003	31211024464	Phạm Ngọc Như	Hân	7.5		8.5		5.5	6.5	
76	22	DH47MR003	31211026528	Nguyễn Tô Thúy	Hằng	10		9		8.5	2	
77	22	DH47MR003	31211022449	Trần Thanh	Hoa	8.5		9		8	7	
78	22	DH47MR003	31211020737	Tài Sĩ	Học	7.5		7		6	6	
79	22	DH47MR003	31211020739	Trương Khả	Hồng	9.5		6.5		7	7.5	
80	22	DH47MR003	31211023482	Danh Trần Thanh	Hương	9		10		8	7	
81	22	DH47MR003	31211027289	Nguyễn Thị	Hường	5.5		8.5		7	8	
82	22	DH47MR003	31211023287	Bùi Lê Khánh	Huyền	9		9.5		6.5	7.5	
83	22	DH47MR003	31211025195	Nguyễn Kim	Khánh	7		8		6	5	
84	22	DH47MR003	31211024031	Nguyễn Võ Phi	Lam	7.5		8		8	6.5	
85	22	DH47MR003	31211023619	Nguyễn Thị Thùy	Linh	6		10		8.5	8.5	
86	22	DH47MR003	31211020750	Vòng Khánh	Linh	9.5		9		6	6	
87	22	DH47MR003	31211020754	Tiền Minh	Ngọc	10		9.5		6	6.5	
88	22	DH47MR003	31211027153	Trương Ngọc	Ngọc	3	7	9		8	8	
89	22	DH47MR003	31211020757	Lư Xuân	Nhi	10		9.5		8.5	6.5	
90	22	DH47MR003	31211020759	Trần Bảo	Nhi	9.5		9.5		6.5	6	
91	22	DH47MR003	31211026739	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	9		8		7.5	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
92	22	DH47MR003	31211024470	Nông Thị	Nhung	10		9.5		6	6	
93	22	DH47MR003	31211020760	Phạm Kim	Phát	6		8		7.5	7	
94	22	DH47MR003	31211027045	Huỳnh Diễm	Quỳnh	9.5		9.5		7.5	7	
95	22	DH47MR003	31211027226	Huỳnh Lê Như	Quỳnh	7.5		9		8	6.5	
96	22	DH47MR003	31211020519	Trần Lê Thúy	Quỳnh	8		6.5		6	5.5	
97	22	DH47MR003	31211026413	Lâm Thị Ngọc	Thanh	7.5		9		6.5	6.5	
98	22	DH47MR003	31211025573	Diệp Phương	Thùy	6.5		6		5	6.5	
99	22	DH47MR003	31211025199	Bùi Võ Thủy	Tiên	9		10		6.5	6.5	
100	22	DH47MR003	31211027174	Lê Thị Mỹ	Tiên	9		10		8.5	8.5	
101	22	DH47MR003	31211026634	Trần Võ Thanh	Trúc	9		10		8	6.5	
102	22	DH47MR003	31211026100	Châu Thị Khả	Tú	10		10		6.5	7.5	
103	22	DH47MR003	31211025952	Đào Thị Ngọc	Tuyền	9		9.5		6.5	7.5	
104	22	DH47MR003	31211023727	Nguyễn Ngọc Phươn	Vy	10		10		7.5	7.5	
105	22	DH47MR003	31211020791	Nguyễn Thị Trúc	Vy	9		8.5		7.5	6.5	
106	22	DH47MR003	31211024952	Nguyễn Tường	Vy	6.5		8		6.5	7	
107	22	DH47MR003	31211026911	Hong Ngọc	Yến	8		10		8.5	6	
108	22	DH47VAC01	31211020586	Tôn Hoàng Quỳnh	Anh	9		9.5		5.5	8.5	
109	22	DH47VAC01	31211023973	Đặng Thu	Hà	9.5		9.5		6.5	7.5	
110	22	DH47VAC01	31211024410	Lê Ngọc	Hiền	4.5	7.5	6.5		5.5	5.5	
111	22	DH47VAC01	31211022990	Lại Tuệ	Tâm	9.5		9.5		7.5	6	
112	22	DH47VAC01	31211025378	Nguyễn Lê Thi	Thi	8		10		7.5	6.5	
1	23	DH47PM001	31211026077	Phạm Thế	Chính	5.5		8		5.5	8	
2	23	DH47PM001	31211024132	Lưu Phạm Hoài	Đức	7		9.5		6	8	
3	23	DH47PM001	31211022202	Trần Trí	Dũng	9		9		5.5	6	
4	23	DH47PM001	31211022203	Lê Tiến	Duy	6.5		8.5		5.5	5.5	
5	23	DH47PM001	31211022204	Trần Thanh	Giang	8.5		6.5		5.5	7	
6	23	DH47PM001	31211022209	Huỳnh Gia	Huy	6.5		8		5.5	5	
7	23	DH47PM001	31211024264	Bùi Tuấn	Kiệt	8.5		8.5		5.5	7	
8	23	DH47PM001	31211025325	Trần Vĩnh	Kỳ	9		6.5		5	5	
9	23	DH47PM001	31211023411	Nguyễn Tấn	Lộc	6		9		5	6	
10	23	DH47PM001	31211023410	Đỗ Gia	Long	7		9.5		8	7.5	
11	23	DH47PM001	31211024878	Nguyễn Quốc	Long	7		7.5		6.5	5	
12	23	DH47PM001	31211024592	Nguyễn Vũ Hoàng	Long	9.5		7.5		5	6	
13	23	DH47PM001	31211024593	Lê Nam	Phong	6		7.5		5	6.5	
14	23	DH47PM001	31211022241	Nguyễn Lê Nguyên	Phú	7.5		6.5		7	5	
15	23	DH47PM001	31211022242	Nguyễn Minh	Phú	8.5		5.5		6.5	5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
16	23	DH47PM001	31211022254	Trần Châu	Thanh	7		9.5		6	5.5	
17	23	DH47PM002	31211023158	Nguyễn Đoàn Vĩ	Ân	7.5		9.5		7.5	5	
18	23	DH47PM002	31211022905	Tào Đức	Anh	4	6.5	7		6	7	
19	23	DH47PM002	31211022189	Dương Minh	Bảo	7.5		7		6	5	
20	23	DH47PM002	31211025860	Đoàn Khánh	Duy	7.5		8.5		5.5	6.5	
21	23	DH47PM002	31211022402	Võ Thanh	Giang	8.5		7.5		6.5	5.5	
22	23	DH47PM002	31211022229	Đặng Hoài	Nam	5.5		5.5		6	7	
23	23	DH47PM002	31211022231	Lê Đại	Nghĩa	7		5		5.5	6	
24	23	DH47PM002	31211025328	Vũ Văn Anh	Nghĩa	8.5		8.5		6.5	7	
25	23	DH47PM002	31211025699	Nguyễn Ngọc	Nhật	9		10		7	5.5	
26	23	DH47PM002	31211023967	Hồ Đắc	Phong	10		10		7	8.5	
27	23	DH47PM002	31211022243	Nguyễn Đức	Phúc	9		9		6.5	7	
28	23	DH47PM002	31211022248	Lý Hoàng Minh	Quân	7.5		6		6	6	
29	23	DH47PM002	31211022965	Phạm Minh	Quý	6.5		5.5		5.5	6	
30	23	DH47PM002	31211022250	Phạm Cao	Son	10		10		6.5	8.5	
31	23	DH47PM002	31211022908	Lê Minh	Trung	7		8		5.5	5	
32	23	DH47SE002	31211027570	Lê Phước	Bin	7.5		4	9.5	6	7.5	
33	23	DH47SE002	31211027571	Bùi Thanh	Bình	8.5		4	8.5	7	6	
34	23	DH47SE002	31211027574	Trần Thành	Đạt	9		6.5		8.5	7.5	
35	23	DH47SE002	31211027575	Thân Trọng	Đức	6.5		6		7	6.5	
36	23	DH47SE002	31211027573	Lê Công	Dụng	8		9.5		7	5	
37	23	DH47SE002	31211023066	Lê Công	Hiếu	8		9.5		8	6.5	
38	23	DH47SE002	31211027579	Nguyễn Trọng	Hùng	10		6		6.5	6	
39	23	DH47SE002	31211027583	Đoàn Trần Phú	Hưng	KH		KH		kh	kh	
40	23	DH47SE002	31211027580	Nguyễn Lương Đức	Huy	9.5		5.5		8	6	
41	23	DH47SE002	31211027581	Trần Lê	Huy	9		6		7	7.5	
42	23	DH47SE002	31211027582	Trương Nhật	Huy	8.5		4	8	7	7.5	
43	23	DH47SE002	31211027584	Lê Bá	Kha	5.5		7.5		7	8	
44	23	DH47SE002	31211027591	Lương Tích	Kim	9.5		10		7.5	7.5	
45	23	DH47SE002	31211027202	Lê Đức	Long	10		10		6.5	7.5	
46	23	DH47SE002	31211027595	Nguyễn Đức Tuấn	Minh	7		6.5		7	7	
47	23	DH47SE002	31211027598	Huỳnh Phương Than	Phát	6		5		6.5	7	
48	23	DH47SE002	31211027599	Lê Thành	Phát	8		7		6	6	
49	23	DH47SE002	31211027605	Nguyễn Hoàng	Phước	6		5.5		7.5	7	
50	23	DH47SE002	31211027608	Đào Trung	Quân	7		6		6	6.5	
51	23	DH47SE002	31211027610	Trịnh Hữu	Quân	7.5		7		7	8.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
52	23	DH47SE002	31211027606	Nguyễn Thanh	Quang	5.5		5.5		7.5	5.5	
53	23	DH47SE002	31191027294	Đỗ Thanh	Son	8		6.5		6.5	6.5	
54	23	DH47SE002	31211027611	Mai Công	Son	7.5		6.5		5.5	6.5	
55	23	DH47SE002	31211027612	Nguyễn Thành	Tâm	8		5		7	6	
56	23	DH47SE002	31211027613	Bùi Minh	Tân	8.5		7		8	6.5	
57	23	DH47SE002	31211025134	Lê Quốc	Thịnh	7		6		7	7	
58	23	DH47SE002	31211027618	Huỳnh Văn	Tiến	9.5		9		7	6.5	
59	23	DH47SE002	31211027619	Nguyễn Đặng Minh	Toàn	8		7		6	8	
60	23	DH47SE002	31211027623	Võ Hoàng	Tú	8		7.5		5.5	6.5	
61	23	DH47SE002	31211027624	Trần Văn	Tuấn	9.5		9		7	7	
62	23	DH47SE002	31211027625	Lê Đình Nhất	Vũ	9		7.5		7.5	8	
63	23	DH47PM001	31211026379	Lê Nguyễn Thái	Ân	8.5		8		6.5	6	
64	23	DH47PM001	31211022194	Nguyễn Thị Kim	Chi	7		9		7	6	
65	23	DH47PM001	31211022198	Nguyễn Hạnh	Dung	7		8.5		7.5	6	
66	23	DH47PM001	31211022200	Nguyễn Thị Thùy	Dung	7.5		6.5		7	6	
67	23	DH47PM001	31211022206	Nguyễn Bảo Gia	Hân	7.5		9		6.5	6.5	
68	23	DH47PM001	31211022205	Phạm Thị Minh	Hằng	9		7.5		7	6.5	
69	23	DH47PM001	31211024917	Lê Thị Mỹ	Hoài	5.5		5		7	5.5	
70	23	DH47PM001	31211022211	Thái Minh	Hương	6.5		6		7	6	
71	23	DH47PM001	31211025326	Nguyễn Trương Yên	Lam	8.5		7		7	8	
72	23	DH47PM001	31211022906	Nguyễn Thị Yên	Linh	8.5		7		8.5	8	
73	23	DH47PM001	31211022963	Võ Huỳnh Trúc	Linh	8		6		7	6	
74	23	DH47PM001	31211020646	Nguyễn Ngọc	Minh	9.5		8.5		7	7.5	
75	23	DH47PM001	31211022226	Vân Ngọc	My	6.5		6		7	6	
76	23	DH47PM001	31211022230	Nguyễn Trần Tuyết	Ngân	7		6		6	7	
77	23	DH47PM001	31211022234	Bùi Ngọc Đan	Nhi	6.5		5.5		7	6.5	
78	23	DH47PM001	31211026270	Giang Nguyễn Huỳnh	Như	10		10		8	7.5	
79	23	DH47PM001	31211024134	Nguyễn Cẩm	Nhung	9		6.5		5.5	5.5	
80	23	DH47PM001	31211020097	Đào Thị Thanh	Quý	7.5		5.5		5.5	6	
81	23	DH47PM001	31211022249	Phạm Thị Như	Quỳnh	6.5		5.5		5.5	6.5	
82	23	DH47PM001	31211023823	Nguyễn Hoàng Than	Tâm	8		6.5		6.5	7.5	
83	23	DH47PM001	31211024135	Trương Thị Phương	Thảo	8.5		3	9	6.5	7	
84	23	DH47PM001	31211023671	Hồ Thị Thiện	Thuận	8.5		6.5		5.5	7	
85	23	DH47PM001	31211022403	Trần Thị Hương	Trà	9.5		5		5	6.5	
86	23	DH47PM001	31211020703	Nguyễn Võ Ngọc	Trân	9		5.5		7.5	6.5	
87	23	DH47PM001	31211022259	Phan Ngọc	Trân	6.5		6.5		5.5	6.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
88	23	DH47PM001	31211023956	Nguyễn Thị Phương	Trang	8.5		9.5		8	7	
89	23	DH47PM001	31211022260	Lê Anh	Trí	9		5.5		6.5	7	
90	23	DH47PM001	31211024596	Ngô Phạm Thủy	Trúc	8		10		6.5	7	
91	23	DH47PM001	31211022264	Hoàng Ngọc Phương	Uyên	9.5		7		6.5	7	
92	23	DH47PM001	31211023412	Nguyễn Lê Khánh	Vy	9.5		5.5		6	5.5	
93	23	DH47PM001	31211022619	Nguyễn Tô Khánh	Vy	8		5.5		5	6	
94	23	DH47PM001	31211022404	Lý Tú	Xương	7		6		7	6.5	
95	23	DH47PM002	31211025698	Nguyễn Ngọc Bảo	Ân	7.5		6		7	6	
96	23	DH47PM002	31211020093	Đổng Kim Ngọc	Ảnh	5		8		7	6	
97	23	DH47PM002	31211022190	Hà Thị	Châm	8		8		6.5	6	
98	23	DH47PM002	31211022192	Đỗ Thị Minh	Châu	9.5		8		7	5	
99	23	DH47PM002	31211022193	Văn Huyền	Châu	6		7		5.5	5	
100	23	DH47PM002	31211026618	Trần Thị Linh	Chi	9		9		6.5	6.5	
101	23	DH47PM002	31211022208	Lương Nhật	Hiền	7.5		6		7.5	5.5	
102	23	DH47PM002	31211026717	Huỳnh Thị Tuyết	Hồng	7.5		8		7	6	
103	23	DH47PM002	31211022215	Nguyễn Thị Mộng	Lành	8.5		8		7	5.5	
104	23	DH47PM002	31211022217	Phạm Nữ Bảo	Linh	6.5		6.5		7.5	8	
105	23	DH47PM002	31211025861	Trần Nguyễn Ngọc	Linh	8		8.5		7	6	
106	23	DH47PM002	31211026380	Hoàng Thủy Minh	Mến	8.5		8		6	6	
107	23	DH47PM002	31211022227	Võ Vy	Na	8.5		9.5		6.5	6	
108	23	DH47PM002	31211026389	Trần Thị Mỹ	Ngân	7.5		9.5		7	5	
109	23	DH47PM002	31211022235	Bùi Thị	Nhi	8		8		7.5	7	
110	23	DH47PM002	31211020095	Trần Lê Uyên	Nhi	7		8		7.5	8	
111	23	DH47PM002	31211025135	Nguyễn Mai	Như	8.5		7.5		6	7	
112	23	DH47PM002	31211022238	Phan Nguyễn Phương	Nhung	5.5		7.5		7.5	6	
113	23	DH47PM002	31211022244	Nguyễn Hồng	Phúc	8.5		10		9	6	
114	23	DH47PM002	31211024397	Bùi Lê Thùy Lam	Phương	8		8		7	6	
115	23	DH47PM002	31211020096	Lê Hồ Quế	Phương	6.5		7		5.5	7	
116	23	DH47PM002	31211022247	Trần Thảo	Phương	9		6.5		7.5	8.5	
117	23	DH47PM002	31211022253	Trần Thị Kim	Sương	9.5		9.5		7	7	
118	23	DH47PM002	31211020432	Đào Phương	Thư	10		9.5		9.5	8	
119	23	DH47PM002	31211023589	Lý Kim	Thùy	KH		KH		kh	kh	
120	23	DH47PM002	31211022256	Trà Thanh	Tiên	7.5		7.5		8	5	
121	23	DH47PM002	31211022262	Phan Đăng Thục	Trình	6		6		5.5	6.5	
122	23	DH47PM002	31211023245	Phạm Phương	Uyên	8		5.5		6	6.5	
123	23	DH47PM002	31211025089	Ngô Khánh	Vân	10		4.5	8	7	5.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
124	23	DH47PM002	31211022909	Nguyễn Tường	Vi	6		5		5	5	
125	23	DH47PM002	31211026124	Dương Thị Thúy	Vy	6.5		7.5		6	5.5	
126	23	DH47SE002	31211025765	Dương Khả	Minh	8		9		8	7.5	
127	23	DH47SE002	31211027596	Nguyễn Thị Thúy	Nga	9.5		9		8.5	6	
1	24	DH47FNC05	31211024188	Phạm Gia	Bảo	8		7		6.5	7	
2	24	DH47FNC05	31211022828	Tô Nguyễn Minh	Đạt	9.5		9		7	7	
3	24	DH47FNC05	31211021284	Nguyễn Đức Khánh	Hoàng	8.5		7.5		7	8.5	
4	24	DH47FNC05	31211023134	Nguyễn Đại	Long	7.5		8		6	8.5	
5	24	DH47FNC05	31211026022	Bùi Đăng	Minh	9		10		7.5	8.5	
6	24	DH47FNC05	31211023377	Lê Đức Cao	Minh	7		7		6.5	7.5	
7	24	DH47FNC05	31211025828	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	7.5		6.5		5.5	7	
8	24	DH47FNC05	31211020451	Nguyễn Hồ Hữu	Phúc	9		8.5		5	7	
9	24	DH47FNC05	31211026028	Phạm Hữu	Phúc	9		8.5		6.5	7	
10	24	DH47FNC05	31211025668	Nguyễn Hoàng	Quân	7.5		8		6.5	7	
11	24	DH47FNC05	31211025204	Phan Minh	Quang	9.5		6.5		6	8	
12	24	DH47FNC05	31211023706	Châu Hoàng Chí	Tôn	8.5		9.5		7	7	
13	24	DH47FNC05	31211021535	Trần Thanh	Tùng	6.5		7		7.5	6.5	
14	24	DH47FNC05	31211021542	Lê Trung	Việt	9		6.5		7	6.5	
15	24	DH47FNC05	31211021544	Đặng Quốc	Vinh	10		8		8	6	
16	24	DH47FNC07	31211026007	Phạm Quốc	An	7.5		8.5		8.5	6	
17	24	DH47FNC07	31211023600	Hoàng Nguyên	Bình	8		7.5		7	6	
18	24	DH47FNC07	31211021243	Lê Quang	Đại	7.5		4.5	6	6.5	6.5	
19	24	DH47FNC07	31211023904	Phạm Hữu	Định	10		10		7	6.5	
20	24	DH47FNC07	31211026977	Nguyễn Hoàng	Đức	7		8		6	7	
21	24	DH47FNC07	31211022502	Dương Quang	Khôi	9.5		8.5		6	7	
22	24	DH47FNC07	31211026203	Nguyễn Tuấn	Khôi	6		5		6	5.5	
23	24	DH47FNC07	31211025538	Hồ Gia	Kiệt	10		9		7	8	
24	24	DH47FNC07	31211021435	Phạm Minh	Quân	8.5		5		6	7	
25	24	DH47FNC07	31211021508	Nguyễn Minh	Trí	7.5		6.5		6.5	7	
26	24	DH47FNC07	31211020903	Trương Đình Anh	Tú	9		8		6.5	5.5	
27	24	DH47IBC06	31211020035	Phạm Văn	Tuyển	9		8.5		8	7.5	
28	24	DH47IBC06	31211020419	Huỳnh Gia	Bảo	9.5		7		7	8.5	
29	24	DH47IBC06	31211020859	Lê Dương Hữu	An	8		8		6.5	6	
30	24	DH47IBC06	31211020886	Ngô Minh	Chung	9.5		10		7.5	6	
31	24	DH47IBC06	31211020898	Vũ Tiến	Đạt	6.5		8		6.5	7.5	
32	24	DH47IBC06	31211020957	Trần Minh	Phú	10		9		7.5	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
33	24	DH47IBC06	31211023109	Phạm Thanh	Nguyên	6		8.5		6.5	7.5	
34	24	DH47IBC06	31211023201	Hầu Quốc	Thái	6		6		7	5.5	
35	24	DH47IBC06	31211023702	Nguyễn Lê Đăng	Nguyên	9.5		8.5		8	6.5	
36	24	DH47IBC06	31211023864	Nguyễn Gia Nhật	Trường	8		9		6.5	8	
37	24	DH47IBC06	31211024336	Nguyễn Tiến Tường	Quân	8		6.5		7	7.5	
38	24	DH47IBC06	31211024658	Lưu Trọng	Nghĩa	7.5		8.5		7.5	6.5	
39	24	DH47FNC05	31211026301	Lâm Lê Duy	Ái	7.5		5.5		8.5	8	
40	24	DH47FNC05	31211021183	Nguyễn Thanh	An	9.5		10		8	7.5	
41	24	DH47FNC05	31211026278	Phạm Ngọc Chiêu	Anh	7		6.5		6	5.5	
42	24	DH47FNC05	31211021229	Nguyễn Ngọc	Dung	10		8		7	9	
43	24	DH47FNC05	31211024967	Nguyễn Thúy	Hà	9		9.5		5.5	5.5	
44	24	DH47FNC05	31211025069	Phạm Nguyễn Nhã	Hân	7		8		7	6.5	
45	24	DH47FNC05	31211021059	Phan Thị Quỳnh	Hương	9		9.5		7.5	6.5	
46	24	DH47FNC05	31211020862	Trương Trần Vân	Hương	9.5		9.5		7	6	
47	24	DH47FNC05	31211023749	Hồ Ngọc Mi	Kha	10		10		6.5	7	
48	24	DH47FNC05	31211022710	Nguyễn Diệu	Linh	9		9.5		8	5.5	
49	24	DH47FNC05	31211021331	Nguyễn Thảo	Ly	8.5		6		6	5.5	
50	24	DH47FNC05	31211023376	Trần Nguyễn Phương	Mai	9.5		9.5		7	5.5	
51	24	DH47FNC05	31211025651	Phạm Trần Dung	Nghi	9.5		9.5		8	5	
52	24	DH47FNC05	31211020381	Trương Gia	Nghi	9		5		8	6.5	
53	24	DH47FNC05	31211025654	Bùi Hồng	Ngọc	8		10		6.5	6.5	
54	24	DH47FNC05	31211026209	Hồ Hồng	Ngọc	10		9.5		8	7	
55	24	DH47FNC05	31211026026	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên	5.5		7		6.5	6.5	
56	24	DH47FNC05	31211026211	Nguyễn Thảo	Nguyên	9		9		7.5	7.5	
57	24	DH47FNC05	31211021380	Trần Thị Ái	Nhân	8.5		10		7	7	
58	24	DH47FNC05	31211023917	Lê Kiều Khả	Nhi	9		10		7.5	7.5	
59	24	DH47FNC05	31211023743	Lê Ngọc Linh	Nhi	7.5		8.5		7.5	6.5	
60	24	DH47FNC05	31211020109	Nguyễn Lã Nhật	Quỳnh	7.5		9.5		7	6.5	
61	24	DH47FNC05	31211024450	Vô Thị Thanh	Tâm	9		8		6.5	7.5	
62	24	DH47FNC05	31211025878	Lê Phương	Thảo	9.5		9.5		7.5	6.5	
63	24	DH47FNC05	31211021483	Lâm Anh	Thư	9.5		9.5		8	7	
64	24	DH47FNC05	31211020364	Lê Vũ Anh	Thư	8.5		10		8	6.5	
65	24	DH47FNC05	31211026688	Ngô Minh	Thư	7.5		7		6.5	6	
66	24	DH47FNC05	31211021552	Tôn Nữ Quỳnh	Vy	8.5		9		6.5	6.5	
67	24	DH47FNC05	31211024499	Trần Thị Như	Ý	7		9		7.5	7.5	
68	24	DH47FNC05	31211021557	Hà Hải	Yến	7.5		8.5		7.5	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
69	24	DH47FNC05	31211024982	Võ Ngọc	Yến	10		10		7.5	7	
70	24	DH47FNC07	31211023350	Lê Thị	An	8		6.5		7.5	6.5	
71	24	DH47FNC07	31211025824	Bùi Nguyễn Quỳnh	Anh	8.5		4	6.5	7.5	6.5	
72	24	DH47FNC07	31211022696	Nguyễn Minh	Anh	7.5		7.5		8	7.5	
73	24	DH47FNC07	31211023020	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	6		10		5.5	5.5	
74	24	DH47FNC07	31211025482	Dương Mỹ	Duyên	7.5		9		6	7	
75	24	DH47FNC07	31211021235	Mai Thị	Duyên	9.5		9		6.5	7.5	
76	24	DH47FNC07	31211026861	Đặng Hương	Giang	9		10		5.5	5	
77	24	DH47FNC07	31211021263	Trần Thị Ngọc	Hà	9.5		10		8	6	
78	24	DH47FNC07	31211022369	Đinh Thị Nguyệt	Hằng	9.5		8		6	8	
79	24	DH47FNC07	31211024084	Nguyễn Thanh	Huyền	9.5		10		8	7.5	
80	24	DH47FNC07	31211026200	Nguyễn Thị Thu	Huyền	8.5		6.5		7.5	7.5	
81	24	DH47FNC07	31211020050	Hồ Thị Ngọc	Lan	9.5		8.5		5.5	7.5	
82	24	DH47FNC07	31211022503	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	7.5		6.5		8	8	
83	24	DH47FNC07	31211024813	Vũ Thị Thảo	Minh	8.5		9.5		6	7.5	
84	24	DH47FNC07	31211021346	Nguyễn Thu Thảo	My	8		9		6.5	5.5	
85	24	DH47FNC07	31211023029	Trần Võ Gia	Mỹ	7.5		9.5		6	5	
86	24	DH47FNC07	31211024226	Lê Kim	Ngân	8.5		9.5		6.5	7	
87	24	DH47FNC07	31211025650	Phạm Đoàn Vĩnh	Nghi	6.5		8.5		7	7	
88	24	DH47FNC07	31211026025	Phan Vĩnh	Nghi	10		10		7.5	8	
89	24	DH47FNC07	31211025062	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	8.5		9		9.5	8.5	
90	24	DH47FNC07	31211021390	Lê Thị Khánh	Nhi	9		7		7.5	7	
91	24	DH47FNC07	31211026360	Nguyễn Hồng	Nhung	8.5		7		8	8	
92	24	DH47FNC07	31211024906	Giảng Mỹ	Phụng	9		6.5		7.5	8	
93	24	DH47FNC07	31211026363	Bùi Hồng Minh	Phương	9		8.5		8	5.5	
94	24	DH47FNC07	31211022695	Vương Hạnh	Phương	10		10		8	7	
95	24	DH47FNC07	31211026851	Âu Như	Quỳnh	10		10		7	7.5	
96	24	DH47FNC07	31211024099	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	10		9.5		8	5.5	
97	24	DH47FNC07	31211025673	Bùi Xuân	Thanh	9		6.5		7	8	
98	24	DH47FNC07	31211021454	Trịnh Nguyễn Thúy	Thanh	7.5		7.5		7.5	7.5	
99	24	DH47FNC07	31211025975	Bùi Thị Thanh	Thảo	5.5		6.5		5	6	
100	24	DH47FNC07	31211024530	Nguyễn Minh	Thư	10		9.5		7	7	
101	24	DH47FNC07	31211025833	Lâm Mẫn	Thy	10		10		7	6.5	
102	24	DH47FNC07	31211024234	Huỳnh Phương	Trang	6.5		6		6.5	6.5	
103	24	DH47FNC07	31211021527	Nguyễn Bảo	Truyền	8		5.5		7.5	5.5	
104	24	DH47FNC07	31211025500	Trương Thị Ngọc	Tú	5.5		6		6	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
105	24	DH47FNC07	31211024235	Dương Quách Ái	Vy	8.5		8		7	6	
106	24	DH47FNC07	31211021555	Cáp Hoàng Thanh	Xuân	10		10		7	7.5	
107	24	DH47IBC06	31211020891	Võ Khánh	Dung	9.5		8.5		6	7	
108	24	DH47IBC06	31211020893	Trần Mai	Duyên	9.5		9		7.5	7.5	
109	24	DH47IBC06	31211020948	Ngô Thị Kiều	Mi	9.5		9		7	6.5	
110	24	DH47IBC06	31211020950	Hồ Trương Hà	My	8		6		5	6.5	
111	24	DH47IBC06	31211020959	Huỳnh	Ngọc	8.5		9		8.5	5.5	
112	24	DH47IBC06	31211020966	Hứa Thị Thanh	Nhàn	7		8.5		6.5	7	
113	24	DH47IBC06	31211020970	Hoàng Yến	Nhi	7.5		7.5		7	7	
114	24	DH47IBC06	31211020997	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	7.5		5.5		6.5	7	
115	24	DH47IBC06	31211021015	Huỳnh Phùng Phươn	Trâm	6.5		4	6	7	5	
116	24	DH47IBC06	31211022474	Hoàng Bảo	Tâm	10		10		8.5	5.5	
117	24	DH47IBC06	31211022642	Phan Lê Huyền	Nhi	10		6.5		8	7.5	
118	24	DH47IBC06	31211022935	Huỳnh Từ Nhã	Lam	9.5		8.5		5.5	6	
119	24	DH47IBC06	31211023306	Ngô Thị Mỹ	Linh	9.5		6.5		8	7.5	
120	24	DH47IBC06	31211023314	Trần Thảo	Uyên	9.5		8.5		6	6	
121	24	DH47IBC06	31211023628	Doãn Hà	Vy	10		9		6	7	
122	24	DH47IBC06	31211023740	Bùi Nguyễn Anh	Minh	9.5		6.5		7.5	7	
123	24	DH47IBC06	31211023911	Lê Nguyễn Minh	Tâm	9.5		9.5		7	6	
124	24	DH47IBC06	31211024193	Văn Minh	Nguyệt	10		9		6.5	7	
125	24	DH47IBC06	31211024465	Trần Thị Thúy	Hằng	7.5		5		7.5	7	
1	25	DH47FNC06	31211023068	Bùi Tuấn	Anh	10		10		7.5	8.5	
2	25	DH47FNC06	31211021068	Hoàng Đức	Anh	9.5		9		7.5	6	
3	25	DH47FNC06	31211026194	Đặng Ngọc	Bảo	7.5		10		8	7	
4	25	DH47FNC06	31211023362	Ngô Trọng	Đức	7.5		9		8	5	
5	25	DH47FNC06	31211021252	Nguyễn Danh	Đức	9.5		9		7	5.5	
6	25	DH47FNC06	31211021239	Lê Quý	Dương	9.5		8		8	5.5	
7	25	DH47FNC06	31211026357	Nguyễn Thái Hoàng	Gia	8.5		7		8	6	
8	25	DH47FNC06	31211020505	Trần Đức Vĩnh	Liêm	7		8.5		8.5	6.5	
9	25	DH47FNC06	31211025257	Trần Hồ Đức	Mạnh	10		10		6.5	5.5	
10	25	DH47FNC06	31211020786	Hoàng Lê Trí	Nguyên	9.5		9		8.5	7	
11	25	DH47FNC06	31211024094	Bùi Tấn	Phát	9.5		8.5		9	7.5	
12	25	DH47FNC06	31211021466	Đinh Bá	Thắng	9.5		9.5		7.5	7	
13	25	DH47FNC06	31211025072	Phạm Gia	Thịnh	9.5		8.5		7	6.5	
14	25	DH47FNC08	31211022568	Nguyễn Hoàng	Anh	9.5		10		5.5	6	
15	25	DH47FNC08	31211025826	Nguyễn Trọng	Bằng	9.5		9.5		8	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
16	25	DH47FNC08	31211026195	Lê Công Thanh	Bình	9		9		6	7	
17	25	DH47FNC08	31211025247	Nguyễn Tiến	Danh	8.5		9		7.5	8.5	
18	25	DH47FNC08	31211021246	Đỗ Thành	Đạt	8		8.5		7	7.5	
19	25	DH47FNC08	31211021250	Vô Tiến	Đạt	8		8.5		7	7	
20	25	DH47FNC08	31211023276	Trang Lê Minh	Hậu	9		6.5		9	8	
21	25	DH47FNC08	31211021292	Trần Khánh	Hung	8		9.5		6	7.5	
22	25	DH47FNC08	31211022372	Ngô Quốc	Khánh	9.5		9.5		6.5	6	
23	25	DH47FNC08	31211026176	Trần Đăng	Khoa	9		9		6.5	8	
24	25	DH47FNC08	31211021304	Phạm Nguyên	Khôi	9		9.5		7	8.5	
25	25	DH47FNC08	31211021306	Chu Nguyễn Bảo	Lâm	7		9		5.5	7	
26	25	DH47FNC08	31211024173	Lê Viết	Lộc	10		9		6	8	
27	25	DH47FNC08	31211025496	Mai Phùng Trung	Nguyên	6.5		10		8.5	8	
28	25	DH47FNC08	31211022731	Văn Sỹ Hoàng	Thái	9		5.5		6	6.5	
29	25	DH47FNC08	31211025498	Nguyễn Ngọc	Thành	8		9.5		7.5	8	
30	25	DH47FNC08	31211023033	Phạm Văn Trí	Thiện	10		10		5	7	
31	25	DH47FNC08	31211026036	Lê Văn	Việt	7.5		9.5		5.5	6.5	
32	25	DH47IBC04	31211020875	Bùi Quốc	Bảo	10		9.5		5	6.5	
33	25	DH47IBC06	31211024903	Đinh Việt	Hoàng	9		9.5		5.5	6.5	
34	25	DH47IBC06	31211025584	Tô Việt	Hoàng	6		8.5		6	7.5	
35	25	DH47IBC06	31211025604	Hoàng Huỳnh Thanh Tuấn		9		7.5		6.5	8	
36	25	DH47IBC06	31211025800	Lê Võ Đức	Dũng	5		6		6	8.5	
37	25	DH47IBC06	31211025804	Phạm Việt	Hoàng	6.5		3.5	9	5.5	7	
38	25	DH47IBC06	31211026540	Hồ Đắc Duy	Khánh	6.5		5.5		5	6	
39	25	DH47FNC06	31211022944	Nguyễn Thị Mỹ	An	9.5		9		7	7	
40	25	DH47FNC06	31211021187	Đỗ Thị Lan	Anh	9		7.5		7	8.5	
41	25	DH47FNC06	31211023353	Lê Thị Lan	Anh	7.5		6.5		7	7.5	
42	25	DH47FNC06	31211024236	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	9		8.5		7.5	6.5	
43	25	DH47FNC06	31211022495	Phạm Ngọc Kiều	Anh	7		7		7	5.5	
44	25	DH47FNC06	31211021200	Vũ Văn	Anh	7		8		6	8	
45	25	DH47FNC06	31211020115	Đoàn Nguyễn Ngọc	Bích	9.5		9.5		7.5	6	
46	25	DH47FNC06	31211027006	Mai Linh	Đan	6		7		7	5.5	
47	25	DH47FNC06	31211024216	Lê Thanh	Giàu	9.5		8		7.5	7.5	
48	25	DH47FNC06	31211024281	Trương Mỹ	Hà	8.5		7		9	6.5	
49	25	DH47FNC06	31211022498	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	9.5		5.5		8.5	6.5	
50	25	DH47FNC06	31211024217	Nguyễn Thị Mỹ	Hiệp	9.5		8.5		7.5	6	
51	25	DH47FNC06	31211025488	Nguyễn Thị Lê	Huyền	5.5		7.5		8.5	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
52	25	DH47FNC06	31211024221	Võ Thị Phương	Huyền	8		9		7	7	
53	25	DH47FNC06	31211022501	Lưu Thị Vy	Khanh	9		5.5		7.5	7	
54	25	DH47FNC06	31211023713	Lê Nguyễn Huyền	Mi	10		10		8.5	9.5	
55	25	DH47FNC06	31211021342	Trương Thị Ngọc	Minh	8		7		6.5	8	
56	25	DH47FNC06	31211025655	Trần Mỹ	Ngọc	9.5		7		7.5	6	
57	25	DH47FNC06	31211025258	Lộ Minh	Nguyệt	10		9.5		4.5	6	
58	25	DH47FNC06	31211023380	Nguyễn Trần Thị Thu	Nguyệt	9		6.5		7	6	
59	25	DH47FNC06	31211021382	Hà Bùi Yến	Nhi	8.5		5.5		6.5	6.5	
60	25	DH47FNC06	31211021393	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	7.5		6.5		7.5	6	
61	25	DH47FNC06	31211025260	Quản Huyền	Nhi	8.5		9.5		8.5	8.5	
62	25	DH47FNC06	31211025207	Tạ Thị Thanh	Nhi	8		7.5		7	5.5	
63	25	DH47FNC06	31211025662	Thiều Ngọc Yến	Nhi	9.5		9		6	7	
64	25	DH47FNC06	31211024051	Phan Lê Kim	Phương	8.5		9		6.5	8	
65	25	DH47FNC06	31211026157	Lôi Ngọc Phương	Quỳnh	8.5		7		7	6.5	
66	25	DH47FNC06	31211021484	Nguyễn Thị Anh	Thư	9.5		10		5.5	7	
67	25	DH47FNC06	31211024364	Nguyễn Phạm Ngọc	Trang	9.5		9		8.5	9	
68	25	DH47FNC06	31211021519	Đào Anh	Trúc	10		10		8	9.5	
69	25	DH47FNC06	31211021522	Nguyễn Thùy	Trúc	9		8.5		7.5	7	
70	25	DH47FNC06	31211026214	Phan Thị Kim	Tuyến	9		9.5		7	7.5	
71	25	DH47FNC06	31211024908	Bùi Lệ	Vi	9.5		7.5		7	7.5	
72	25	DH47FNC06	31211025074	Phạm Thị Yến	Vy	9		6.5		5	5.5	
73	25	DH47FNC06	31211026532	Phạm Tường	Vy	9.5		9.5		9	7.5	
74	25	DH47FNC08	31211026192	Trần Thị Thái	An	8.5		7		8	8.5	
75	25	DH47FNC08	31211021193	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	8.5		9		7	7	
76	25	DH47FNC08	31211023127	Nguyễn Lê Kim	Chi	6.5		9		5.5	7.5	
77	25	DH47FNC08	31211026964	Vũ Huyền	Diệu	7.5		4	8	7.5	6	
78	25	DH47FNC08	31211025624	Trần Nguyễn Thùy	Dung	8.5		9		7	7.5	
79	25	DH47FNC08	31211021147	Lê Lê Kiều	Giang	9		7.5		7	8	
80	25	DH47FNC08	31211023024	Phạm Nguyễn Thu	Hà	6.5		6.5		8	6	
81	25	DH47FNC08	31211025252	Đỗ Thị Thái	Hiền	KH		KH		kh	kh	
82	25	DH47FNC08	31211021278	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	10		8.5		7.5	6	
83	25	DH47FNC08	31211024310	Hoàng Lê Khánh	Huyền	7		4.5	9	6.5	7	
84	25	DH47FNC08	31211021300	Vũ Đình Mỹ	Khanh	9.5		7.5		9	7	
85	25	DH47FNC08	31211026021	Vũ Thị Ngọc	Linh	9		7.5		7	8.5	
86	25	DH47FNC08	31211021335	Đàm Diệp	Mi	9		8		7	6	
87	25	DH47FNC08	31211026579	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10		6.5		7.5	7.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
88	25	DH47FNC08	31211025749	Lâm Kim	Ngân	10		7.5		6	8	
89	25	DH47FNC08	31211024090	Phạm Thị Kim	Ngân	8.5		8		8	9	
90	25	DH47FNC08	31211020165	Phạm Chiêu Bích	Ngọc	8.5		6		6.5	6	
91	25	DH47FNC08	31211021372	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	8		10		7.5	9	
92	25	DH47FNC08	31211021413	Đặng Thị Kiều	Oanh	8.5		5		7	8	
93	25	DH47FNC08	31211021415	Nguyễn Kiều	Oanh	6.5		5.5		6.5	7	
94	25	DH47FNC08	31211023848	Phan Thị Nhật	Quyên	10		9.5		8	6	
95	25	DH47FNC08	31211022613	Nguyễn Phú Liên	Thảo	8		7.5		6.5	6.5	
96	25	DH47FNC08	31211021587	Lê Hoàng Minh	Thư	6.5		5.5		5.5	4.5	
97	25	DH47FNC08	31211024222	Nguyễn Thái Nhân	Thương	7		8		6	8	
98	25	DH47FNC08	31211022381	Bảo Nguyễn Khánh	Trân	10		8		7.5	7.5	
99	25	DH47FNC08	31211023035	Nguyễn Thị	Trúc	9		9		8.5	7.5	
100	25	DH47FNC08	31211026448	Lê Nguyễn Phương	Uyên	6.5		9.5		8	8.5	
101	25	DH47FNC08	31211021547	Huỳnh Lê Hải	Vy	7		7.5		7	5.5	
102	25	DH47FNC08	31211025271	Dư Kim	Yến	8		5.5		8	5.5	
103	25	DH47IBC04	31211020167	Lê Hoàng Mỹ	Anh	9.5		9		5.5	9	
104	25	DH47IBC04	31211020572	Nguyễn Minh	Nguyên	10		10		8	9	
105	25	DH47IBC04	31211020769	Nguyễn Khánh	Trâm	9.5		9.5		6.5	7.5	
106	25	DH47IBC04	31211020867	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	10		9.5		8	10	
107	25	DH47IBC04	31211020944	Phan Như Hoàng	Linh	5		7		6	7	
108	25	DH47IBC04	31211020975	Đào Thị Hồng	Nhung	7		6		7.5	7.5	
109	25	DH47IBC04	31211020992	Đào Thị Thanh	Tâm	10		9.5		8	8.5	
110	25	DH47IBC04	31211021019	Nguyễn Gia Bảo	Trân	6.5		5		7	7.5	
111	25	DH47IBC04	31211021028	Nguyễn Phạm Nhà	Tuệ	9.5		6.5		6.5	6.5	
112	25	DH47IBC04	31211021030	Hồ Minh Cát	Tường	6		4.5	6	8	8.5	
113	25	DH47IBC04	31211021037	Võ Thị Tường	Vân	10		9.5		6	7	
114	25	DH47IBC04	31211021162	Nguyễn Ngọc Diễm	Phúc	8		9.5		6	7.5	
115	25	DH47IBC04	31211021352	Châu Phụng	Nguyên	8		9		7	7.5	
116	25	DH47IBC06	31211024753	Nguyễn Thị Minh	Phương	10		10		8.5	10	
117	25	DH47IBC06	31211025809	Dương Thúy	Ngân	9.5		9.5		7	7.5	
118	25	DH47IBC06	31211025962	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	7.5		6.5		9	9.5	
119	25	DH47IBC06	31211026342	Phạm Lê Bảo	Ngân	8.5		8		7	6.5	
120	25	DH47IBC06	31211026449	Phạm Thị Minh	Thư	10		8		7	7	
121	25	DH47IBC06	31211026657	Võ Nguyễn Bảo	Hân	7.5		9		7	6	
122	25	DH47IBC06	31211026667	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	8.5		9.5		7.5	6.5	
123	25	DH47IBC06	31211026960	Lê Thị Mỹ	Tiên	9.5		8.5		8	9	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
124	25	DH47IBC06	31211027021	Nguyễn Phạm Gia	Linh	8.5		8.5		7	8	
125	25	DH47IBC06	31211027119	Bùi Phạm Thanh	Nhàn	6		8		7	8	
126	25	DH47IBC06	31211027269	Lê Thị Cẩm	Giang	4.5	8.5	9		6.5	8	
1	26	DH47IBC04	31211022476	Lê Cao	Thịnh	6		9		5.5	7.5	
2	26	DH47IBC04	31211023106	Mai Thanh Hoàng	Long	8		9		6.5	7	
3	26	DH47IBC04	31211023427	Bùi Xuân	Tân	10		10		8	8	
4	26	DH47IBC04	31211024325	Nguyễn Văn	Dũng	10		10		9	7.5	
5	26	DH47IBC04	31211024515	Nguyễn Doãn Phúc	Huy	9		9.5		6.5	6.5	
6	26	DH47IBC04	31211025053	Nguyễn Trọng	Tín	9		10		8.5	8	
7	26	DH47IBC04	31211025211	Hoàng Hữu	Đạt	10		9.5		6.5	5.5	
8	26	DH47IBC04	31211026338	Nhan Minh	Khánh	7.5		4.5	8	8	8	
9	26	DH47IBC04	31211026741	Vũ Đức	Anh	KH		KH		kh	kh	
10	26	DH47IBC04	31211026792	Mã Quảng	Trần	9.5		10		7.5	7	
11	26	DH47IBC04	31211026838	Hà Gia	Lâm	8.5		9.5		7	8.5	
12	26	DH47IBC04	31211027110	Võ Khánh	Hà	6.5		10		8	7	
13	26	DH47KMC01	31211024067	Nguyễn Gia	Bình	8.5		8.5		7	8.5	
14	26	DH47KMC01	31211023826	Nguyễn Quốc	Đạt	9.5		9.5		7	7.5	
15	26	DH47KMC01	31211026181	Lê Trần Tiến	Dũng	9		9.5		7	7.5	
16	26	DH47KMC01	31211025140	Hồ Phúc	Hoàn	7.5		8		6.5	6.5	
17	26	DH47KMC01	31211024079	Đào Xuân	Hùng	9.5		9		8.5	8.5	
18	26	DH47KMC01	31211023428	Đặng Nguyễn Bá	Hung	9.5		9.5		7	6	
19	26	DH47KMC01	31211021376	Đàm Minh	Khang	8.5		7.5		8.5	8	
20	26	DH47KMC01	31211023529	Đặng Quốc	Khánh	8.5		8		6	7	
21	26	DH47KMC01	31211020369	Nguyễn Anh	Khoa	7.5		6.5		6	6.5	
22	26	DH47KMC01	31211022599	Đào Tuấn	Minh	6		9.5		8.5	6.5	
23	26	DH47KMC01	31211021092	Nguyễn Huỳnh Bảo	Quân	10		9.5		7.5	6.5	
24	26	DH47KMC01	31211023015	Trần Đức	Tài	9		8		8.5	6	
25	26	DH47KMC01	31211026855	Nguyễn Chí	Trung	7		8.5		5.5	7	
26	26	DH47KMC01	31211024172	Trần Quốc	Trung	9.5		9.5		6.5	8	
27	26	DH47KMC02	31211025667	Phan Trần Trường	An	10		9.5		6.5	8	
28	26	DH47KMC02	31211021063	Đinh Nguyễn Minh	Hiếu	7.5		9.5		5.5	6	
29	26	DH47KMC02	31211025173	Vũ Quốc	Huy	8		9		kh	kh	
30	26	DH47KMC02	31211025994	Châu Đồng	Khởi	8		7		6.5	7	
31	26	DH47KMC02	31211023318	Huỳnh Võ Anh	Kiệt	10		9.5		8.5	7.5	
32	26	DH47KMC02	31211020901	Nguyễn Hoàng Nhật	Nam	7		6.5		6.5	6.5	
33	26	DH47KMC02	31211026677	Phan Hoàng	Phát	7.5		5		6.5	5.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
34	26	DH47KMC02	31211026854	Nguyễn Bảo	Trung	8.5		9		7	7	
35	26	DH47KMC02	31211024513	Trần Đức	Trung	7.5		8.5		7	7	
36	26	DH47KMC02	31211025998	Hồ Công	Truyền	9		9.5		6.5	8	
37	26	DH47KMC02	31211026353	Văn Dũng	Tuấn	8		8		7.5	7	
38	26	DH47KMC02	31211023721	Nguyễn Nguyên	Việt	6.5		8.5		8	7	
39	26	DH47IBC04	31211022429	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	7.5		7		7	6.5	
40	26	DH47IBC04	31211022812	Đặng Lê Huyền	Trân	9.5		10		6.5	6	
41	26	DH47IBC04	31211023261	Trương Mỹ	Uyên	9.5		9		6.5	8.5	
42	26	DH47IBC04	31211023365	Ngô Lê Thanh	Thảo	7.5		5.5		7	6.5	
43	26	DH47IBC04	31211023494	Trần Xuân Thi Khánh	Bình	6.5		7.5		6	7	
44	26	DH47IBC04	31211023506	Võ Huỳnh	Nhi	10		9.5		8.5	8	
45	26	DH47IBC04	31211023546	Trần Nguyễn Khánh	Huyền	10		10		9	8	
46	26	DH47IBC04	31211023694	Trần Thảo	Ngân	9.5		9.5		7	5.5	
47	26	DH47IBC04	31211023742	Nguyễn Ngọc Phươn	Thảo	10		9		6.5	7.5	
48	26	DH47IBC04	31211023745	Đặng Nữ Huyền	Trang	10		10		8	9.5	
49	26	DH47IBC04	31211024199	Trương Khả	Vy	10		9.5		5	6.5	
50	26	DH47IBC04	31211024449	Văn Thị Tường	Vy	10		10		7.5	8.5	
51	26	DH47IBC04	31211024484	Nguyễn Hoàng Quyn	Dung	9		8		7.5	7.5	
52	26	DH47IBC04	31211024487	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	9.5		3.5	7.5	6.5	6	
53	26	DH47IBC04	31211025222	Ngô Thị Phương	Thảo	10		9.5		7.5	5.5	
54	26	DH47IBC04	31211025251	Hồ Yến	Nhi	7.5		9.5		7	7.5	
55	26	DH47IBC04	31211025559	Lê Hà Mai	Phương	8.5		6		7.5	7	
56	26	DH47IBC04	31211025991	Nguyễn Lê Thanh	Uyên	8.5		9		6	7.5	
57	26	DH47IBC04	31211026539	Nguyễn Ngọc	Huyền	9.5		5.5		6.5	7.5	
58	26	DH47IBC04	31211026542	Phạm Thái	Ngân	5.5		7.5		7.5	8	
59	26	DH47IBC04	31211026546	Nguyễn Thị Minh	Thy	10		10		7.5	7.5	
60	26	DH47IBC04	31211026670	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	9		9.5		8.5	7	
61	26	DH47IBC04	31211026957	Phan Quỳnh	Như	10		9.5		7.5	7.5	
62	26	DH47KMC01	31211022816	Đoàn Vân	Anh	10		6.5		8	7	
63	26	DH47KMC01	31211020452	Hoàng Thị Ngọc	Anh	9.5		9		7.5	8	
64	26	DH47KMC01	31211025929	Nguyễn Minh	Anh	4.5	10	8.5		6.5	5.5	
65	26	DH47KMC01	31211026351	Võ Trịnh Thùy	Anh	6		7.5		7.5	6.5	
66	26	DH47KMC01	31211024029	Võ Trần Bảo	Châu	9.5		8		7	7.5	
67	26	DH47KMC01	31211021055	Nguyễn Bích	Đào	6		7.5		6	8.5	
68	26	DH47KMC01	31211026543	Nguyễn Ngọc Hồng	Diễm	10		9.5		6	6.5	
69	26	DH47KMC01	31211026681	Lê Nguyễn Khánh	Đoan	10		9.5		6	8.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
70	26	DH47KMC01	31211023110	Lê Vũ Châu	Giang	9.5		6.5		9	9.5	
71	26	DH47KMC01	31211021056	Nguyễn Như Ngọc	Hà	8		9		6	6	
72	26	DH47KMC01	31211020933	Trần Minh	Hiền	8.5		8.5		7	8	
73	26	DH47KMC01	31211023747	Nguyễn Mai	Khanh	10		9		8	8	
74	26	DH47KMC01	31211026735	Đặng Thiên	Kim	8		9		7.5	7	
75	26	DH47KMC01	31211022927	Nguyễn Khánh	Linh	7.5		8.5		6.5	8	
76	26	DH47KMC01	31211021078	Trịnh Ngọc	Linh	6.5		4	7.5	7	6.5	
77	26	DH47KMC01	31211026347	Phan Ngô Phương	Mai	7		9.5		8	8.5	
78	26	DH47KMC01	31211024171	Nguyễn Thị Thảo	My	7.5		6.5		6.5	7.5	
79	26	DH47KMC01	31211026731	Nguyễn Như	Ngọc	9.5		10		7.5	7.5	
80	26	DH47KMC01	31211026673	Huỳnh Nhật Thảo	Nguyên	7.5		6		6.5	7.5	
81	26	DH47KMC01	31211023964	Trần Phương	Nguyên	7.5		7		7	7.5	
82	26	DH47KMC01	31211023212	Võ Thùy	Nhiên	9		9		6	7.5	
83	26	DH47KMC01	31211025632	Đặng Hà Nhã	Ni	9		10		7	7.5	
84	26	DH47KMC01	31211022652	Bùi Tiểu	Phương	8.5		9.5		9	7	
85	26	DH47KMC01	31211024778	Phạm Nguyễn Ngọc	Quyên	9.5		9		8	6.5	
86	26	DH47KMC01	31211024363	Cao Thị Tâm Như	Tài	7.5		5		kh	kh	
87	26	DH47KMC01	31211025657	Nguyễn Huỳnh Bích	Trâm	9.5		9.5		6.5	5.5	
88	26	DH47KMC01	31211020914	Nguyễn Thị Xuân	Trang	7.5		7.5		5	6.5	
89	26	DH47KMC01	31211020240	Lê Ngọc Diễm	Trinh	9		9.5		8	8.5	
90	26	DH47KMC01	31211025234	Đậu Thị Thanh	Trúc	6.5		8.5		6.5	6.5	
91	26	DH47KMC01	31211024520	Nguyễn Thị Thanh	Vân	9		7		5.5	6.5	
92	26	DH47KMC01	31211026734	Lư Kiều Phương	Vy	7		6.5		7	7.5	
93	26	DH47KMC01	31211025033	Nguyễn Thái Thảo	Vy	10		10		6.5	7	
94	26	DH47KMC01	31211020714	Trần Khánh	Vy	7.5		8		7.5	7	
95	26	DH47KMC02	31211027011	Phạm Trang Gia	Bảo	9.5		6.5		7	6.5	
96	26	DH47KMC02	31211021052	Triệu Huệ	Châu	5		5.5		8.5	8	
97	26	DH47KMC02	31211024068	Trần Minh	Duyên	7		6		6.5	7	
98	26	DH47KMC02	31211021062	Huỳnh Ngọc Diễm	Hân	7.5		9		6.5	7.5	
99	26	DH47KMC02	31211020696	Võ Hồng	Hân	10		9		9	7	
100	26	DH47KMC02	31211021061	Võ Huỳnh Thanh	Hằng	9		7		6.5	8.5	
101	26	DH47KMC02	31211020301	Trần Tố	Hiền	9.5		8		5	6.5	
102	26	DH47KMC02	31211021086	Đặng Nhung	Huyền	10		9.5		7	6.5	
103	26	DH47KMC02	31211020719	Nguyễn Ngọc Như	Huyền	9.5		10		6.5	6	
104	26	DH47KMC02	31211023519	Nguyễn Thị Minh	Khuê	10		10		8.5	9.5	
105	26	DH47KMC02	31211026915	Trần Gia	Linh	9		9		7	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
106	26	DH47KMC02	31211023892	Điền Thanh	Ngân	10		9.5		7	6	
107	26	DH47KMC02	31211023515	Nguyễn Thị Kim	Ngân	9.5		8.5		6	8.5	
108	26	DH47KMC02	31211024628	Nguyễn Thị Thu	Ngân	8		10		7.5	8	
109	26	DH47KMC02	31211026676	Trần Kim	Ngân	10		9.5		8	7	
110	26	DH47KMC02	31211024203	Nguyễn Hoàng Bảo	Nhi	6		6.5		8.5	6	
111	26	DH47KMC02	31211025819	Nguyễn Hữu Thiện	Nhi	9.5		7		7	6.5	
112	26	DH47KMC02	31211022484	Nguyễn Quỳnh	Như	9		8.5		7	6.5	
113	26	DH47KMC02	31211023321	Vương Tổng Tổ	Như	8		6.5		6	7.5	
114	26	DH47KMC02	31211021093	Trần Thị Kim	Phương	8.5		8		6	6	
115	26	DH47KMC02	31211020655	Nguyễn Phạm Như	Quỳnh	7.5		6		7	5.5	
116	26	DH47KMC02	31211020675	Phạm Phương	Quỳnh	9		9.5		5.5	6	
117	26	DH47KMC02	31211027239	Võ Ngọc Như	Quỳnh	10		6.5		7	6	
118	26	DH47KMC02	31211025412	Nguyễn Thị Thái	Tâm	7.5		9.5		7	7.5	
119	26	DH47KMC02	31211021101	Trần Thị	Thương	9.5		7		9	7.5	
120	26	DH47KMC02	31211023896	Phan Ngọc Anh	Thy	9.5		9		6.5	5.5	
121	26	DH47KMC02	31211025589	Tạ Ngọc Mỹ	Tiên	9.5		8.5		6.5	5.5	
122	26	DH47KMC02	31211021106	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	7		7.5		7.5	8	
123	26	DH47KMC02	31211021571	Trần Thanh	Trâm	9		7.5		5.5	6.5	
124	26	DH47KMC02	31211021108	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	9.5		10		5.5	7.5	
125	26	DH47KMC02	31211023205	Trần Cẩm	Tú	9		9.5		7.5	7	
126	26	DH47KMC02	31211023371	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	9.5		8.5		7	6	
127	26	DH47KMC02	31211021113	Nguyễn Thị Yến	Vy	10		10		6.5	7.5	
128	26	DH47KMC02	31211027254	Hồ Ngọc Như	Ý	7		6		8	8	
1	27	DH47KM002	31211025607	Huỳnh Lê Quốc	An	9.5		10		7	7	
2	27	DH47KM002	31211021047	Trần Khánh	An	9.5		10		7	8	
3	27	DH47KM002	31211023514	Nguyễn Văn	Hiếu	9		10		5	6	
4	27	DH47KM002	31211021069	Dương Đình	Hung	9.5		8		7.5	7	
5	27	DH47KM002	31211023746	Nguyễn Văn Quốc	Huy	10		7.5		5.5	7.5	
6	27	DH47KM002	31211023890	Phạm Nguyên	Lâm	10		10		7	8	
7	27	DH47KM002	31211022571	Vưu Tấn	Lộc	10		9.5		6.5	6.5	
8	27	DH47KM002	31211025461	Nguyễn Công	Thịnh	9		9.5		7.5	8.5	
9	27	DH47KM002	31211024077	Nguyễn Hưng	Thịnh	10		9		8	7	
10	27	DH47KM002	31211020042	Võ Quốc	Việt	9		10		7.5	5.5	
11	27	DH47KM003	31211026993	Phạm Tuấn	Anh	10		10		9	9	
12	27	DH47KM003	31211022482	Nguyễn Khắc	Hào	10		8.5		7.5	9	
13	27	DH47KM003	31211026675	Nguyễn Đình	Hiếu	9.5		8		7.5	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
14	27	DH47KM003	31211023115	Nguyễn Hữu	Hoàng	7.5		8.5		8	7.5	
15	27	DH47KM003	31211021031	Phạm Quốc	Khánh	9.5		6.5		6	7	
16	27	DH47KM003	31211026554	Nguyễn Đức Việt	Khoa	8.5		7.5		6.5	5.5	
17	27	DH47KM003	31211026963	Phạm Tú	Khuông	9		10		7	9	
18	27	DH47KM003	31211025231	Phan Tại	Nguyễn	9.5		7.5		6.5	5	
19	27	DH47KM003	31211026336	Nguyễn Chí	Nguyễn	7.5		6.5		8.5	7	
20	27	DH47KM003	31211024205	Võ Quốc	Trung	9		6		8	8	
21	27	DH47KM003	31211021271	Nguyễn Tuấn	Vũ	8.5		9		7	6.5	
22	27	DH47KNC02	31211020462	Nguyễn Chí	Trung	8		7.5		7	8	
23	27	DH47KNC02	31211021822	Nguyễn Đức	Kiên	8.5		9		6	6.5	
24	27	DH47KNC02	31211022000	Nguyễn Minh	Tiến	6		6.5		8.5	7.5	
25	27	DH47KM002	31211023889	Lương Thị Lan	Anh	8		9		6.5	7.5	
26	27	DH47KM002	31211023317	Nguyễn Văn	Anh	10		10		7	7.5	
27	27	DH47KM002	31211021049	Trần Thị Phương	Anh	7.5		7.5		7.5	7.5	
28	27	DH47KM002	31211025229	Vũ Huệ	Anh	9.5		9.5		6.5	7	
29	27	DH47KM002	31211026182	Ngô Hồng	Đoan	9.5		10		7.5	7	
30	27	DH47KM002	31211024805	Vũ Thị Thùy	Dương	8		8		5	6	
31	27	DH47KM002	31211020037	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	9.5		8.5		7	6.5	
32	27	DH47KM002	31211023113	Trần Thị	Giang	9		8		6	7.5	
33	27	DH47KM002	31211023114	Nguyễn Thị Hải	Hà	7.5		8		7	6	
34	27	DH47KM002	31211021060	Hồ Thị Thu	Hào	10		9		7	8.5	
35	27	DH47KM002	31211026552	Phạm Thị Thanh	Hoài	9		7.5		7	7.5	
36	27	DH47KM002	31211021065	Dương Thị Thúy	Hồng	8		8		7.5	8	
37	27	DH47KM002	31211026553	Lê Thụy Như	Huyền	9		8.5		6	6.5	
38	27	DH47KM002	31211020038	Phạm Thị Hồng	Len	8.5		9		6.5	8	
39	27	DH47KM002	31211021074	Phạm Thị Mỹ	Linh	9		5.5		6.5	7	
40	27	DH47KM002	31211024507	Lê Trúc	Ly	10		9.5		7.5	6.5	
41	27	DH47KM002	31211024508	Trần Hoàng Xuân	Mai	4	9.5	7		7	8	
42	27	DH47KM002	31211026916	Phạm Đông	Nghi	7		9		6	6	
43	27	DH47KM002	31211023516	Tô Thị Bích	Ngọc	10		9		8	6.5	
44	27	DH47KM002	31211023748	Nguyễn Hữu Thảo	Nguyễn	7		7		6.5	8.5	
45	27	DH47KM002	31211022483	Phạm Thị Thảo	Nguyễn	6		6.5		5.5	8	
46	27	DH47KM002	31211021090	Lưu Thị Ánh	Nguyệt	7		9.5		7.5	7.5	
47	27	DH47KM002	31211024071	Phạm Thị Minh	Nguyệt	9		9.5		8	6.5	
48	27	DH47KM002	31211023319	Đỗ Đăng Yên	Nhi	7		7.5		8.5	8	
49	27	DH47KM002	31211023320	Nguyễn Quỳnh	Như	8.5		9.5		7	6	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
50	27	DH47KM002	31211026185	Nguyễn Hà	Phuong	9.5		9		6.5	7.5	
51	27	DH47KM002	31211023323	Nguyễn Huệ	Phuong	9		8.5		7.5	7.5	
52	27	DH47KM002	31211021094	Lê Thục	Quy	6.5		7.5		7.5	7.5	
53	27	DH47KM002	31211024073	Phạm Hồng	Quyên	10		9.5		8	6	
54	27	DH47KM002	31211026427	Nguyễn Anh	Thư	10		9		7.5	8	
55	27	DH47KM002	31211022820	Lê Thị Quý	Thương	6		7.5		7	6.5	
56	27	DH47KM002	31211023751	Bùi Thị Thanh	Thúy	7		3	8	7.5	6	
57	27	DH47KM002	31211023518	Trần Thị	Thùy	9.5		8.5		6	7	
58	27	DH47KM002	31211021102	Nguyễn Diễm Bảo	Thy	8.5		8.5		6	7	
59	27	DH47KM002	31211024962	Võ Ngọc Phương	Trâm	8.5		7.5		9	9	
60	27	DH47KM002	31211025997	Đặng Ngọc Thanh	Trúc	8		7.5		6.5	7.5	
61	27	DH47KM002	31211026917	Bùi Thị Ngọc	Tuyết	10		8.5		8	7	
62	27	DH47KM002	31211023118	Trần Thị Ngọc	Uyên	10		9.5		6.5	7.5	
63	27	DH47KM002	31211026002	Tô Hồng	Vân	9.5		9		7	8	
64	27	DH47KM002	31211023752	Nguyễn Thị Thúy	Vy	5.5		4	8	6.5	6.5	
65	27	DH47KM003	31211024489	Lã Thành Minh	Anh	KH		KH		kh	kh	
66	27	DH47KM003	31211021048	Lê Hoàng Ngọc	Anh	10		10		9.5	8.5	
67	27	DH47KM003	31211024510	Nguyễn Võ Hoàng	Anh	10		10		8.5	8	
68	27	DH47KM003	31211024609	Vũ Thị Ngọc	Ánh	9		9.5		6	7.5	
69	27	DH47KM003	31211022817	Đinh Thị Kiều	Chinh	8.5		8		7	7.5	
70	27	DH47KM003	31211026674	Trương Lê Linh	Đoan	9.5		9.5		8	7.5	
71	27	DH47KM003	31211026434	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	7		8.5		7.5	7.5	
72	27	DH47KM003	31211021070	Lê Thị Lan	Hương	9.5		9		7	7.5	
73	27	DH47KM003	31211021071	Trần Thị Mai	Hương	9		9.5		7	7	
74	27	DH47KM003	31211021067	Phạm Thị Thu	Huyền	7.5		9.5		6	5.5	
75	27	DH47KM003	31211023489	Trương Thị Su	Hy	9.5		8.5		7.5	8.5	
76	27	DH47KM003	31211024506	Bùi Thị Mỹ	Lan	8		8		7.5	8	
77	27	DH47KM003	31211025818	Đặng Thị Mỹ	Lê	9.5		9.5		7	7	
78	27	DH47KM003	31211021073	Hồ Vương	Linh	8.5		6		5.5	8	
79	27	DH47KM003	31211026183	Phạm Thị Trúc	Linh	7.5		8		7.5	8.5	
80	27	DH47KM003	31211022746	Võ Khánh	Linh	8		10		8	8.5	
81	27	DH47KM003	31211021080	Nguyễn Phương	Ly	10		9		5.5	7.5	
82	27	DH47KM003	31211021084	Nguyễn Thị	Lý	8		8		6	7.5	
83	27	DH47KM003	31211024806	Đinh Thị Phương	Mai	6		9		8	6.5	
84	27	DH47KM003	31211024070	Nguyễn Thị Yến	Ngân	6.5		7		6.5	7	
85	27	DH47KM003	31211021085	Hoàng Vân	Nghi	7.5		6.5		7.5	6	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
86	27	DH47KM003	31211023382	Lê Thị Bích	Ngọc	7		5.5		8	8	
87	27	DH47KM003	31211025061	Phan Thị Mai	Ngọc	9.5		9		5.5	8	
88	27	DH47KM003	31211026294	Hà Hồng	Nhi	9.5		9		6.5	7.5	
89	27	DH47KM003	31211023116	Trương Hoài	Nhi	9		8		5.5	8	
90	27	DH47KM003	31211022364	Hồ Mẫn	Như	9		5		7	6	
91	27	DH47KM003	31211026747	Đinh Thị Tuyết	Nhung	7		8.5		7.5	6.5	
92	27	DH47KM003	31211023894	Trần Thị Xuân	Phương	8.5		7.5		7.5	8.5	
93	27	DH47KM003	31211024504	Nguyễn Hồng Bảo	Quyên	6.5		8.5		7.5	6.5	
94	27	DH47KM003	31211024032	Nguyễn Đình Ngọc	Thạch	9.5		10		9	8.5	
95	27	DH47KM003	31211025471	Nguyễn Thị Thu	Thảo	9		9.5		7.5	7.5	
96	27	DH47KM003	31211025610	Thạch Hồng	Thơ	8		10		7.5	9	
97	27	DH47KM003	31211027004	Nguyễn Thị Hoài	Thương	7		6		8	7.5	
98	27	DH47KM003	31211021109	Quách Tổ	Trân	8.5		4.5	9.5	7.5	6.5	
99	27	DH47KM003	31211027304	Trần Huyền	Trang	8		6.5		6.5	8	
100	27	DH47KM003	31211025612	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	10		10		8	8	
101	27	DH47KM003	31211026001	Lê Thị Ngọc	Vân	9.5		8.5		8	7.5	
102	27	DH47KM003	31211027223	Lê Thị Thu	Yên	8		6		7.5	7	
103	27	DH47KNC02	31211020056	Nguyễn Thùy	Linh	9		9		7	7	
104	27	DH47KNC02	31211020238	Nguyễn Ngọc Kỳ	Duyên	8.5		8		6.5	7.5	
105	27	DH47KNC02	31211020282	Nguyễn Minh	Châu	8.5		9		7	5.5	
106	27	DH47KNC02	31211020584	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	9.5		7.5		7.5	9.5	
107	27	DH47KNC02	31211020816	Nguyễn Ngọc	Hà	7		9		7	8.5	
108	27	DH47KNC02	31211020999	Long Anh	Thy	8.5		8.5		6.5	6.5	
109	27	DH47KNC02	31211021230	Nguyễn Thị Hà	Uyên	9.5		8.5		8.5	7	
110	27	DH47KNC02	31211021311	Bùi Thảo	My	8.5		9		7	9	
111	27	DH47KNC02	31211021412	Hồ Nguyễn Ngọc	Hân	7.5		9.5		7	7.5	
112	27	DH47KNC02	31211021739	Bùi Hoàng	Dung	9		10		6.5	7.5	
113	27	DH47KNC02	31211021740	Nguyễn Hoàng	Dung	6.5		7.5		6.5	7.5	
114	27	DH47KNC02	31211021760	Hoàng Linh	Giang	9		8.5		8.5	9	
115	27	DH47KNC02	31211021854	Lê Diệu	Linh	8		9.5		6.5	7.5	
116	27	DH47KNC02	31211021890	Võ Thúy	Ngân	7.5		8		7	6	
117	27	DH47KNC02	31211021895	Nguyễn Vũ Thảo	Nghi	9.5		9		8	5.5	
118	27	DH47KNC02	31211021981	Dương Anh	Thư	9.5		10		8.5	8.5	
119	27	DH47KNC02	31211022033	Đỗ Phan Ánh	Uyên	9		9.5		6.5	8.5	
1	28	DH47FNC04	31211023422	Nguyễn Vũ Tiến	Đạt	8.5		8		6	7.5	
2	28	DH47FNC04	31211022822	Trần Vĩnh	Đức	9.5		8		7	7	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
3	28	DH47FNC04	31211022351	Đoàn Hải	Dương	10		8		7	6	
4	28	DH47FNC04	31211020965	Nông Nguyễn Huy	Hoàng	10		9.5		7	7.5	
5	28	DH47FNC04	31211020850	Trần Quốc	Hưng	9		10		8	7	
6	28	DH47FNC04	31211024314	Đỗ Nguyễn Đức	Huy	9		10		8.5	8.5	
7	28	DH47FNC04	31211025876	Lê Minh	Khoa	6		5		5.5	7	
8	28	DH47FNC04	31211020018	Trương Hồng	Kiên	7		8		7	6.5	
9	28	DH47FNC04	31211026004	Nguyễn Võ Tuấn	Kiệt	9.5		9		7	5.5	
10	28	DH47FNC04	31211025122	Phạm Quang	Lộc	8.5		8.5		8.5	6.5	
11	28	DH47FNC04	31211021213	Phạm Hồng	Phúc	9		8		7.5	8	
12	28	DH47FNC04	31211026810	Vũ Ngọc Nguyễn	Phương	9.5		9.5		6.5	6.5	
13	28	DH47FNC04	31211020206	Trần Hoàng Thành	Tâm	8.5		8		7.5	7	
14	28	DH47FNC04	31211026217	Lê Chí	Thành	8		9.5		6.5	6.5	
15	28	DH47FNC04	31211022637	Vũ Thắng	Thịnh	10		8		7.5	6.5	
16	28	DH47FNC04	31211024149	Nguyễn Kế Lê	Tiến	8.5		8		6	6.5	
17	28	DH47FNC09	31211026746	Châu Gia	Bảo	8.5		7.5		8.5	8	
18	28	DH47FNC09	31211023766	Tạ Phi	Hùng	9.5		5.5		7	6.5	
19	28	DH47FNC09	31211023374	Nguyễn Gia	Hưng	8		9		6	7.5	
20	28	DH47FNC09	31211025124	Nguyễn Quang	Huy	9		6		7	5.5	
21	28	DH47FNC09	31211025487	Phạm Quang	Huy	7.5		9.5		5.5	6.5	
22	28	DH47FNC09	31211024614	Bạch Đăng	Khoa	9.5		9.5		8.5	8.5	
23	28	DH47FNC09	31211021303	Phạm Trần Đăng	Khoa	10		8.5		6	6.5	
24	28	DH47FNC09	31211024443	Nguyễn Đăng Đình	Lộc	10		10		7	8	
25	28	DH47FNC09	31211026729	Nguyễn Tấn	Lực	9.5		8.5		7	6.5	
26	28	DH47FNC09	31211022509	Nguyễn Hoàng	Sang	7		7		7	6	
27	28	DH47FNC09	31211026296	Vũ Đình	Thiên	10		10		7	8	
28	28	DH47FNC09	31211022600	Phạm Trung	Tiến	8		8		5.5	5.5	
29	28	DH47FNC09	31211025722	Nguyễn Tấn	Toàn	9		8		6.5	7	
30	28	DH47FNC09	31211023138	Trương Minh	Trí	8.5		10		6	6	
31	28	DH47FNC09	31211023221	Đoàn Ngô Trường	Vũ	10		4.5	9.5	5	8	
32	28	DH47KNC02	31211022443	Nguyễn Hoàng	Quân	8		8.5		8.5	6.5	
33	28	DH47KNC02	31211022875	Tô Hoàng Gia	Bảo	7		6.5		8.5	7	
34	28	DH47KNC02	31211023830	Bùi Trung	Nghĩa	8		5		7	6	
35	28	DH47KNC02	31211023950	Nguyễn Quốc	Thái	8.5		6.5		7.5	6.5	
36	28	DH47KNC02	31211025113	Ngô Minh	Nhật	8.5		9		7.5	8.5	
37	28	DH47KNC02	31211025509	Trần Quốc	Phú	10		9		7.5	7.5	
38	28	DH47KNC02	31211026268	Vi Thiện	Nhân	8		9		6.5	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
39	28	DH47FNC04	31211021652	Hoàng Thu	An	9		8.5		6	5.5	
40	28	DH47FNC04	31211024481	Lê Thị Hoài	An	9.5		9.5		8.5	9	
41	28	DH47FNC04	31211024091	Dương Nữ Quý	Đan	10		9.5		8.5	9	
42	28	DH47FNC04	31211025957	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	9		7.5		7	6.5	
43	28	DH47FNC04	31211026006	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	5.5		7.5		7	6.5	
44	28	DH47FNC04	31211020414	Phạm Hương	Giang	10		10		6.5	5.5	
45	28	DH47FNC04	31211021046	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	7.5		5.5		6.5	6	
46	28	DH47FNC04	31211020651	Hoàng Minh	Khuê	9		8		7.5	6	
47	28	DH47FNC04	31211026426	Trần Bùi Hồng	Khuyên	3.5		vt		6.5	5	
48	28	DH47FNC04	31211025934	Đoàn Thảo	Linh	10		9		8.5	7.5	
49	28	DH47FNC04	31211020864	Nguyễn Ngọc Khánh Linh		9.5		8.5		6.5	7.5	
50	28	DH47FNC04	31211023002	Dương Nguyệt	Minh	10		10		7.5	7	
51	28	DH47FNC04	31211020942	Trương Nguyễn Bảo Ngân		8		6		9.5	7	
52	28	DH47FNC04	31211025922	Trương Đông	Nghi	10		10		7	8.5	
53	28	DH47FNC04	31211024141	Chê Thy	Ngọc	9.5		8.5		7.5	7	
54	28	DH47FNC04	31211023357	Nguyễn Phan Bảo	Ngọc	9.5		9.5		8	8	
55	28	DH47FNC04	31211021194	Trần Ngọc	Nhi	7.5		8.5		6.5	6.5	
56	28	DH47FNC04	31211023487	Bùi Thị Quỳnh	Như	5		8		8.5	7	
57	28	DH47FNC04	31211023876	Nguyễn Quỳnh	Như	6.5		7		7.5	7	
58	28	DH47FNC04	31211025869	Nguyễn Kiều	Oanh	8		9.5		8.5	6	
59	28	DH47FNC04	31211026023	Phạm Thị Lan	Phương	9.5		9.5		kh	kh	
60	28	DH47FNC04	31211023081	Nguyễn Anh	Quý	10		10		7	9	
61	28	DH47FNC04	31211021351	Văn Thụy Song	Tâm	8		9		6.5	6.5	
62	28	DH47FNC04	31211023003	Phùng Phương	Thảo	8		2.5	9	6.5	5	
63	28	DH47FNC04	31211025832	Trần Thị Thanh	Thủy	8		8		5.5	7	
64	28	DH47FNC04	31211020583	Sity	Tiwa	7		9.5		6.5	7.5	
65	28	DH47FNC04	31211020749	Hồ Bùi Ngọc	Vân	6		7		9	8	
66	28	DH47FNC04	31211020105	Phạm Ngọc Thảo	Vân	8		8		7.5	6	
67	28	DH47FNC04	31211020501	Cao Phan Xuân	Vi	8.5		7		6	7	
68	28	DH47FNC04	31211026447	Nguyễn Đan	Vi	8		9		8.5	7	
69	28	DH47FNC09	31211023968	Đào Thị Quỳnh	Anh	9		5		6	6	
70	28	DH47FNC09	31211027090	Nguyễn Vũ Trâm	Anh	6.5		7		6	5.5	
71	28	DH47FNC09	31211025067	Trần Ngọc Lan	Anh	6		8.5		7	6	
72	28	DH47FNC09	31211026860	Hoàng Thị Xuân	Ánh	9		9.5		6.5	6	
73	28	DH47FNC09	31211020048	Trần Hồng Nhã	Ca	9.5		3.5	9	8	6	
74	28	DH47FNC09	31211022750	Nguyễn Kim	Chi	10		9		8	8	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
75	28	DH47FNC09	31211024371	Trần Diệp	Chi	5		7		7	8	
76	28	DH47FNC09	31211022841	Vũ Hồ Khánh	Chi	7.5		9.5		6.5	5.5	
77	28	DH47FNC09	31211024311	Phan Huỳnh Bảo	Diệp	10		9		7.5	7	
78	28	DH47FNC09	31211023764	Lê Huỳnh Quỳnh	Giao	7.5		8.5		7	9	
79	28	DH47FNC09	31211024902	Nguyễn Ngọc Thái	Hân	6.5		6.5		5.5	6	
80	28	DH47FNC09	31211025485	Trần Thị Mỹ	Hạnh	7		7		9	6.5	
81	28	DH47FNC09	31211023369	Đặng Thảo	Hiền	10		9		6	7.5	
82	28	DH47FNC09	31211025177	Lý Võ Thu	Hiền	10		10		8	9	
83	28	DH47FNC09	31211021273	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	7.5		6		6	6.5	
84	28	DH47FNC09	31211021293	Đinh Quỳnh	Hương	9.5		7.5		6	7.5	
85	28	DH47FNC09	31211023928	Đặng Nhật	Huyền	10		8.5		5.5	5	
86	28	DH47FNC09	31211021637	Đinh Ngọc	Huyền	9.5		9.5		7	6.5	
87	28	DH47FNC09	31211023070	Nguyễn Ngọc Thanh	Huyền	9		7		7	7	
88	28	DH47FNC09	31211026533	Nguyễn Phạm Ngọc	Linh	9		9.5		6	7	
89	28	DH47FNC09	31211023870	Lại Thị Quỳnh	Nga	9		9		8	6	
90	28	DH47FNC09	31211023136	Nguyễn Ngọc Đan	Ngân	9		8.5		7	6	
91	28	DH47FNC09	31211021358	Trương Ngọc Quỳnh	Ngân	8		7.5		7	5.5	
92	28	DH47FNC09	31211022508	Phan Thanh Bảo	Ngọc	7		8.5		6.5	7.5	
93	28	DH47FNC09	31211020144	Bùi Nguyệt	Nhi	10		10		7.5	7	
94	28	DH47FNC09	31211025155	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	9.5		9		6	5.5	
95	28	DH47FNC09	31211024228	Nông Tâm	Như	6.5		8.5		7.5	7	
96	28	DH47FNC09	31211026584	Trịnh Thu	Phương	9.5		4.5	9	7.5	6.5	
97	28	DH47FNC09	31211026959	Hồ Hoàng Phương	Quyên	9.5		9		7.5	7	
98	28	DH47FNC09	31211025813	Trần Khánh	Quỳnh	9.5		8		6	5.5	
99	28	DH47FNC09	31211021458	Hồ Dương Thanh	Thảo	9.5		8		8	7	
100	28	DH47FNC09	31211023618	Bùi Kim	Thịnh	8.5		5.5		6.5	7	
101	28	DH47FNC09	31211026778	Lưu Cẩm	Yến	9.5		7		7	8	
102	28	DH47KNC02	31211022988	Đặng Nhật	Trinh	8.5		9.5		6.5	8.5	
103	28	DH47KNC02	31211023005	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	9.5		9		6.5	7	
104	28	DH47KNC02	31211023007	Nguyễn Phương	Nhi	7.5		9		6	7	
105	28	DH47KNC02	31211023047	Bach Trương Kim	Ngân	5		8		7.5	8.5	
106	28	DH47KNC02	31211023163	Trần Xuân Nhật	Phương	9		7		9.5	9	
107	28	DH47KNC02	31211023233	Nguyễn Hải	Linh	9		8		5.5	7.5	
108	28	DH47KNC02	31211023294	Trần Gia	Hân	10		8.5		7.5	8	
109	28	DH47KNC02	31211023481	Trần Hà	Nhi	9.5		9		6.5	7.5	
110	28	DH47KNC02	31211023555	Trần Bảo	Hân	8.5		8.5		6	8.5	

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP&AN
TRƯỜNG: ĐH KINH TẾ TP.HCM - K407/21

Stt	c	Lớp SV	Mã SV	Họ	Tên	p1	TL p1	p2	TL p2	p3	p4	Ghi chú
111	28	DH47KNC02	31211023994	Lê Huyền	Trân	9.5		10		8.5	7.5	
112	28	DH47KNC02	31211024020	Huỳnh Hoàng	Đan	8.5		9		8	6.5	
113	28	DH47KNC02	31211024122	Hoàng Thị Như	Quỳnh	9.5		9		7.5	7	
114	28	DH47KNC02	31211024676	Nguyễn Trần Hải	Anh	9		9.5		9	7.5	
115	28	DH47KNC02	31211024847	Trịnh Thị Ngọc	Hà	6.5		5.5		6	5.5	
116	28	DH47KNC02	31211024884	Nguyễn Song	Quỳnh	8.5		7.5		5.5	6.5	
117	28	DH47KNC02	31211025001	Tạ Đoàn Hà	Mi	8		7		8	8.5	
118	28	DH47KNC02	31211025018	An Mai	Linh	10		9.5		8	6	
119	28	DH47KNC02	31211025126	Lê Thị Hoàng	Anh	9		9		6.5	8	
120	28	DH47KNC02	31211025287	Bùi Lê Thục	Chi	6.5		7		7	7.5	
121	28	DH47KNC02	31211025928	Phạm Chân Bội	Ngọc	7		8		8	7.5	
122	28	DH47KNC02	31211025996	Khuất Vũ Mai	Lâm	8		8.5		6	7	
123	28	DH47KNC02	31211026019	Trần Bảo	Ngọc	9.5		7.5		6	5.5	
124	28	DH47KNC02	31211026705	Phạm Ngọc Khánh	Vy	9.5		9		7	7.5	

Ghi chú: kh: không học, ct: cầm thi, m: Miễn, vt: vắng thi, tt: học trực tuyến

Ngày 27 tháng 05 năm 2022

TL. GIÁM ĐỐC

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Hoàn